

Số: 221./VTDKĐD-TCHC

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương.

Mã Chứng khoán: PTT

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 6, tòa nhà Việt Á, số 9 phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại: 0243.5563031/32 Fax: 0243.5563033

Người thực hiện công bố thông tin: Lê Thanh Sơn

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Việt Á, số 9 phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại: 0243.5563031/32 Fax: 0243.5563033

Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ yêu cầu
 bất thường định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Công văn 220/VTDKĐD-TCKTKH ngày 29/12/2023 của Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương về việc thông báo chào bán cổ phiếu ra công chúng.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương vào ngày 29/12/2023 tại địa chỉ: <http://pvtrans-ptt.com> và trên báo điện tử: tinnhanhchungkhoan.vn

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS (để báo cáo);
- Lưu: VT, TCHC.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC**



Lê Thanh Sơn

Số: 220/VTDKĐD-TCKTKH

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2023

THÔNG BÁO

Chào bán cổ phiếu ra công chúng

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 440/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26/12/2023)

I. Giới thiệu về Tổ chức phát hành

- Tên tổ chức phát hành (đầy đủ): CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG
- Tên viết tắt: PVTRANS - PTT „JSC
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 6, tòa nhà Việt Á, Số 9 phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
- Số điện thoại: (84-24) 3556 3031 Số Fax: (84-24) 3556 3033
Website: <http://pvtrans-ptt.com>
- Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng).
- Mã cổ phiếu: PTT
- Nơi mở tài khoản thanh toán: Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVComBank).
Số hiệu tài khoản: 106000560350.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 0102327357 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 25/07/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 30/09/2021.
- Ngành nghề kinh doanh chính:

Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh
5012	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương
7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê tàu, thuyền và kết cấu nổi không kèm người điều khiển
5229	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển - Logistics - Môi giới thuê tàu biển, phương tiện vận tải bộ. - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ vận chuyển khí CNG - Kinh doanh dịch vụ vận chuyển than bằng đường bộ - Vận tải hàng hóa xăng, dầu, gas - Kinh doanh dịch vụ vận chuyển khí LPG, LNG và các loại khí hóa lỏng khác
5022	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ vận chuyển than bằng đường thủy - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa.

Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh
4661	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: - Mua bán khí CNG - Mua bán than - Bán buôn xăng, dầu, khí hóa lỏng - Mua bán khí LPG, LNG và các loại khí hóa lỏng khác

- Sản phẩm dịch vụ chính: Cung cấp dịch vụ vận tải biển và vận tải đường bộ.

9. Giấy phép thành lập và hoạt động (nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành): Không có.

II. Mục đích chào bán

Tổng khối lượng vốn huy động dự kiến từ đợt chào bán là 70.000.000.000 đồng. Công ty dự kiến sử dụng toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán để bổ sung vốn mua 01 tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 10.000 DWT – 25.000 DWT.

III. Phương án chào bán

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương

2. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

3. Số lượng cổ phiếu chào bán: 7.000.000 cổ phiếu, trong đó:

- Số lượng cổ phiếu Tổ chức phát hành chào bán: 7.000.000 cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu cổ đông/chủ sở hữu/ thành viên chào bán: 0 cổ phiếu.

4. Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu

5. Tổng giá trị vốn huy động: 70.000.000.000 đồng, trong đó:

- Giá trị vốn huy động của Tổ chức phát hành: 70.000.000.000 đồng;
- Giá trị vốn huy động của cổ đông/chủ sở hữu/ thành viên: 0 đồng.

6. Phương thức phân phối: Thông qua việc thực hiện quyền của cổ đông hiện hữu.

- Cổ phiếu phát hành thêm được chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền với tỷ lệ thực hiện quyền là 10:7 (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách để thực hiện quyền được hưởng 01 quyền mua, cứ 10 quyền mua sẽ được mua 07 cổ phiếu mới của đợt phát hành).

7. Số lượng đăng ký mua tối thiểu: Không giới hạn số lượng cổ phiếu đăng ký mua tối thiểu.

8. Thời gian nhận đăng ký mua:

- Thời gian nhận đăng ký mua: từ ngày **24/01/2024** đến ngày **20/02/2024**.
- Thời gian chuyển nhượng quyền mua: **24/01/2024** đến ngày **05/02/2024**.

9. Địa điểm nhận đăng ký mua cổ phiếu:

- Đối với cổ đông đã lưu ký chứng khoán: làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký đặt mua và nộp tiền đặt mua cổ phiếu tại các Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký.
- Đối với cổ đông chưa lưu ký chứng khoán: làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký đặt mua và nộp tiền đặt mua cổ phiếu tại Trụ sở Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (Tầng 6, tòa nhà Việt Á, Số 9 phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội).

10. Thời gian nhận tiền mua cổ phiếu: từ ngày **24/01/2024** đến ngày **20/02/2024**

11. Tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu:

- Tên chủ tài khoản: Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương
- Số tài khoản: 108001791245
- Mở tại: Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVCOMBANK).

12. Các tổ chức liên quan:

2327
ĐÔNG
CỔ PH
TÀI D
ĐÔNG D
ÁY - T

▪ **Tổ chức tư vấn:**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC)

Địa chỉ: Tầng 1, 4 và 7 Tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, P. Hàng Trống, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: (84-24) 3928 8080

Fax: (84-24) 3928 9888

▪ **Tổ chức kiểm toán:**

Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 7105 0000

Fax: (84-24) 6288 5678

13. Địa điểm công bố Bản cáo bạch:

▪ **Tổ chức phát hành: Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương**

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Việt Á, Số 9 phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3556 3031

Fax: (84-24) 3556 3033

Website: <http://pvtrans-ptt.com>

▪ **Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt**

Địa chỉ: Tầng 1, 4 và 7 Tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3928 8080 Fax: (84-24) 3928 9888

Website: www.bvsc.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

GIÁM ĐỐC

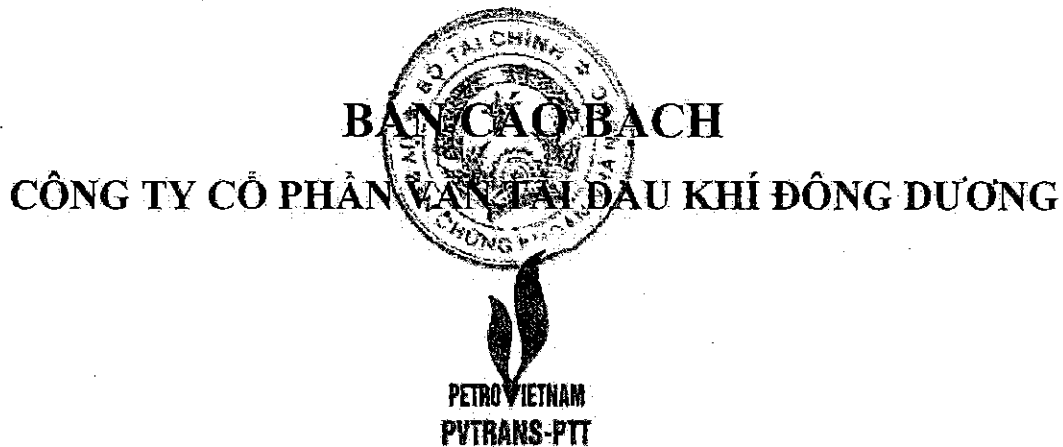


LÊ THANH SƠN



(CT)

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHỨNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102327357 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 25/07/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 30/09/2021)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 440 /GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26 tháng 1 năm 2023)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày / /202 tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Việt Á, Số 9 phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3556 3031

Fax: (84-24) 3556 3033

Website: pvtrans-ptt.com

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

Địa chỉ: Tầng 1, 4 và 7 Tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3928 8080

Fax: (84-24) 3928 9888

Website: www.bvsc.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Lê Thanh Sơn - Chức vụ: Giám đốc

Số điện thoại: (84-24) 3556 3031

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102327357 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 25/07/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 30/09/2021)



CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương
2. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
3. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
4. Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu
5. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 7.000.000 cổ phiếu
6. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 70.000.000.000 đồng
7. Tổ chức kiểm toán:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Trụ sở: Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 7105 0000 Fax: (84-24) 6288 5678

8. Tổ chức tư vấn:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

Trụ sở: Tầng 1, 4 và 7 Tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, P. Hàng Trống, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3928 8080 Fax: (84-24) 3928 9888



MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	4
1. Tổ chức phát hành.....	4
2. Tổ chức tư vấn.....	4
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	5
1. Rủi ro về kinh tế.....	5
2. Rủi ro về luật pháp	8
3. Rủi ro đặc thù	8
4. Rủi ro về đợt chào bán.....	10
5. Rủi ro pha loãng.....	11
6. Rủi ro quản trị công ty.....	13
7. Rủi ro khác.....	14
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	14
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	16
1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành	16
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành.....	17
3. Cơ cấu tổ chức.....	19
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành.....	20
5. Thông tin về Công ty mẹ, Công ty con của Tổ chức phát hành, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những Công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối.....	25
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành	25
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác.....	25
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành.....	26
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.....	26
10. Hoạt động kinh doanh.....	26
11. Chính sách đối với người lao động.....	49
12. Chính sách cổ tức	51
13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất.....	51
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành	51
15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.....	52
16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.....	52
V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH.....	52
1. Kết quả hoạt động kinh doanh.....	52

2.	Tình hình tài chính.....	54
3.	Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành.....	61
4.	Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức.....	61
VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC, PHÓ GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG		63
1.	Thông tin về cổ đông sáng lập	63
2.	Thông tin về cổ đông lớn	63
3.	Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm Soát viên, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng	71
VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN.....		94
1.	Loại cổ phiếu.....	94
2.	Mệnh giá cổ phiếu	94
3.	Tổng số lượng cổ phiếu chào bán.....	94
4.	Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá	94
5.	Giá chào bán dự kiến	94
6.	Phương pháp tính giá.....	94
7.	Phương thức phân phối.....	95
8.	Đăng ký mua cổ phiếu	96
9.	Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu.....	97
10.	Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu	98
11.	Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu	98
12.	Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành	98
13.	Hủy bỏ đợt chào bán.....	98
14.	Biện pháp bảo đảm tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài.....	99
15.	Các loại thuế có liên quan.....	99
16.	Thông tin về các cam kết	100
17.	Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt	101
VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN		101
1.	Mục đích chào bán.....	101
2.	Phương án khả thi.....	101
3.	Thông tin về tình hình triển khai phương án mua tàu	105
IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....		106
1.	Dự kiến số tiền thu được từ đợt chào bán.....	106
2.	Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.....	106
X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN.....		108
XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ.....		108
XII. PHỤ LỤC.....		109

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành: Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương

Ông: Lê Mạnh Tuấn Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông: Lê Thanh Sơn Chức vụ: Giám đốc

Ông: Nguyễn Đình Chính Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn: Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Đại diện theo pháp luật: Ông: Nhữ Đình Hòa Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng dịch vụ tư vấn chào bán cổ phiếu số 59/2023/BVSC-PTT/TV-PH.CP ngày 28 tháng 06 năm 2023 với Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương cung cấp.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (“PTT”) hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực vận tải đường biển và vận tải đường bộ. Kết quả kinh doanh và triển vọng phát triển của Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương có thể bị ảnh hưởng bởi các yếu tố rủi ro (bao gồm nhưng không giới hạn) được đề cập dưới đây:

1. Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng kinh tế, sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái, v.v... Các yếu tố này tác động mang tính hệ thống tới nền kinh tế. Sự biến động bất thường của các yếu tố này có thể gây ra những rủi ro cho các chủ thể tham gia vào nền kinh tế nói chung và PTT nói riêng.

1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Kể từ năm 2020, không chỉ riêng Việt Nam mà toàn bộ nền kinh tế trên thế giới nói chung có nhiều khó khăn do những ảnh hưởng của đại dịch Covid 19. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tăng trưởng GDP năm 2020 và năm 2021 của Việt Nam lần lượt tăng 2,91% và 2,58% là mức tăng trưởng thấp nhất của các năm trong giai đoạn 2011-2021. Kết quả này thể hiện sự tăng trưởng chậm rãi của nền kinh tế, tuy nhiên, đây là tín hiệu khả quan nếu đặt trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu chịu sự tác động lớn từ đại dịch Covid-19, căng thẳng chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, v.v... khi mà nhiều nước trên thế giới có mức tăng trưởng kinh tế âm.

Bước sang năm 2022, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục phải đối mặt với những thách thức lớn khi bối cảnh nền kinh tế thế giới có nhiều biến động nhanh, khó lường, làm gia tăng rủi ro đến thị trường tài chính, tiền tệ, an ninh năng lượng, và an ninh lương thực toàn cầu. Tuy nhiên, theo số liệu của Tổng cục Thống kê, GDP năm 2022 của Việt Nam đã ghi nhận mức tăng 8,02% so với năm trước, đạt mức cao nhất trong giai đoạn 2011-2022, với sự đóng góp lớn từ các lĩnh vực bao gồm: nông, lâm nghiệp, thủy sản, khu công nghiệp, xây dựng và dịch vụ.

Theo báo cáo triển vọng kinh tế toàn cầu tháng 6/2023, World Bank đã dự báo GDP của Việt Nam tăng 6,0% trong năm 2023, với động lực chính đến từ đầu tư công khi mà một lượng đáng kể các dự án sẽ được giải ngân vào năm 2023. Chính phủ đã cam kết giải ngân 30 tỷ USD trong năm 2023, trong đó 90% đã được phân bổ để giải ngân cho các bộ và tỉnh kể từ tháng 01/2023. Về phía cầu, tiêu dùng trong nước sẽ tiếp tục phục hồi vào năm 2023. Du lịch hồi sinh, các chương trình kích cầu và đầu tư công mới được khởi công vào tháng 01/2022 và tăng lương có hiệu lực từ tháng 7/2023 dự kiến sẽ giúp tiêu dùng trong nước tiếp tục tăng.

Trong 09 tháng đầu năm 2023, số liệu của Tổng cục Thống kê cho thấy GDP 9 tháng năm 2023 tăng 4,24% so với cùng kỳ năm trước, chỉ cao hơn tốc độ tăng 2,19% và 1,57% của 9 tháng các năm 2020 và 2021 trong giai đoạn 2011-2023.

Về cơ cấu nền kinh tế 9 tháng năm 2023, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 11,51%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 37,16%; khu vực dịch vụ chiếm

42,72%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 8,61% (cơ cấu tương ứng của cùng kỳ năm 2022 là 11,47%; 38,49%; 41,29%; 8,75%).

1.2. Lạm phát

Lạm phát là yếu tố vĩ mô có tác động đến toàn bộ nền kinh tế. Trong năm 2020, dưới bối cảnh nền kinh tế dự báo gặp nhiều khó khăn do dịch Covid-19, Quốc hội tiếp tục đề ra mục tiêu lạm phát năm 2020 dưới 4%. Theo Tổng cục Thống kê, chỉ số lạm phát cơ bản bình quân năm 2020 tăng 2,31%, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng 3,23% so với bình quân năm 2019. Năm 2021, trong bối cảnh áp lực lạm phát toàn cầu ngày càng tăng cao, giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào cho sản xuất, giá cước vận chuyển liên tục tăng nhưng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2021 của Việt Nam chỉ tăng 1,84% so với năm trước, thấp nhất trong 6 năm qua.

Năm 2022, theo số liệu của Tổng cục Thống kê, CPI bình quân tăng 3,15% so với bình quân năm 2021, đảm bảo mục tiêu kiểm soát lạm phát do Quốc hội đề ra, nhưng vẫn cao hơn mức lạm phát bình quân 5 năm giai đoạn 2017 - 2021 (2,98%). Trong đó, một số nhóm hàng có mức tăng rất cao so với mức tăng bình quân 5 năm như giao thông, đồ uống, thiết bị đồ dùng gia đình, văn hóa giải trí; một số nhóm hàng giảm giá mạnh, chủ yếu là nhóm hàng thuộc quản lý của Nhà nước như y tế, giáo dục.

Theo báo cáo của Tổng Cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 9/2023 tăng 1,08% so với tháng trước. CPI tháng 9 tăng 3,66% so với cùng kỳ năm trước, CPI bình quân quý III/2023 tăng 2,89% so với quý III/2022. Tính chung 9 tháng năm nay, CPI tăng 3,16% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 4,49%. Trong mức tăng 1,08% của CPI tháng 9 so với tháng trước có 10 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng, trong đó nhóm giáo dục tăng cao nhất với mức tăng 8,06%. Một nhóm hàng có chỉ số giá giảm là nhóm bưu chính viễn thông, với mức giảm 0,23%.

Tỷ lệ lạm phát nếu được duy trì ổn định ở mức thấp sẽ tác động tích cực đến hoạt động kinh doanh thông qua kiểm soát được giá cả chi phí các yếu tố đầu vào, nâng cao được hiệu quả hoạt động kinh doanh. Đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải biển và vận tải đường bộ như PTT, trong trường hợp lạm phát tăng cao sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của PTT thông qua sự gia tăng của các chi phí đầu vào như chi phí nhiên liệu đầu vào, chi phí nhân sự,... từ đó làm giảm hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

1.3. Lãi suất

Bên cạnh lạm phát, lãi suất là chỉ số có ý nghĩa quan trọng mà PTT phải luôn theo dõi và cập nhật thường xuyên để hoạch định chiến lược đầu tư phù hợp. Đa số doanh nghiệp đều sử dụng vốn vay từ ngân hàng để bổ sung cho hoạt động kinh doanh. Lãi suất cho vay hình thành nên chi phí vốn và là chi phí đầu vào của quá trình sản xuất kinh doanh; có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Nếu lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại tăng sẽ khiến cho chi phí đầu vào và giá thành sản phẩm tăng lên, khiến lợi nhuận và hiệu quả kinh doanh suy giảm. Khi đó, các doanh nghiệp sẽ có xu hướng cắt giảm và thu hẹp quy mô hoạt động. Trong khi đó, cắt giảm lãi suất sẽ là động lực cho doanh nghiệp giảm chi phí và giá thành,

đồng thời tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Hơn thế, lãi suất thấp là động lực cho các doanh nghiệp mở rộng đầu tư và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, kích thích tăng trưởng kinh tế vĩ mô, tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

Năm 2020 và 2021 là những năm nền kinh tế chịu ảnh hưởng lớn từ đại dịch covid-19. Nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và người dân, duy trì vốn cho sản xuất, góp phần thực hiện chính sách an sinh xã hội, đảm bảo kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, lãi suất cho vay đã giảm đáng kể. Kết quả là, đến cuối năm 2021, lãi suất huy động và cho vay VND bình quân của các tổ chức tín dụng giảm tương ứng khoảng 0,51%/năm và 0,81%/năm so với cuối năm 2020, sau khi đã giảm khoảng 1%/năm trong năm 2020. Lãi suất cho vay ngắn hạn bình quân bằng VND đối với một số ngành, lĩnh vực ưu tiên ở mức 4,4%/năm, thấp hơn mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa theo quy định của NHNN (4,5%/năm); lãi suất cho vay bình quân của ngân hàng thương mại trong nước đối với các khoản cho vay mới và cũ còn dư nợ ở mức 7,6 - 9,5%/năm.

Trong năm 2022, lãi suất huy động tiền gửi của các ngân hàng đã bắt đầu tăng, cao hơn mức lãi suất năm 2021 khoảng 0,5-1% tùy từng kỳ hạn. Đặc biệt là vào thời điểm cuối năm 2022, lãi suất huy động và lãi suất cho vay toàn hệ thống đều tăng khá cao. Theo đó, lãi suất huy động và lãi suất cho vay bình quân toàn hệ thống lần lượt lên mức 6,35%/năm và 10,56%/năm vào tháng 12/2022.

Sau giai đoạn lãi suất tăng cao vào cuối năm 2022 và đầu năm 2023, lãi suất cho vay trên thị trường đã có xu hướng giảm sau khi có sự điều chỉnh của NHNN nhằm hỗ trợ doanh nghiệp trong nền kinh tế. Việc giảm lãi suất sẽ hỗ trợ tích cực cho các hợp đồng vay với lãi suất thả nổi nhưng trái chiều với các hợp đồng vay với lãi suất cố định.

Tại ngày 29/04/2022, Công ty đã ký kết Hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – CN HCM với hạn mức vay 99 tỷ đồng, để tài trợ mua tàu. Khoản vay này được thanh toán thành nhiều kỳ bắt đầu từ ngày 30/05/2022 đến ngày 30/05/2029. Lãi suất của khoản vay được thả nổi, điều chỉnh 3 tháng/ lần (SOFR 90 ngày cộng 5,7%) và lãi vay được thanh toán hàng tháng. Chính vì vậy mọi biến động của lãi suất tăng đều ảnh hưởng đến chi phí vốn của Công ty, từ đó làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

1.4. Tỷ giá

Năm 2020 - 2021, tỷ giá các đồng tiền trên thế giới biến động khá mạnh đến từ nhiều nguyên nhân, trong đó tác động lớn nhất là từ đại dịch Covid-19. Tuy nhiên, tỷ giá USD/VND tại Việt Nam khá ổn định. Năm 2021, tỷ giá trung tâm tăng khoảng 0,1% so với năm 2020.

Năm 2022, nền kinh tế Việt Nam đối mặt với cú sốc tỷ giá. Kể từ tháng 5/2022, Ngân hàng Nhà nước đã tiến hành bán ngoại tệ, giảm dự trữ ngoại hối để bình ổn tỷ giá. Dự trữ ngoại hối của Việt Nam đã giảm từ gần 110 tỷ USD vào cuối tháng 1/2022 xuống còn khoảng 89 tỷ USD vào cuối tháng 12/2022. Tại thời điểm cuối năm 2022, VND mất giá khoảng 3,5% so với đồng USD, thấp hơn nhiều so với các đồng tiền khác trên thế giới và khu vực. Từ đầu năm 2023 đến nay, tỷ giá chủ yếu dao động trong vùng 23.240 – 23.630 VND/USD, biên độ +/-1,9%, tương

đổi ổn định so với năm 2022. Cán cân thương mại hàng hóa 6 tháng đầu năm 2023 ước tính xuất siêu 12,25 tỷ USD, giúp tăng dự trữ ngoại hối, từ đó giúp tỷ giá ổn định hơn trong 6 tháng qua. Hiện nay, Ngân hàng Nhà nước đang tiếp tục theo dõi sát tình hình thị trường để điều hành tỷ giá linh hoạt, phù hợp, phối hợp đồng bộ các công cụ chính sách tiền tệ để ổn định thị trường ngoại tệ.

Trong năm 2022, PTT đã thực hiện Dự án đầu tư 01 tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 13.000 DWT với giá trị đầu tư thực hiện là 147,66 tỷ đồng, tương đương 6,34 triệu USD và đưa vào khai thác tuyến quốc tế từ tháng 06/2022, với toàn bộ doanh thu được thu bằng đồng USD. Từ đầu Quý 3/2023 cho đến nay do ảnh hưởng của hàng loạt các tác động vĩ mô trong và ngoài nước, tỷ giá VND/USD đã có sự biến động tăng từ 23.500 VNĐ/USD lên khoảng trên dưới 24.500 VNĐ/USD, tương đương trên dưới 3,5% đã có phần làm tăng chi phí tài chính của Công ty nhưng về khía cạnh trọng yếu không ảnh hưởng nhiều tới hiệu quả khai thác của dự án và kết quả SXKD chung của Công ty do doanh thu từ hoạt động khai thác tàu đều bằng tiền USD. Bên cạnh đó, các hoạt động sản xuất kinh doanh khác của Công ty đều được thanh toán bằng đồng Việt Nam nên có thể nói rủi ro biến động tỷ giá chưa có ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động của Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro về luật pháp là sự ảnh hưởng đến hoạt động của PTT khi có những thay đổi trong hệ thống các văn bản luật trực tiếp hoặc gián tiếp điều chỉnh các hoạt động của PTT, chiến lược phát triển ngành liên quan đến hoạt động của PTT. Hiện tại, hoạt động của PTT chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật như: Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Thuế, Luật Hàng hải, Luật Bảo vệ môi trường,... và các văn bản liên quan khác.

Là một công ty đại chúng đã đăng ký giao dịch chứng khoán, PTT còn chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn liên quan. Vì vậy, những thay đổi của các văn bản pháp lý trong lĩnh vực này đều ảnh hưởng đến hoạt động của PTT.

Để kiểm soát rủi ro về mặt luật pháp, PTT liên tục cập nhật những thay đổi về các quy định của luật pháp liên quan đến hoạt động của PTT, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp. Để ngăn chặn các phát sinh theo hướng tiêu cực của rủi ro, PTT đã xây dựng hệ thống quản trị nội bộ theo các quy định của pháp luật.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro biến động giá dầu thế giới

Xăng dầu là nhiên liệu đầu vào chính sử dụng trong hoạt động kinh doanh vận tải của PTT, đồng thời cũng là cơ sở để Công ty xây dựng giá cước vận chuyển. Chính vì vậy, bất cứ sự biến động của giá xăng dầu trên thị trường đều ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả kinh doanh của Công ty.

Năm 2022 đã chứng kiến những biến động mạnh của giá dầu, giá dầu Brent lập đỉnh 14 năm và đã có thời điểm giao dịch ở mức gần 140 USD/thùng. Dòng chảy dầu khí trên thế giới

được tái định hướng do tác động của cuộc chiến tranh Nga - Ukraine. Việc giá dầu biến động mạnh đã tác động lên kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 của nhóm các doanh nghiệp dầu khí.

Với đặc thù của lĩnh vực kinh doanh khai thác tàu biển vận chuyên xăng dầu hóa chất thì chi phí nhiên liệu chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí và cơ cấu doanh thu, do vậy việc biến động giá dầu sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành vận tải nói chung và của công ty nói riêng. Những rủi ro này cần được kiểm soát để giảm thiểu tác động từ biến động tăng của giá nhiên liệu thông qua hàng loạt giải pháp như bám sát thị trường và nâng cao công tác dự báo thị trường, dự báo về xu hướng giá dầu, nhu cầu vận tải dầu hóa chất trong ngắn hạn, trung hạn, dài hạn, diễn biến theo mùa vụ từ đó đề ra kế hoạch/chiến lược ứng phó kịp thời. Ban lãnh đạo PTT đã lựa chọn phương án khai thác tàu theo hình thức cho thuê định hạn (TC) với thời hạn dài, với hình thức này thì người thuê tàu chịu chi phí nhiên liệu và cảng phí, do vậy rủi ro về chi phí nhiên liệu đã được kiểm soát.

Với tình hình giá dầu biến động như hiện nay, nếu giá dầu tiếp tục tăng sẽ gây tác động hai chiều đến tình hình kinh doanh của lĩnh vực tàu biển như:

- Về mặt khó khăn: Làm gia tăng chi phí nhiên liệu vận hành tàu, giảm hiệu quả khai thác trong ngắn hạn. Ngoài ra Giá dầu cao còn làm ảnh hưởng tới đà phục hồi các nền kinh tế kéo theo suy giảm nhu cầu về dầu mỏ và giảm nhu cầu vận chuyển bằng đường biển.

- Về mặt thuận lợi: về dài hạn việc tăng giá dầu góp phần hỗ trợ cho việc mở mang gia tăng hoạt động của các doanh nghiệp thăm dò, khai thác chế biến dầu khí. Từ đó lượng mua bán giao dịch dầu mỏ và các sản phẩm sẽ tăng dần lên kéo theo tăng nhu cầu sử dụng dịch vụ vận chuyển. Hơn nữa khi đó chi phí vận tải tính trên chi phí 1 thùng dầu khai thác chế biến sẽ giảm tương đối (phí vận chuyển/chi phí 1 thùng dầu SP) giảm trong khi doanh thu của các khách hàng dầu khí tăng, giảm bớt áp lực cắt giảm chi phí từ các khách hàng của công ty.

Do đó, việc đưa ra các kịch bản để phân tích độ nhạy và theo dõi tình hình diễn biến liên quan đến giá dầu, nhu cầu tiêu thụ dầu và các yếu tố liên quan đến thị trường tàu là điều rất cần thiết trong tình hình hiện nay.

3.2. Rủi ro cháy nổ và ô nhiễm môi trường

Lĩnh vực kinh doanh khai thác tàu dầu hóa chất là lĩnh vực có rủi ro cháy nổ cao và khi rủi ro xảy ra có thể gây thiệt hại đối với tài sản, gây ô nhiễm môi trường và thiệt hại lớn cho doanh nghiệp. Do vậy công ty PTT cũng như các Chủ tàu khác hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh khai thác tàu biển, tàu chở dầu hóa chất phải trang bị đầy đủ các trang thiết bị, xây dựng hệ thống quản lý an toàn bao gồm an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và phòng chống ô nhiễm môi trường và tuân thủ nghiêm ngặt các hệ thống này trong suốt quá trình hoạt động.

Hơn nữa các trang thiết bị và hệ thống kiểm soát rủi ro này luôn được được các cơ quan đăng kiểm trong nước và quốc tế (Class) định kỳ kiểm tra đánh giá mức độ đáp ứng của hệ thống đối với các công ước quốc tế về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và chống ô nhiễm

môi trường. Ngoài ra các của các tổ chức khác như Công ty bảo hiểm, người thuê tàu còn yêu cầu giám định viên (inspector/Surveyor) của họ kiểm tra đánh mức độ các trang thiết bị và hệ thống quản lý an toàn trên tàu và của công ty quản lý tàu.

Là công ty Chủ tàu hoạt động trên thị trường quốc tế, PTT luôn ưu tiên hàng đầu công tác bảo đảm an toàn phòng chống cháy nổ, mua bảo hiểm tài sản, cháy nổ, và có trách nhiệm với cộng đồng và môi trường, do vậy rủi ro này được kiểm soát.

4. Rủi ro về đợt chào bán

4.1. Rủi ro của đợt chào bán

Trong đợt huy động vốn lần này, Công ty sẽ chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Tại thời điểm xây dựng phương án phát hành trình ĐHĐCĐ bất thường năm 2023, căn cứ giá trị sổ sách cổ phiếu của Công ty tại thời điểm 31/12/2022 (12.126,5 đồng/cổ phần), giá cổ phiếu bình quân 30 phiên giao dịch gần nhất của cổ phiếu PTT từ ngày 13/06/2023 đến ngày 24/07/2023 (11.030 đồng/cổ phần), nhu cầu vốn của PTT cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho cổ đông thực hiện quyền, HĐQT của Công ty đề xuất và đã được ĐHĐCĐ chấp thuận tại Nghị quyết số 02/NQ-VTDKĐD-ĐHĐCĐ ngày 21/08/2023, mức giá chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu bằng với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Giá trị sổ sách tại ngày 30/09/2023 của Công ty là: khoảng 12.968 đồng/cổ phần và giá cổ phiếu bình quân 30 phiên giao dịch gần nhất của cổ phiếu PTT (từ ngày 22/09/2023 đến ngày 02/11/2023) là: 8.787 đồng/cổ phần. Như vậy, giá giao dịch bình quân 30 phiên của PTT hiện đang thấp hơn mệnh giá cũng như giá chào bán cổ phần của Công ty (10.000 đồng/cổ phần). Điều này có thể dẫn đến việc đợt chào bán không thành công như dự kiến.

Sau khi kết thúc thời gian thực hiện quyền của cổ đông hiện hữu, đối với số cổ phiếu không chào bán hết (do cổ phiếu lẻ phát sinh hoặc cổ đông hiện hữu không mua/không mua hết), HĐQT sẽ tiếp tục phân phối cho các nhà đầu tư quan tâm với giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu. Số cổ phiếu không chào bán hết khi phân phối tiếp sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

Trong trường hợp do một số nguyên nhân khách quan như: các yếu tố vĩ mô làm giảm kỳ vọng của nhà đầu tư về thị trường chứng khoán, đợt chào bán không có bảo lãnh phát hành hay dịch bệnh tái bùng phát trên phạm vi toàn cầu... và/hoặc do giá giao dịch trên thị trường của PTT trong khoảng thời gian thực hiện quyền của cổ đông hiện hữu thấp hơn giá chào bán (10.000 đồng/cổ phần) dẫn đến đợt chào bán không đạt tỷ lệ thực hiện quyền như mong muốn (nhưng vẫn đạt tỷ lệ tối thiểu 70% số lượng cổ phần đăng.ký phát hành), đối với phần vốn thiếu hụt, Công ty sẽ sử dụng các công cụ tài chính hợp pháp khác, bao gồm và không giới hạn ở các công cụ vốn chủ hoặc vốn nợ để thu xếp đủ nguồn vốn thực hiện mua 01 tàu chở dầu/hóa chất như đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Trường hợp sau khi kết thúc đợt chào bán, tỷ lệ chào bán nhỏ hơn 70% tổng số cổ phiếu phát hành thêm của đợt chào bán, Công ty sẽ thực hiện hủy bỏ đợt chào bán theo đúng quy định

của pháp luật hiện hành.

4.2. *Rủi ro của việc sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán*

Theo Nghị quyết ĐHCĐ bất thường ngày 21/08/2023, toàn bộ số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán được sử dụng để bổ sung vốn mua 01 tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 10.000 DWT – 25.000 DWT nhằm nâng cao năng lực vận tải, tăng sức cạnh tranh trên thị trường. Công ty đánh giá việc tăng vốn điều lệ để đầu tư thêm tàu là phù hợp định hướng phát triển của Công ty, giúp gia tăng lợi thế cạnh tranh và góp phần cho sự phát triển lâu dài của Công ty.

Trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ như dự kiến và/hoặc chi phí đầu tư tàu cao hơn kế hoạch (do giá bán tàu trên thị trường quốc tế tăng và/hoặc tỷ giá USD/VNĐ tăng cao hơn so với tỷ giá giả định tại Phương án mua tàu), Công ty sẽ sử dụng bổ sung nguồn vốn đầu tư tàu thông qua các hình thức khác như lợi nhuận chưa phân phối, quỹ đầu tư phát triển, nguồn khấu hao lũy kế tính đến thời điểm thực hiện đầu tư và các nguồn vốn vay ngân hàng khác. Vì vậy, Công ty đánh giá các yếu tố rủi ro của việc sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán là không cao.

5. *Rủi ro pha loãng*

Ngày 29/04/2010, Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương chính thức đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường giao dịch chứng khoán UPCOM với mã cổ phiếu PTT.

Sau khi hoàn tất đợt chào bán, có thể xuất hiện mức độ pha loãng, các nhà đầu tư nên lưu ý các rủi ro sau liên quan đến pha loãng cổ phiếu bao gồm: pha loãng về giá cổ phiếu; pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS); pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần (BV).

➤ *Rủi ro pha loãng về giá cổ phiếu:*

Thông thường cổ phiếu Công ty cổ phần đã giao dịch tập trung hoặc niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ bị điều chỉnh kỹ thuật về giá, giá pha loãng khi có cổ phiếu mới phát hành theo công thức sau:

$$P = \frac{P_{t-1} + (I \times PR)}{1 + I}$$

Trong đó:

P: là giá tham chiếu của cổ phiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền (giá cổ phiếu sau khi bị pha loãng);

P_{t-1}: là giá cổ phiếu trước ngày giao dịch không hưởng quyền (giá cổ phiếu trước khi bị pha loãng);

I: là tỷ lệ vốn tăng;

PR: là giá cổ phiếu sẽ bán cho người nắm giữ quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới.

Do đó, cổ phiếu PTT khi giao dịch tại hệ thống Upcom của HNX sẽ bị ảnh hưởng bởi điều chỉnh kỹ thuật về giá cổ phiếu trên thị trường chứng khoán khi thực hiện phát hành cho cổ đông hiện hữu.

Ví dụ: Ngày T là ngày giao dịch không hưởng quyền của các cổ đông để thực hiện chốt danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu trong đợt chào bán của cổ phiếu PTT (đăng ký giao dịch tại UPCOM), giả định giá của cổ phiếu PTT tại ngày T-1 là 11.000 đồng/CP. Tỷ lệ chào bán là 10:7 (Theo đó, cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách để thực hiện quyền sẽ được mua 07 cổ phiếu phát hành thêm), giá cổ phiếu sẽ bán cho người nắm quyền mua cổ phiếu theo phương án phát hành là $PR = 10.000$ đồng/CP. Theo công thức nêu trên, giá tham chiếu của cổ phiếu tại ngày T, sau khi bị pha loãng là:

$$P = (11.000 + 70\% \times 10.000) / (1 + 70\%) = 10.588 \text{ (đồng)}.$$

➤ **Pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phần:**

Công thức tính EPS pha loãng dự kiến như sau:

$$\text{EPS pha loãng} = E/Qbq$$

Trong đó:

EPS pha loãng: Thu nhập trên mỗi cổ phần pha loãng sau đợt phát hành.

E: Tổng lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu mỗi cổ phiếu phổ thông.

Qbq: Số lượng cổ phần đang lưu hành bình quân sau khi phát hành.

EPS năm 2022 theo BCTC kiểm toán của PTT là 473 đồng/cổ phiếu. Sau phát hành, chỉ số EPS của Công ty có thể giảm do tổng số lượng cổ phần lưu hành tăng lên so với hiện tại và việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành có thể chưa tạo ra ngay doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

Ví dụ: Giả định ngày hoàn tất đợt chào bán của PTT là 31/01/2024, số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm 2024 là:

$$Qbq = \frac{1 \times 10.000.000 + 11 \times 17.000.000}{12} = 16.416.666 \text{ cổ phần}$$

Nếu giả định PTT đạt lợi nhuận sau thuế 10.560.000.000 đồng trong năm 2024, khi đó EPS năm 2024 trước và sau pha loãng như sau:

$$\text{EPS 2024} = \frac{9.600.000.000}{10.000.000} = 960 \text{ đồng/cổ phần}$$

$$\text{EPS 2024 pha loãng} = \frac{10.560.000.000}{16.416.666} = 643 \text{ đồng/cổ phần}$$

➤ **Pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần (BV):**

Công thức tính pha loãng BV dự kiến như sau:

$$BV_{\text{pha loãng}} = NVCSH/Qbq$$

Trong đó:

BV pha loãng: Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần pha loãng sau đợt phát hành.

NVCSH: Nguồn vốn chủ sở hữu trong kỳ thuộc về cổ đông.

Qbq: Số lượng cổ phần đang lưu hành bình quân sau khi phát hành.

Sau đợt phát hành, Giá trị sổ sách pha loãng trên mỗi cổ phiếu của Công ty có thể biến động phụ thuộc vào tốc độ tăng của giá trị nguồn vốn chủ sở hữu và tốc độ tăng của số lượng cổ phiếu lưu hành.

Giá định PTT hoàn thành đợt chào bán tại 31/01/2024, số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm 2024 là 16.416.666 cổ phiếu. Giá định Nguồn vốn chủ sở hữu tại 31/12/2024 là 212.152.013.319 đồng (giá định phát sinh thêm trong năm gồm: 70 tỷ đồng từ tăng vốn và 12 tỷ đồng từ lợi nhuận sau thuế; và phát sinh giảm trong năm là 1.040.000.000 đồng do Công ty trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi).

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023 (Dự kiến)	Năm 2024 (Dự kiến)
1	Nguồn vốn chủ sở hữu (đồng)	131.192.013.319	212.152.013.319
2	Số lượng cổ phiếu lưu hành tại ngày 31/12 (cổ phiếu)	10.000.000	17.000.000
3	Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	10.000.000	16.416.666
4	Giá trị sổ sách bình quân (đồng) (4) = (1)/(3)	13.192	12.923
5	Giá trị sổ sách tính tại ngày 31/12 (đồng) (5)=(1)/(2)	13.192	12.480

Trường hợp giá phát hành cao hơn giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền:

Trường hợp giá phát hành của cổ phiếu PTT cao hơn giá tham chiếu trên sàn tại ngày giao dịch không hưởng quyền (bao gồm cả trường hợp giá tham chiếu của cổ phiếu PTT tại ngày giao dịch không hưởng quyền thấp hơn mệnh giá cổ phiếu – giá định là 9.000 đồng/cổ phiếu), theo quy chế giao dịch của UPCOM, giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền sẽ không điều chỉnh sau khi đã điều chỉnh các quyền khác (nếu có).

(Giá tham chiếu của cổ phiếu được tính như sau: Đối với cổ phiếu giao dịch tại hệ thống UPCOM, giá tham chiếu được tính bằng bình quân gia quyền của các mức giá giao dịch lô chốt thực hiện theo phương thức khớp lệnh liên tục của ngày giao dịch gần nhất trước đó).

6. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro có thể xuất phát từ việc quản trị Công ty yếu kém có thể ảnh hưởng tới sự phát triển lâu dài của doanh nghiệp là rủi ro tiềm ẩn không chỉ của Công ty nói riêng mà các doanh nghiệp nói chung. Việc quản trị yếu kém có thể gây ra những hậu quả như: đầu tư thiếu hiệu quả, lãng phí vốn, chi phí vốn cao, mất cân đối tài chính, không có hoặc sai định hướng phát triển, sản phẩm dịch vụ chưa đáp ứng thị trường và những bất đồng nội bộ gây ảnh hưởng tới quyền và lợi

ích của cổ đông. Việc cán bộ công nhân viên, lãnh đạo cấp cao không thực hiện đúng và đủ trách nhiệm cũng như vai trò được giao sẽ gây ra những ảnh hưởng tiêu cực đối với bất kỳ một doanh nghiệp nào. Nhằm hạn chế và giảm thiểu các rủi ro liên quan đến quản trị, Công ty luôn chú trọng việc quản trị rủi ro và giám sát việc thực hiện các quy chế quản trị nội bộ của Công ty.

7. Rủi ro khác

Hoạt động kinh doanh của PTT có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro do thiên tai, dịch bệnh, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh,... Nếu xảy ra, những rủi ro đó có thể sẽ gây thiệt hại về con người, tài sản của PTT hoặc làm cho hoạt động kinh doanh của PTT bị ảnh hưởng.

III. CÁC KHÁI NIỆM

BCTC	: Báo cáo tài chính
BKS	: Ban kiểm soát
BVSC	: Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt
CBNV	: Cán bộ nhân viên
CTCP	: Công ty cổ phần
Công ty, Doanh nghiệp, PTT	: Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương
DTT	: Doanh thu thuần
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
HDQT	: Hội đồng quản trị
HNX	: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
LNST	: Lợi nhuận sau thuế
Luật Doanh nghiệp	: Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020
Luật Chứng khoán	: Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019
PVTrans, PVT	: Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí
Thuế GTGT/ VAT	: Thuế giá trị gia tăng
Thuế TNCN	: Thuế thu nhập cá nhân
Thuế TNDN	: Thuế thu nhập doanh nghiệp
UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Upcom : Hệ thống giao dịch cổ phiếu của công ty đại chúng chưa niêm yết
VND : Việt Nam Đồng
VSDC : Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành

Tên Công ty đầy đủ : CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

Tên viết tắt : PVTRANS - PTT ,JSC

Tên tiếng Anh : INDOCHINA PETROLEUM TRANSPORTATION JOINT STOCK COMPANY

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số : Số 0102327357 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 25/07/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 30/09/2021.

Địa chỉ trụ sở chính : Tầng 6, toà nhà Việt Á, số 9 phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Số điện thoại : (84-24) 3556 3031

Số fax : (84-24) 3556 3033

Website : <http://pvtrans-ptt.com>

Vốn điều lệ hiện tại : 100.000.000.000 đồng

Người đại diện theo pháp luật : Lê Thanh Sơn – Chức vụ: Giám đốc

Mã cổ phiếu : PTT

Sàn đăng ký giao dịch : Upcom

Logo :



Ngành nghề kinh doanh chính:

Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh
5012	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương
7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê tàu, thuyền và kết cấu nổi không kèm người điều khiển
5229	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển - Logistics - Môi giới thuê tàu biển, phương tiện vận tải bộ. - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển).

11/21 1.4.2015 15:11

Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ vận chuyển khí CNG - Kinh doanh dịch vụ vận chuyển than bằng đường bộ - Vận tải hàng hóa xăng, dầu, gas - Kinh doanh dịch vụ vận chuyển khí LPG, LNG và các loại khí hóa lỏng khác
5022	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ vận chuyển than bằng đường thủy - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa.
4661	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: - Mua bán khí CNG - Mua bán than - Bán buôn xăng, dầu, khí hóa lỏng - Mua bán khí LPG, LNG và các loại khí hóa lỏng khác
Các ngành nghề khác chi tiết theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty.	

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành

Ngày 15/6/2007, Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam ban hành Nghị quyết số 1843/NQ-DKVN về việc chấp thuận đề Công ty kinh doanh Khí hoá lỏng miền Bắc (PVGasNorth) thành lập Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương với vốn điều lệ tại thời điểm thành lập là 100 tỷ đồng với 06 cổ đông là các Đơn vị thành viên và các đơn vị liên kết của Tập đoàn.

Ngày 25/7/2007, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu cho Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương. Đây chính là thời điểm chính thức khởi đầu cho Công ty đi vào hoạt động với mục đích ban đầu là triển khai chủ trương lớn của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội trong việc hình thành một doanh nghiệp vận tải taxi đầu tiên tại miền Bắc sử dụng nhiên liệu sạch LPG thân thiện với môi trường. Ngoài việc kinh doanh xe taxi sử dụng nhiên liệu sạch, Công ty còn kinh doanh các lĩnh vực khác như dịch vụ cho thuê xe văn phòng, kinh doanh vận chuyển và mua bán xăng dầu, khí hoá lỏng LPG và các sản phẩm dầu mỏ khác.

Ngày 23/11/2007, Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương trở thành đơn vị thành viên của Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans).

Sau 01 năm thành lập, năm 2008, Công ty đã đầu tư và đưa vào hoạt động 200 xe taxi với thương hiệu Taxi Dầu khí, đầu tư 13 xe bồn chuyên dụng chở LPG và xăng dầu, 08 xe văn phòng cho thuê, 01 trạm nạp LPG, và cơ sở Gara sửa chữa ô tô phục vụ cho đội xe. Năm 2009, Công ty tiếp tục đầu tư và phát triển thêm 90 xe taxi mới và thêm 01 trạm nạp LPG Lương Yên, 02 xe bồn LPG và đội xe văn phòng cho thuê mới. Trong giai đoạn này, Công ty đã từng bước xây dựng uy tín, bước đầu tạo dựng thương hiệu trong ngành dầu khí tại các thành phố Hà Nội, Nam Định, Thái Bình, Quảng Ninh và một số tỉnh thành phía Bắc.

Năm 2015, để nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD cho phù hợp với điều kiện của thị trường đã thay đổi, Công ty đã thực hiện tái cấu trúc tài sản và lĩnh vực hoạt động của mình. Theo đó Công ty thực hiện chuyển nhượng và chấm dứt toàn bộ hoạt động taxi tại Hà Nội và Nam Định, thu hồi toàn bộ giá trị tài sản nhượng bán, tất toán hợp đồng vay vốn đầu tư taxi từ đầu thành lập để tập trung nguồn vốn cho đầu tư phát triển lĩnh vực kinh doanh mới cho giai đoạn tiếp theo; Công ty đã đầu tư 08 xe đầu kéo và 6 bồn composite chứa khí CNG. Trong thời gian này, cùng với sự hỗ trợ của cổ đông lớn là Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí và sự hỗ trợ của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, Tổng công ty CP Khí Việt Nam, Công ty đã thành công trong việc tham gia lĩnh vực vận tải khí CNG với việc ký kết hợp đồng vận chuyển khí CNG cho PVGas North và CNG Việt Nam (thời hạn hợp đồng 7 năm kể từ tháng 6/2015), mở ra một cơ hội hoạt động SXKD mới và tiềm năng cho Công ty.

Năm 2016, Công ty đã thành lập mới Chi nhánh Công ty tại TP. Hồ Chí Minh, bước đầu cung cấp dịch vụ xe văn phòng cho PVTrans và các đơn vị thành viên, Tổng công ty khí PVGas với số xe đầu tư 59 chiếc, xe thuê vệ tinh 45 chiếc trong chiến lược mở rộng hoạt động kinh doanh xe văn phòng của Công ty khu vực phía Nam.

Tháng 4/2017, Công ty thành lập Chi nhánh Công ty tại Thái Bình.

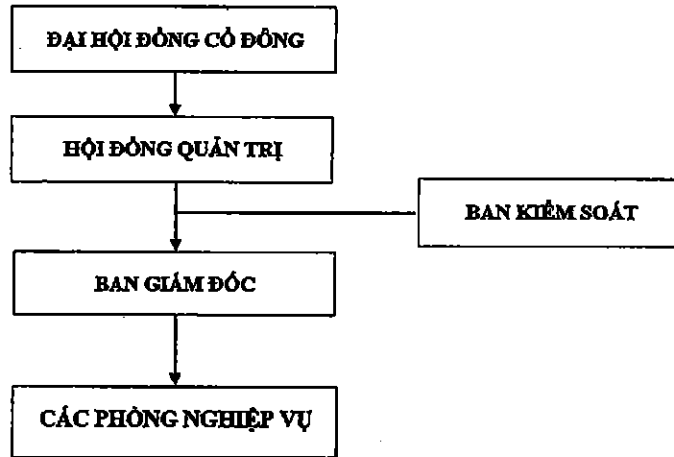
Năm 2020, cùng với sự chấp thuận chủ trương của ĐHĐCĐ, Công ty tiếp tục tái cấu trúc doanh nghiệp chuyển đổi lĩnh vực kinh doanh chính từ vận tải đường bộ sang vận tải biển để phù hợp với loại hình hoạt động SXKD chung của Tổng công ty PVTrans và các đơn vị thành viên khác đang có lợi thế về dài hạn. Trong năm này, ĐHĐCĐ cũng thông qua kế hoạch đầu tư 01 tàu hàng rời handysize trọng tải 25.000 - 35.000 DWT hoặc 01 tàu chở dầu/hoá chất trọng tải khoảng 10.000-15.000 DWT. Đến năm 2021, ĐHĐCĐ đã phê duyệt dự án đầu tư 01 tàu chở dầu/hoá chất trọng tải khoảng 13.000 DWT.

Ngày 06/6/2022, Công ty đã chính thức hoàn thành công tác đầu tư và nhận 01 tàu chở dầu/hoá chất trọng tải khoảng 13.000 DWT đóng tại Hàn Quốc mang tên PVT Elena, với chi phí đầu tư thấp tạo lợi thế cạnh tranh và được Công ty đưa vào khai thác thị trường quốc ngay sau khi tiếp nhận, đảm bảo an toàn và đạt hiệu quả cao. Đây là dấu mốc lịch sử khi Công ty chính thức bước sang giai đoạn mới - hoạt động kinh doanh khai thác trong lĩnh vực vận tải biển, tạo tiền đề vững chắc cho sự phát triển trong giai đoạn tiếp theo.

3. Cơ cấu tổ chức

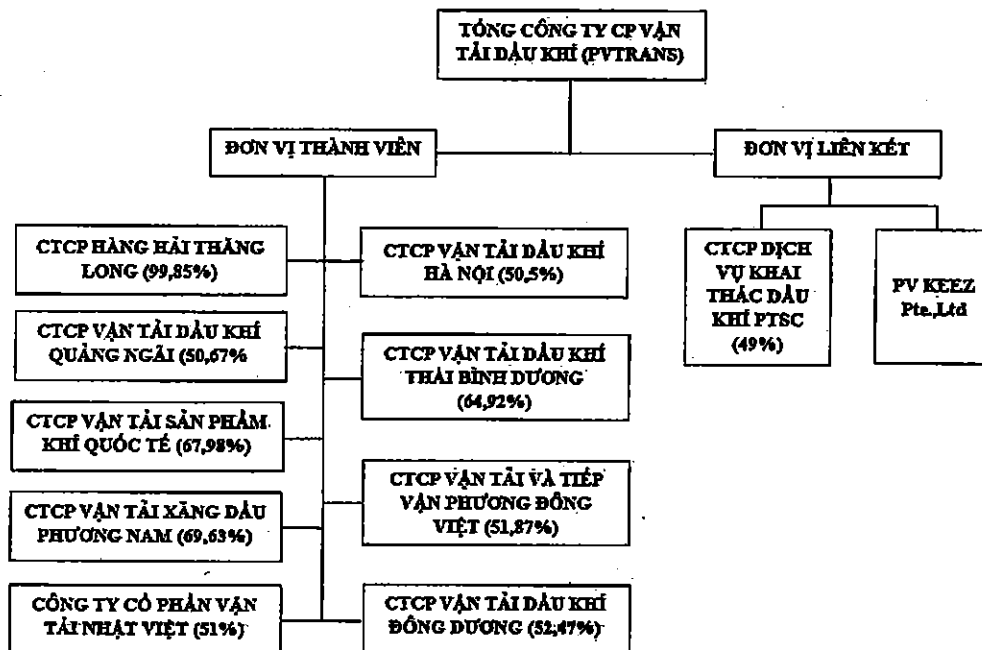
Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương hoạt động theo mô hình được quy định tại mục a, Khoản 1, Điều 137 Luật Doanh nghiệp.

Sơ đồ cơ cấu tổ chức của PTT



Nguồn: PTT

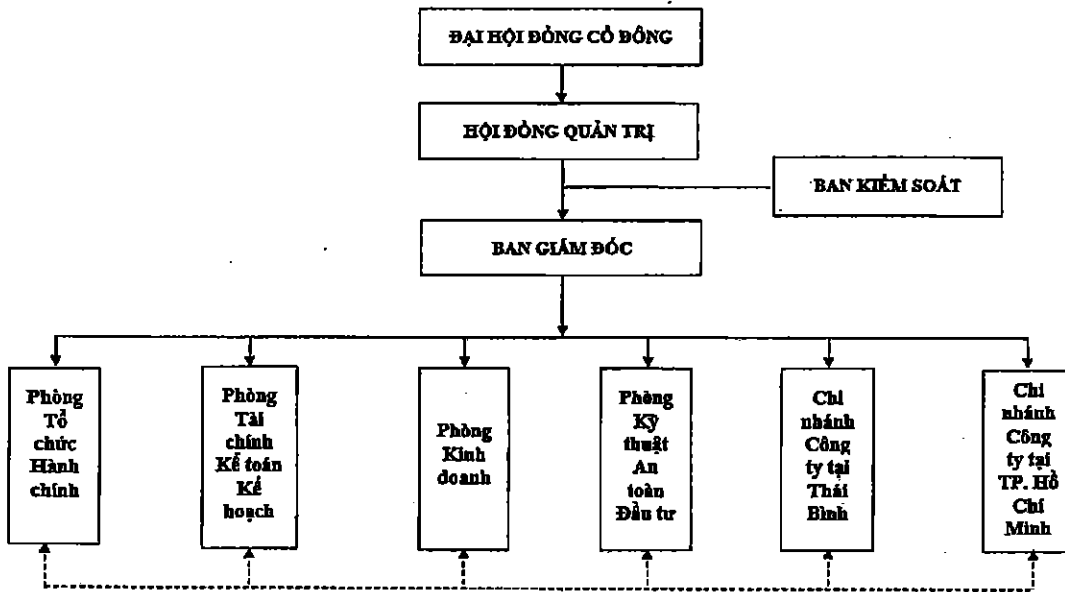
Sơ đồ cơ cấu tổ chức trong nhóm Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTTRANS)



Nguồn: PTT

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành

Sơ đồ 1: Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty



Nguồn: PTT

4.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ có quyền thảo luận và thông qua: Báo cáo tài chính hàng năm; Báo cáo của Ban kiểm soát; Báo cáo của HĐQT; Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát; Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty; Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty; các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị (HĐQT) là cơ quan quản lý của Công ty gồm 06 (sáu) thành viên do ĐHĐCĐ bầu. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm, thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. HĐQT có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Các quyền và nghĩa vụ của HĐQT được quy định trong Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và các Quy chế của Công ty.

HĐQT Công ty hiện có 06 (sáu) người, gồm 01 Chủ tịch và 05 thành viên, cụ thể:

Họ và tên	Chức danh
Ông Lê Mạnh Tuấn	Chủ tịch HĐQT

Họ và tên	Chức danh
Ông Lê Thanh Sơn	Thành viên HĐQT
Ông Đỗ Đức Hùng	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT
Ông Lưu Mạnh Thắng	Thành viên HĐQT
Ông Phạm Anh Hùng	Thành viên HĐQT độc lập

4.3. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát của Công ty gồm 03 (ba) thành viên do ĐHĐCĐ bầu. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm (năm); thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Ban Kiểm soát thực hiện giám sát HĐQT, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong thực hiện các nhiệm vụ được giao; Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Giám đốc Công ty. Quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Họ và tên	Chức danh
Ông Lê Thiện Nhật	Trưởng ban
Bà Lê Hải Yến	Thành viên
Ông Đỗ Như Tiến	Thành viên

4.4. Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty gồm 03 (ba) người: (01) Giám đốc và (02) Phó Giám đốc. Nhiệm kỳ không quá 05 (năm) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty và là người quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất - kinh doanh của Công ty. Giám đốc chịu sự giám sát của HĐQT, chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Phó Giám đốc giúp việc cho Giám đốc trong từng lĩnh vực cụ thể và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các nội dung công việc được Giám đốc phân công.

Họ và tên	Chức danh
Ông Lê Thanh Sơn	Giám đốc
Ông Bùi Hữu Cơ	Phó Giám đốc

Họ và tên	Chức danh
Ông Vũ Hoài Nam	Phó Giám đốc

4.5. Các phòng ban Công ty

4.5.1. Phòng tổ chức Hành chính

Phòng Tổ chức Hành chính của Công ty có nhiệm vụ:

- Tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty và tổ chức thực hiện các công việc về công tác tổ chức cán bộ; công tác nhân sự - thuyên viên; công tác lao động tiền lương, chế độ chính sách; công tác thi đua khen thưởng - kỷ luật.
- Tổ chức thực hiện công tác hành chính quản trị; công tác văn thư lưu trữ; công tác bảo mật thông tin - tài liệu; quản lý công cụ, dụng cụ làm việc, các trang thiết bị văn phòng; công tác đối nội, đối ngoại, lễ tân, khánh tiết.
- Triển khai thực hiện công tác xây dựng văn hóa doanh nghiệp.

4.5.2. Phòng Tài chính Kế toán Kế hoạch

Phòng Tài chính Kế toán Kế hoạch có các nhiệm vụ chính sau:

- Tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty và hỗ trợ các phòng ban, bộ phận về việc tổ chức thực hiện công tác tài chính, kế toán tại Công ty.
- Tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty thực hiện công tác quản lý vốn bằng tiền, vật tư, tài sản, công nợ và thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.
- Tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty thực hiện công tác lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư ngắn hạn, trung hạn và dài hạn.
- Quản lý công tác thống kê, theo dõi việc thực hiện kế hoạch, đề xuất giải pháp thực hiện kế hoạch của Công ty; chuẩn bị các báo cáo cho các cơ quan cấp trên và cơ quan chức năng theo quy định.
- Phối hợp quản trị dự án đầu tư và xây dựng cơ bản với vai trò Công ty là chủ dự án.
- Thẩm định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ theo nhiệm vụ phân công.

4.5.3. Phòng Kinh doanh

Phòng Kinh doanh là phòng chuyên môn thuộc bộ máy điều hành Công ty, thực hiện chức năng tham mưu và giúp việc cho Ban lãnh đạo Công ty trong công tác điều hành quản lý các lĩnh vực kinh doanh theo đúng các ngành nghề đã đăng ký và được cấp phép tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty cũng như các ngành nghề kinh doanh mà Nhà nước không cấm. Phòng Kinh doanh có các nhiệm vụ chính như sau:

- Tổ chức điều hành, quản lý khai thác kinh doanh lĩnh vực vận tải đường biển: khai thác đội tàu của Công ty sở hữu/Sở hữu danh nghĩa và tàu do Công ty thuê và kinh doanh

dịch vụ đại lý hàng hải.

- Tổ chức, điều hành, quản lý khai thác kinh doanh thương mại, kinh doanh xăng dầu, LPG, CNG, LNG,... và các lĩnh vực vận tải đường bộ như: vận chuyển hành khách bằng xe văn phòng cho thuê; vận chuyển CNG, LNG bằng xe đầu kéo, cho thuê bồn Composite,...
- Phối hợp quản lý giám sát công tác Quản lý rủi ro, giải quyết các vấn đề tranh chấp, khiếu nại phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty.
- Phối hợp giám sát công tác quản lý kỹ thuật, quản lý an toàn, quản lý thuyền viên đội tàu của Công ty sở hữu/Sở hữu danh nghĩa và tàu do công ty thuê để tự khai thác.
- Phối hợp với các Phòng chức năng khác trong công ty xây dựng và giám sát thực hiện các định mức kinh tế kỹ thuật.
- Tham mưu giúp việc cho Ban lãnh đạo Công ty về công tác nghiên cứu phát triển thị trường.

4.5.4. Phòng Kỹ thuật an toàn đầu tư

1. Về công tác Kỹ thuật:

- Tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty trong công tác xây dựng, thẩm định và triển khai thực hiện các định mức kinh tế kỹ thuật.
- Tham gia tổ chức, mua sắm hàng hóa/dịch vụ phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý tàu và cung cấp dịch vụ cho khách hàng khi được phân công.
- Triển khai thực hiện các hoạt động khoa học công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, sáng kiến - sáng chế - sở hữu trí tuệ trong toàn công ty.

2. Về công tác An toàn Pháp chế:

- Tham mưu và giúp việc cho Ban lãnh đạo Công ty trong lĩnh vực an toàn phương tiện, công tác pháp chế hàng hải, an toàn chất lượng, sức khỏe, bảo vệ môi trường.
- Chủ trì việc xây dựng và áp dụng Bộ luật Quản lý an toàn quốc tế (ISM Code) và Bộ luật quốc tế về an ninh cho tàu biển và bến cảng (Bộ luật ISPS);
- Thực hiện công tác bảo hiểm tài sản, bảo hiểm con người và pháp chế hàng hải.
- Quản lý giám sát công tác Quản lý rủi ro, công tác bảo hiểm, giải quyết các vấn đề tranh chấp, khiếu nại, bảo hiểm phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty.
- Bộ phận An toàn pháp chế trực tiếp điều tra khắc phục các tai nạn sự cố và giải quyết xử lý các tranh chấp luật pháp liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty.
- Đào tạo, huấn luyện khối thuyền viên về công tác an toàn.
- Đào tạo huấn luyện kỹ thuật an toàn đội xe vận tải đường bộ

3. Về công tác Đầu tư:

- Tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty trong công tác đầu tư ngắn hạn, trung hạn và dài hạn và công tác phát triển dịch vụ mới của Công ty.
- Tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty phương án triển khai thực hiện công tác đầu tư sau khi dự án được phê duyệt.

4.5.5. Chi nhánh Công ty tại Thái Bình

- Tổ chức và triển khai các hoạt động kinh doanh xe đầu kéo, bồn chứa CNG, xe văn phòng cho thuê đối với các đối tác khách hàng phía Bắc.
- Thực hiện công tác bồi dưỡng, đào tạo an toàn kỹ thuật đội ngũ nhân viên lái xe theo quy định.
- Thực hiện quy định về quản lý tài chính; quy định về nội quy, chế độ làm việc đối với cán bộ nhân viên quản lý điều hành và khối lao động trực tiếp sản xuất; tuân thủ các quy trình, quy định về kỹ thuật, an toàn; các quy định về định mức tiêu hao nhiên liệu, vật tư; quy định về quản lý vật tư, phụ tùng mua sắm sử dụng nội bộ, v.v... do Công ty ban hành.
- Bảo quản, giữ gìn trang thiết bị và các phương tiện vận tải... do Công ty giao đảm bảo an toàn, hiệu quả.
- Chịu sự kiểm tra, giám sát và hướng dẫn định kỳ/hoặc đột xuất của các Phòng chức năng Công ty theo từng lĩnh vực kinh doanh, theo chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ; và kiểm tra tính tuân thủ các quy định của Công ty đã ban hành.
- Thực hiện những nhiệm vụ khác do Công ty giao.

4.5.6. Chi nhánh Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh

- Tổ chức và triển khai các hoạt động kinh doanh xe đầu kéo, bồn chứa CNG, xe văn phòng cho thuê đối với các đối tác khách hàng phía Nam.
- Thực hiện công tác tuyển dụng, bồi dưỡng, đào tạo khối lao động trực tiếp theo quy định của Công ty.
- Thực hiện quy định về quản lý tài chính; quy định về nội quy, chế độ làm việc đối với cán bộ nhân viên quản lý điều hành và khối lao động trực tiếp sản xuất; tuân thủ các quy trình, quy định về kỹ thuật, an toàn; các quy định về định mức tiêu hao nhiên liệu, vật tư; quy định về quản lý vật tư, phụ tùng mua sắm sử dụng nội bộ v.v... do Công ty ban hành.
- Bảo quản, giữ gìn trang thiết bị và các phương tiện vận tải... do Công ty giao đảm bảo an toàn, hiệu quả.
- Chịu sự kiểm tra, giám sát và hướng dẫn định kỳ/hoặc đột xuất của các Phòng chức năng Công ty theo từng lĩnh vực kinh doanh, theo chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ và kiểm tra

tính tuân thủ các quy định của Công ty đã ban hành.

- Thực hiện những nhiệm vụ khác do Công ty giao.

5. Thông tin về Công ty mẹ, Công ty con của Tổ chức phát hành, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những Công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

5.1. Công ty mẹ của Tổ chức phát hành, Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành

Công ty mẹ của Công ty cổ phần Vận tải Đông Dương tại ngày 24/07/2023

Tên Công ty	Ngày thành lập	Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu tại PTT	Tỷ lệ biểu quyết tại PTT
Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí	27/05/2002	0302743192	Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi, P.Đa Kao, Q.1, TP. HCM	Vận chuyển dầu thô; Vận chuyển dầu sản phẩm/hóa chất; Vận tải khí hóa lỏng; Vận tải hàng rời (than); Dịch vụ kỹ thuật dầu khí; Dịch vụ hàng hải và logistics.	52,47%	52,47%

Nguồn: PTT

5.2. Công ty con và Công ty liên kết của Tổ chức phát hành

Không có.

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Tính từ khi thành lập đến nay, Công ty chưa thực hiện tăng hoặc giảm vốn điều lệ.

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác

Trong 2 năm 2021, 2022 và tính đến thời điểm lập Bản cáo bạch này, Công ty không có khoản góp vốn, thoái vốn nào có giá trị từ 10% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi nhận trong BCTC kỳ gần nhất của Công ty tại thời điểm thực hiện.

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1. Cổ phiếu phổ thông

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 24/07/2023

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ (CP)	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông trong nước			
	<i>Trong đó:</i>			
	- Tổ chức:	3	7.247.000	72,47
	- Cá nhân:	793	2.753.000	27,53
II	Cổ đông nước ngoài			
	<i>Trong đó:</i>			
	- Tổ chức:	0	0	0
	- Cá nhân:	0	0	0
III	Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	0	0	0
	Tổng cộng	796	10.000.000	100%

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 24/07/2023 do VSDC cung cấp

8.2. Cổ phiếu ưu đãi và các loại chứng khoán khác

Không có.

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quy định pháp luật: **0%**. Công ty đã thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty và đã nhận được văn bản của Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước số 1132/UBCK-PTTT ngày 09/03/2022 về việc hồ sơ thông báo tỷ lệ SHNN tối đa của Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương.

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ Công ty: **Không có**.

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài của PTT tại ngày 24/07/2023 là: **0%**.

10. Hoạt động kinh doanh

10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

10.1.1. Các sản phẩm, dịch vụ của PTT

Hiện nay, Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ vận tải biển, dịch vụ thuê và cho thuê tàu biển và dịch vụ vận tải đường bộ.

Dịch vụ vận tải biển tại thị trường quốc tế và dịch vụ vận tải đường bộ chủ yếu cung cấp cho các địa bàn Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Tp Vũng Tàu và Thái Bình, như sau:

a) Dịch vụ vận tải biển

Năm 2022, PTT đã đầu tư thành công và đưa vào khai thác 01 tàu chở dầu/hoá chất trọng tải khoảng 13.000 DWT tuyến quốc tế. Lĩnh vực kinh doanh này đã mang lại sự phát triển ổn định cho Công ty (Doanh thu đạt 53 tỷ đồng, đóng góp tỷ trọng 22% trong tổng doanh thu thuần của Công ty năm 2022; Lợi nhuận gộp đạt 9,4 tỷ đồng, chiếm 55% trong tổng lợi nhuận gộp năm 2022 của Công ty). Trên cơ sở đó tạo tiền đề và từng bước phát triển PTT trở thành doanh nghiệp vận tải biển lớn trong khu vực.

b) Dịch vụ vận tải đường bộ

Dịch vụ vận tải đường bộ của Công ty gồm có:

Dịch vụ cho thuê xe văn phòng: Từ năm 2007, PTT cung cấp dịch vụ cho thuê xe văn phòng tại Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh thành lớn trong cả nước, phục vụ trên 50 doanh nghiệp/ đối tác khách hàng trong và ngoài ngành Dầu khí, với nhiều chủng loại xe khác nhau đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng (bao gồm cả các loại xe chuyên dụng). Thời gian phục vụ 24h/24h với mọi cung đường cùng đội ngũ lái xe chuyên nghiệp, tận tâm, dịch vụ hậu cần tiêu chuẩn 5 sao. Số lượng xe phục vụ khách hàng lên đến hơn 200 đầu xe phân bố xuyên suốt từ Bắc vào Nam, cung cấp dịch vụ thuê xe cố định và xe chuyển với doanh thu bình quân trên 120 tỷ đồng/năm.

Ngoài ra, PTT cũng là đơn vị đã có kinh nghiệm tổ chức cung cấp dịch vụ đưa đón cán bộ cao cấp/ đại biểu trong Hội nghị Gasex, Ascope 2013, Ascope game 2014, Ascope 2017, Hành Trình Xanh, Cuộc đua xe đạp các tỉnh miền Tây v.v...

- Dịch vụ vận chuyển CNG/ cho thuê bồn chứa CNG, cụ thể:

- **Dịch vụ vận chuyển khí CNG bằng xe đầu kéo:** Tháng 9 năm 2015, PTT là đơn vị đầu tiên và duy nhất cung cấp dịch vụ vận chuyển khí CNG bằng đầu kéo cho Công ty Cổ phần CNG Việt Nam tại Thái Bình. Công ty cung cấp dịch vụ vận chuyển CNG an toàn, kịp thời cho các khách hàng/nhà máy trải dài khắp từ Bắc tới Nam như: Nhà máy Thép VSC-Posco, Tôn Hoà Phát, Toto Hưng Yên, Showa Việt Nam, Nhà máy Đạm Phú Mỹ, PVFCCo,...
- **Dịch vụ cho thuê bồn khí CNG:** PTT cung cấp dịch vụ cho thuê 06 bồn chứa khí CNG tiêu chuẩn composite nhãn hiệu Experion cho CNG Việt Nam từ năm 2016, với doanh thu hàng năm khoảng 8 tỷ đồng.

c) Dịch vụ khác

Bên cạnh các dịch vụ vận tải đường bộ và vận tải đường biển, PTT còn cung cấp dịch vụ cho thuê lại lao động. PTT có giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động và đã triển khai cung cấp

dịch vụ cho thuê lao động với nhiều lĩnh vực (lái xe, bảo vệ, thuyền viên, đại lý viên, ...) trong nhiều năm qua.

Ngoài ra, PTT còn thực hiện hoạt động kinh doanh thương mại và hoạt động khác như: dịch vụ đại lý hàng hải, dịch vụ logistics, kinh doanh buôn bán xăng dầu/LPG/Hạt nhựa PP,...

10.1.2. Tình hình thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương không có tính thời vụ; cụ thể các sản phẩm dịch vụ của đơn vị được cung cấp liên tục, đáp ứng nhu cầu của khách hàng/đối tác ở tất cả các thời điểm trong năm; địa bàn cung cấp cả ở trong nước và nước ngoài.

10.1.3. Giá trị dịch vụ của PTT

Cơ cấu doanh thu thuần năm 2021, 2022 và 9 tháng đầu năm 2023 của PTT

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		9T/2023	
	Giá trị	Tỷ trọng/DTT	Giá trị	Tỷ trọng/DTT	Giá trị	Tỷ trọng/DTT
1. Doanh thu dịch vụ vận tải, trong đó:	138.759	78,60%	195.760	81,36%	168.773	83,73%
1.1. Doanh thu dịch vụ vận tải biển	0	0%	53.050	22,05%	67.232	33,35%
1.2. Doanh thu dịch vụ vận tải đường bộ	138.759	78,60%	142.710	59,31%	101.541	50,38%
2. Doanh thu thương mại và hoạt động khác	37.772	21,40%	44.851	18,64%	32.796	16,27%
Tổng	176.531	100%	240.611	100%	201.569	100%

Nguồn: PTT

Cơ cấu lợi nhuận gộp năm 2021, 2022 và 9 tháng đầu năm 2023 của PTT

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		9T/2023	
	Giá trị	Tỷ trọng/DTT	Giá trị	Tỷ trọng/DTT	Giá trị	Tỷ trọng/DTT
1. Lợi nhuận gộp dịch vụ vận tải, trong đó:	6.908	76,95%	17.036	99,90%	21.250	99,98%

Chi tiêu	Năm 2021		Năm 2022		9T/2023	
	Giá trị	Tỷ trọng/DTT	Giá trị	Tỷ trọng/DTT	Giá trị	Tỷ trọng/DTT
1.1. LN góp dịch vụ vận tải biển	0	0%	9.418	55,29%	16.957	79,78%
1.2. LN góp dịch vụ vận tải đường bộ	6.908	76,95%	7.618	44,61%	4.293	20,20%
2. Lợi nhuận gộp thương mại và hoạt động khác	2.069	23,05%	17	0,10%	5	0,02%
Tổng	8.977	100%	17.053	100%	21.255	100%

Nguồn: PTT

10.2. Tài sản

Tài sản lớn thuộc sở hữu của PTT tại thời điểm 30/09/2023

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên tài sản	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
1	Tàu PVT-ELENA	147.599.218.655	22.766.938.300	124.832.280.355
2	Bồn Composite CNG Cylinder Serial-No. WGC40-S00116	8.660.077.611	8.453.885.366	206.192.245
3	Bồn Composite CNG Cylinder Serial-No. WGC40-S00117	8.660.077.611	8.453.885.366	206.192.245
4	Bồn Composite CNG Cylinder Serial-No. WGC40-S00118	8.660.077.611	8.453.885.366	206.192.245
5	Bồn Composite CNG Cylinder Serial-No. WGC40-S00119	8.660.077.611	8.453.885.366	206.192.245
6	Bồn Composite CNG Cylinder Serial-No. WGC40-S00120	8.660.077.611	8.453.885.366	206.192.245
7	Bồn Composite CNG Cylinder Serial-No. WGC40-S00121	8.660.077.616	8.453.883.806	206.193.810
8	Xe tải cầu BKS 51D-45995 (SK: KMFPA18SPGC087448, SM D6CAFJ284342)	3.159.059.091	1.809.877.630	1.349.181.461

STT	Tên tài sản	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
9	Xe đầu kéo số khung JHDSS1EK0F1S14085, Số máy E13CTR-18974, BKS 29C-549.09 ⇒ 17C-090.12	1.933.009.091	1.933.009.091	0
10	Xe đầu kéo số khung JHDSS1EK8F1S14075, Số máy E13CTR-18957, BKS 29C-548.70 ⇒ 17C-089.38	1.933.009.091	1.933.009.091	0
	TỔNG	206.584.761.599	79.166.144.748	127.418.616.851

Nguồn: PTT

10.3. Thị trường hoạt động

Hiện nay, Công ty hoạt động trong cả Việt Nam và nước ngoài. Doanh thu, lợi nhuận gộp của Công ty phân theo khu vực địa lý như sau:

Cơ cấu doanh thu theo từng thị trường

Đơn vị tính: Đồng

Tiêu chí	Năm 2021	Năm 2022	% thay đổi	9 tháng 2023
Việt Nam	176.531.761.262	187.572.465.037	6,25%	134.336.848.168
Nước ngoài	-	53.038.780.686	NA	67.232.078.580
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	176.531.761.262	240.611.245.723	36,30%	201.568.926.748

Nguồn: BCTC năm 2022 đã được kiểm toán và BCTC quý III năm 2023 của PTT

Cơ cấu lợi nhuận gộp theo từng thị trường

Đơn vị tính: Đồng

Tiêu chí	Năm 2021	Năm 2022	% thay đổi	9 tháng 2023
Việt Nam	8.977.190.040	7.635.426.360	-14,95%	4.298.436.795
Nước ngoài	-	9.417.669.073	NA	16.957.264.151
Tổng lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.977.190.040	17.053.095.433	89,96%	21.255.700.946

Nguồn: Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương

10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh của PTT chủ yếu trong lĩnh vực vận tải biển và vận tải đường bộ và đã thu được hiệu quả nhất định, cụ thể như sau:

Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	Thực hiện 2022/Thực hiện 2021	TH 2022/KH 2022
1	Lĩnh vực dịch vụ vận tải						
1.1	Dịch vụ vận tải biển						
	Doanh thu	Triệu đồng	-	48.656	53.050		109%
	Lợi nhuận gộp	Triệu đồng	-	9.239	9.428		102%
1.2	Dịch vụ vận tải đường bộ						
	Doanh thu	Triệu đồng	138.760	126.761	142.710	103%	113%
	Lợi nhuận gộp	Triệu đồng	6.908	5.153	7.608	110%	148%
2	Doanh thu thương mại và dịch vụ khác						
	Doanh thu	Triệu đồng	37.771	15.406	44.851	119%	291%
	Lợi nhuận gộp	Triệu đồng	2.069	5.976	16	1%	0%
	TỔNG CỘNG						
	Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	176.531	190.823	240.611	136%	126%
	Tổng lợi nhuận gộp	Triệu đồng	8.977	20.368	17.052	190%	84%

Nguồn: PTT

10.5. Các hợp đồng lớn

Thông tin về các hợp đồng có giá trị lớn của PTT

TT	Tên Hợp đồng	Giá trị Hợp đồng	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, dịch vụ đầu vào	Sản phẩm, dịch vụ đầu ra	Mối quan hệ giữa khách hàng/Nhà cung cấp với các đối tượng (*)	Khác
CÁC HỢP ĐỒNG ĐÃ ĐƯỢC THỰC HIỆN								
1	Hợp đồng số 439/2020/PVGAS/VP Khách hàng: Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần	162.789.645.377 đồng	02/11/2020	Từ 02/09/2020 đến 30/11/2022		Cung cấp dịch vụ vận chuyển Bao gồm cả ô tô và lái xe	Trình bày tại mục 10.7 dưới đây.	
2	Hợp đồng thuê Bồn vận chuyển số 47/2018/HĐKT/CNGVN-ĐÔNG DUONG Khách hàng: Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	68.895.768.570 đồng	05/06/2018	Từ 01/04/2018 đến 31/12/2022		Hợp đồng thuê bồn vận chuyển khí CNG	Trình bày tại mục 10.7 dưới đây.	
3	Hợp đồng Vận chuyển khí thiên nhiên số 07/2015/HĐKT/CNGNORTH -	151.473.342.085 đồng	18/05/2015	Từ 01/07/2015 đến		Vận chuyển khí thiên nhiên nén CNG	Trình bày tại mục 10.7 dưới đây.	

TT	Tên Hợp đồng	Giá trị Hợp đồng	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, dịch vụ đầu vào	Sản phẩm, dịch vụ đầu ra	Mối quan hệ giữa khách hàng/Nhà cung cấp với các đối tượng (*)	Khác
	ĐD Khách hàng: Công ty Cổ phần CNG Việt Nam – Chi nhánh Miền Bắc			31/12/2022				
4	Hợp đồng số VIETNAM-CON-19557 và Phụ lục số 04 ngày 06/12/2018 Khách hàng: Chi nhánh Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần - Công ty Đường Ống khí Nam Côn Sơn.	35.535.508.059 đồng	06/12/2018	Từ 06/12/2018 đến 31/03/2022		Cung cấp dịch vụ vận chuyển hành khách	Trình bày tại mục 10.7 dưới đây.	
5	Hợp đồng mua bán hạt nhựa số 2401/ĐD-PT/2022 Khách hàng: Công ty CP Đại Đồng Tiến	5.435.655.500 đồng	10/03/2023	Tháng 2/2022		Bán hạt nhựa	Không có	

CÁC HỢP ĐỒNG ĐANG THỰC HIỆN

TT	Tên Hợp đồng	Giá trị Hợp đồng	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, dịch vụ đầu vào	Sản phẩm, dịch vụ đầu ra	Mối quan hệ giữa khách hàng/Nhà cung cấp với các đối tượng (*)	Khác
1	Hợp đồng thuê tàu - Time Charter Party và Phụ lục gia hạn Khách hàng: BAINBRIDGE NAVIGATION PTE LTD	11.000 USD/ngày	1/6/2022 Gia hạn ngày 15/03/2023	Từ 1/6/2022 đến 7/12/2023		Cho thuê tàu PVT ELENA	Không có	
2	Hợp đồng Vận chuyển khí thiên nhiên nén số 08/2022/HBVC/CNGNORTH - ĐD Khách hàng: Công ty Cổ phần CNG Việt Nam - Chi nhánh Miền Bắc	Giá trị tạm tính: 9.573.595.680 đồng	29/12/2022	Từ 1/1/2023 đến 31/12/2023		Vận chuyển khí thiên nhiên nén CNG	Trình bày tại mục 10.7 dưới đây.	
3	Hợp đồng thuê thuận khung số 778/2022/PVGAS/VP-PTT/D4 Khách hàng: Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần.	Giá trị tạm tính: 67.308.020.628 đồng	29/12/2022	Từ 12/2022 đến 12/2023		Cung cấp dịch vụ vận chuyển Bao gồm cả ô tô và lái xe	Trình bày tại mục 10.7 dưới đây.	

TT	Tên Hợp đồng	Giá trị Hợp đồng	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, dịch vụ đầu vào	Sản phẩm, dịch vụ đầu ra	Mối quan hệ giữa khách hàng/Nhà cung cấp với các đối tượng (*)	Khác
4	Hợp đồng số 03/2023/HHTB/CNGVN-DD ký ngày 27/01/2023 Khách hàng: Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	Giá trị tạm tính: 12.633.403.200 đồng	27/01/2023	12 tháng kể từ 27/1/2023		Hợp đồng thuê vận chuyển khí CNG	Trình bày tại mục 10.7 dưới đây.	
5	Hợp đồng Dịch vụ vận chuyển số 2804/2023/PVNDB-PTT Khách hàng: Chi nhánh Phân phối sản phẩm Lọc Dầu Nghi Sơn – Tập đoàn dầu khí Việt Nam	Giá thuê cố định: 274.000.000đ/tháng Chưa bao gồm các phát sinh ngoài giờ, lưu đêm, vé cầu đường....	28/4/2023	01/05/2023 đến 30/04/2024		Thuê vận chuyển bao gồm cả ô tô và lái xe	Trình bày tại mục 10.7 dưới đây.	
CÁC HỢP ĐỒNG CHƯA THỰC HIỆN								
KHÔNG CÓ								

(*) Mối quan hệ giữa khách hàng/Nhà cung cấp với các đối tượng là thành viên Hội đồng quản trị, Giám sát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc và cổ đông lớn của PTT.

Nguồn: PTT

10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

10.6.1. Các khách hàng lớn

Thông tin các khách hàng lớn của PTT

Năm	Tên Khách hàng	Giá trị giao dịch (Không bao gồm thuế GTGT)	Giá trị giao dịch / doanh thu (%)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm/ dịch vụ mua	Mối quan hệ giữa khách hàng với thành viên HĐQT, KSV, GD, Phó GD và cố đông lớn của PTT
2021	Tổng công ty Khí Việt Nam -- Công ty Cổ phần	23.577.040.781 đồng	13.4%	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022	Dịch vụ vận chuyển bao gồm cả ô tô và lái.	Trình bày tại mục 10.7 dưới đây.
	Công ty CP Đại Đồng Tiến	34.911.912.000 đồng	21.5%	Từ tháng 3/2021 đến tháng 11/2021	Mua bán hạt nhựa	Không có
	Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	12.105.244.858 đồng	6.9%	Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021	Dịch vụ thuê bồn chở khí CNG	Trình bày tại mục 10.7 dưới đây.
	Chi nhánh Tổng công ty Khí Việt Nam -- Công ty cổ phần -- Công ty Vận chuyển Khí	11.798.211.795 đồng	6.7%	Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021	Dịch vụ vận chuyển	Trình bày tại mục 10.7 dưới đây.

Năm	Tên Khách hàng	Giá trị giao dịch (Không bao gồm thuế GTGT)	Giá trị giao dịch / doanh thu (%)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm/ dịch vụ mua	Mối quan hệ giữa khách hàng với thành viên HĐQT, KSV, GD, Phó GD và cổ đông lớn của PTT
	Đông Nam Bộ					
	Tổng công ty Cổ phần Vận Tải Dầu Khí (PVTrans)	1.825.239.758 đồng	1.03%	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022	Sử dụng dịch vụ thuê xe theo chuyến và xe VP phục vụ đi lại trong TP.HCM và TP Hà Nội	Trình bày tại mục 10.7 dưới đây.
	Bainbridge Navigation PTE LTD	53.048.780.686 đồng	22%	Từ 8/6/2022 đến 31/12/2022	Cho thuê tàu TC tại nước ngoài	Không có
2022	Công ty CP Đại Đồng Tiến	39.251.719.000 đồng	16.3%	Từ tháng 3/2021 đến tháng 11/2021	Mua bán hạt nhựa	Không có
	Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	23.683.481.942 đồng	10%	Từ 1/1/2022 đến 31/12/2022	Dịch vụ vận chuyển bao gồm cả ô tô và lái	Trình bày tại mục 10.7 dưới đây.

Năm	Tên Khách hàng	Giá trị giao dịch (Không bao gồm thuế GTGT)	Giá trị giao dịch / doanh thu (%)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm/ dịch vụ mua	Mối quan hệ giữa khách hàng với thành viên HĐQT, KSV, GD, Phó GD và cố đông lớn của PTT
	Chi nhánh Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần – Công ty Vận chuyển Khí Đông Nam Bộ	13.882.461.272 đồng	5.8%	Từ đến 1/1/2022 31/12/2022	Dịch vụ vận chuyển	Trình bày tại mục 10.7 dưới đây.
	Tổng công ty Cổ phần Vận Tải Dầu Khí (PVTTrans)	2.333.015.000 đồng	0.97%	Từ đến 1/1/2022 31/12/2022	Dịch vụ thuê ô tô và vận chuyển	Trình bày tại mục 10.7 dưới đây.
9 tháng đầu năm 2023	Bainbridge Navigation PTE LTD	66.952.883.580 đồng	33%	Từ đến 1/1/2023 30/09/2023	Cho thuê tàu TC tại nước ngoài	Không có
	Công ty CP Đại Đồng Tiến	32.796.142.500 đồng	16%	Từ đến 1/1/2023 30/09/2023	Mua bán hạt nhựa	Không có
	Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần	17.642.316.158 đồng	9%	Từ đến 1/1/2023 30/09/2023	Dịch vụ vận chuyển bao gồm cả ô tô và lái	Trình bày tại mục 10.7 dưới đây.

Năm	Tên Khách hàng	Giá trị giao dịch (Không bao gồm thuế GTGT)	Giá trị giao dịch / doanh thu (%)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm/ dịch vụ mua	Mối quan hệ giữa khách hàng với thành viên HĐQT, KSV, GD, Phó GD và cổ đông lớn của PTT
	Chi nhánh Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần – Công ty Vận chuyển Khí Đông Nam Bộ	9.298.326.682 đồng	5 %	Từ 1/1/2023 đến 30/09/2023	Dịch vụ vận chuyển	Trình bày tại mục 10.7 dưới đây.
	Tổng công ty Cổ phần Vận Tải Dầu Khí (PVTrans)	2.236.826.758 đồng	1.1%	Từ 1/1/2023 đến 30/09/2023	Sử dụng dịch vụ thuê xe theo chuyến và xe VP phục vụ đi lại trong TP.HCM và TP Hà Nội	Trình bày tại mục 10.7 dưới đây.

Nguồn: PTT.

10.6.2. Các nhà cung cấp lớn

Thông tin các nhà cung cấp lớn của PTT

Năm	Tên Nhà cung cấp	Giá trị giao dịch (không bao gồm thuế GTGT)	Giá trị giao dịch/ doanh số mua hàng	Thời gian giao dịch	Sản phẩm/ dịch vụ cung cấp	Mối quan hệ giữa Nhà cung cấp với thành viên HHQT, KSV, GD, Phó GD và cổ đông lớn của PTT
2021	Công ty CP Vận tải và tiếp vận Phương Đông Việt (PDV)	18.534.855.000 đồng	19%	Từ tháng 3 đến tháng 5/2021	Mua hạt nhựa	Trình bay tại mục 10.7 dưới đây.
	Công ty TNHH TM Nhựa Vinh Phát	16.374.385.000 đồng	16.4%	Từ tháng 5 đến tháng 11/2021	Mua hạt nhựa	Không có
	Công ty TNHH MTV TM&DV Huy Hoàng Hà	10.414.865.484 đồng	10%	Từ tháng 1/2021 đến tháng 12/2021	Thuế xe	Không có
	Công ty TNHH TMDV Vận tải VIETTRANS	6.982.270.167 đồng	6.8%	Từ tháng 1/2021 đến tháng 12/2021	Thuế xe	Không có
	Công ty CP TM và Dịch vụ Dầu Khí Sài Gòn Petro	5.625.840.621 đồng	5.5%	Từ tháng 1/2021 đến tháng 12/2021	Thuế xe	Không có
2022	NEMO SHIPMANAGEMENT S.A	151.715.573.075 đồng	52%	Tháng 6/2022	Mua tàu PVT ELENA	Không có

Năm	Tên Nhà cung cấp	Giá trị giao dịch (không bao gồm thuế GTGT)	Giá trị giao dịch/ doanh số mua hàng	Thời gian giao dịch	Sản phẩm/ dịch vụ cung cấp	Mối quan hệ giữa Nhà cung cấp với thành viên HHQT, KSV, GD, Phó GD và cổ đông lớn của PTT
	(Bên bán tàu Autumn – nay là tàu PVT Elena)					
	Công ty TNHH TM Nhựa Vinh Phát	44.836.219.990 đồng	15.3%	Tháng 2/2022 đến tháng 9/2022	Mua hạt nhựa	Không có
	Chi nhánh Tổng công ty CP Vận Tải Dầu Khí	12.299.661.995 đồng	4.2%	Từ tháng 6/2022 đến tháng 12/2022	Cung cấp dịch vụ thuyền viên và quản lý tàu	Trình bày tại mục 10.7 dưới đây.
	Công ty TNHH MTV TM&DV Huy Hoàng Hà	9.076.601.158 đồng	3.1%	Từ tháng 1/2022 đến tháng 12/2022	Thuế xe	Không có
	Công ty TNHH TMDV Vận tải VIETTRANS	7.402.463.249 đồng	2.53%	Từ tháng 1/2022 đến tháng 12/2022	Thuế xe	Không có
	Công ty TNHH TM Nhựa Vinh Phát	32.791.125.000 đồng	31%	Từ 1/1/2023 đến 30/09/2023	Mua hạt nhựa	Không có
9 tháng đầu năm 2023	Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Vận Tải Dầu Khí	13.489.716.440 đồng	13%	Từ 1/1/2023 đến 30/09/2023	Cung cấp dịch vụ thuyền viên và quản lý tàu	Trình bày tại mục 10.7 dưới đây.

Năm	Tên Nhà cung cấp	Giá trị giao dịch (không bao gồm thuế GTGT)	Giá trị giao dịch/ doanh số mua hàng	Thời gian giao dịch	Sản phẩm/ dịch vụ cung cấp	Mối quan hệ giữa Nhà cung cấp với thành viên HDQT, KSV, GP, Phó GD và cổ đồng lớn của PTT
	Công ty TNHH TMDV Vận tải VIETTRANS	6.518.239.820 đồng	6.2%	Từ 1/1/2023 đến 30/09/2023	Thuế xe	Không có
	Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Dầu Khí Sài Gòn Petro	6.122.540.29 5đồng	5.8%	Từ 1/1/2023 đến 30/09/2023	Thuế xe	Không có
	Công ty TNHH Vận tải LNG Việt Nam	3.597.374.000 đồng	3.4%	Từ 1/1/2023 đến 30/09/2023	Thuế xe	Không có

Nguồn: PTT

10.7. Mối quan hệ giữa các đối tác tham gia Hợp đồng với thành viên HDQT, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc và cổ đông lớn của PTT

STT	Tên Khách hàng/Nhà cung cấp	Mối quan hệ với PTT	Mối quan hệ với cổ đông lớn của PTT	Mối quan hệ với thành viên HDQT, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc của PTT
1	Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu Khí (PVT/PVTrans)	Cổ đông lớn	Mối quan hệ với mẹ của CTCP Vận tải Nhật Việt. Ông Nguyễn Hồng Hiệp (cổ đông lớn của PTT) là Phó Chủ tịch HDQT của CTCP Vận tải Nhật Việt.	PVTrans là người có liên quan của người nội bộ: Ông Lê Mạnh Tuấn - Chủ tịch HDQT; ông Lê Thanh Sơn - Thành viên HDQT, Giám đốc; ông Đỗ Đức Hùng - Thành viên HDQT).

STT	Tên Khách hàng/Nhà cung cấp	Mối quan hệ với PTT	Mối quan hệ với cổ đông lớn của PTT	Mối quan hệ với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc của PTT
2	Chi nhánh Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí	Trực thuộc PVTrans – cổ đông lớn của PTT.	PVTrans là công ty mẹ của CTCP Vận tải Nhật Việt. Ông Nguyễn Hồng Hiệp (cổ đông lớn của PTT) là Phó Chủ tịch HĐQT của CTCP Vận tải Nhật Việt.	PVTrans là người có liên quan của người nội bộ: Ông Lê Mạnh Tuấn – Chủ tịch HĐQT; ông Lê Thanh Sơn – Thành viên HĐQT, Giám đốc; ông Đỗ Đức Hùng – Thành viên HĐQT).
3	Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	Thuộc cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Thuộc cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với cổ đông lớn PVTrans.	Không.
4	Chi nhánh Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần - Công ty đường ống khí Nam Côn Sơn	Thuộc cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Thuộc cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với cổ đông lớn PVTrans.	Không.
5	Chi nhánh Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần - Công ty Vận chuyển Khí Đông Nam Bộ	Thuộc cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Thuộc cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với cổ đông lớn PVTrans.	Không.
6	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	Thuộc cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Thuộc cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với cổ đông lớn PVTrans.	Không.
7	Công ty cổ phần CNG Việt Nam - Chi nhánh miền Bắc	Thuộc cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Thuộc cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với cổ đông lớn PVTrans.	Không.
8	Chi nhánh phân phối sản phẩm Lọc Dầu Nghi Sơn – Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Thuộc cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Thuộc cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với cổ đông lớn PVTrans.	Không.
9	Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt	Cùng thuộc công ty mẹ là Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans)	- Là công ty con của PVTrans. - Là người có liên quan của cổ đông lớn của PTT (PVTrans).	Không.

Người: PTT

10.8. Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành

a) Vị thế của Tổ chức phát hành so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương hiện đang hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ vận tải biển và vận tải đường bộ. Với mỗi lĩnh vực kinh doanh, Công ty đang chiếm một thị phần và vị thế nhất định trên thị trường so với các đối thủ cạnh tranh trong và ngoài nước, cụ thể:

➤ Ngành dịch vụ vận tải đường bộ

Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương là đơn vị có hơn 16 năm kinh nghiệm trong ngành vận tải đường bộ với các loại hình kinh doanh vận tải cho thuê xe văn phòng, vận chuyển LPG, CNG, xăng dầu bằng đầu kéo, cho thuê bồn chứa composite,...

Từ những ngày đầu thành lập đến nay, PTT luôn nỗ lực mở rộng và nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ nhằm đem đến hệ thống dịch vụ đa dạng, phong phú và hoàn thiện hơn, đem đến sự hài lòng cho khách hàng thông qua những sản phẩm, dịch vụ với chất lượng được đảm bảo theo yêu cầu với mức giá cạnh tranh.

Lợi thế lớn nhất của PTT là một trong các công ty thành viên của Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Trong những năm qua, PTT cũng đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Với đội ngũ cán bộ các cấp có năng lực và nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh hàng hải dầu khí cũng như lĩnh vực kinh doanh vận tải đường bộ, kinh doanh thương mại,... có trách nhiệm và mẫn cán, cùng với đội ngũ lái xe, thuyền viên giàu kinh nghiệm, PTT đã xây dựng được thương hiệu và khẳng định được uy tín trên thị trường vận tải trong nước.

Trong lĩnh vực vận tải nói chung và vận tải đường bộ nói riêng, việc cạnh tranh trở nên ngày càng khó khăn khi Công ty không chỉ phải cạnh tranh với các đơn vị trong nước mà còn phải cạnh tranh với các công ty nước ngoài có nhiều kinh nghiệm, tiềm lực tài chính mạnh và trình độ quản lý cao, công nghệ hiện đại. Do đó, để giữ vững vị thế hiện tại và nâng cao hơn nữa vị thế của Công ty thì PTT sẽ phải có những chiến lược phù hợp và nỗ lực rất nhiều trong tương lai.

Hiện nay, Công ty chưa thực hiện các nghiên cứu chi tiết về thị trường và các bên tham gia vào thị trường đối với ngành dịch vụ vận tải đường bộ, do đó, Công ty chưa có các số liệu liên quan đến thị phần để khẳng định vị thế của Công ty trong ngành.

➤ Ngành dịch vụ vận tải biển

Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương là một đơn vị mới trong lĩnh vực vận tải biển. Công ty đã hoàn thành đầu tư 01 tàu chở dầu/ hóa chất trọng tải khoảng 13.000 DWT với tên gọi PVT Elena. Tàu PVT Elena đã được khai thác theo hợp đồng cho thuê định hạn với đối tác nước ngoài. Hiện nay, tàu đang khai thác ổn định tại thị trường Trung Đông với các mặt hàng chính là hóa chất như: Methanol, Benzene, Hexene, Jet A1 đến các cảng lớn tại khu vực Trung Đông cho các khách hàng lớn như Qatar Gas Petroleum, Qatar Chemical and Petrochemical Distribution Company, Equate Petrochemical Company Shuaiba Kuwait... Với việc chỉ sở hữu 01 tàu, quy mô còn nhỏ, đơn vị phải đối mặt với sự cạnh tranh từ các doanh nghiệp trong và ngoài nước có quy mô đội tàu

lớn hơn. Bên cạnh đó, vốn chủ sở hữu của Công ty rất nhỏ để đáp ứng phát triển đội tàu và mở rộng quy mô hoạt động SXKD. Áp lực cạnh tranh đòi hỏi Công ty phải tăng vốn điều lệ, đẩy mạnh đầu tư phát triển đội tàu, nâng cao chất lượng dịch vụ, đồng thời có chiến lược hợp lý để nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Tuy nhiên, với lợi thế là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí, đội ngũ cán bộ, thuyền viên từng bước được kiện toàn, đáp ứng được yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm trong lĩnh vực hàng hải. Công ty bước đầu thành công trong việc tham gia vào lĩnh vực vận tải biển, phân khúc tàu chở dầu/hoá chất tại thị trường quốc tế và có được các điều kiện thuận lợi để phát triển đội tàu của lĩnh vực này trong giai đoạn tới.

Đối với phân khúc thị trường vận tải tàu dầu/hoá chất, nhu cầu sử dụng là lớn và còn nhiều tiềm năng để phát triển. Tuy nhiên, do Công ty mới gia nhập lĩnh vực này và mới sở hữu 01 tàu nên thị phần tham gia của Công ty trong lĩnh vực này còn nhỏ nhưng vẫn còn nhiều cơ hội để đầu tư thêm tàu và gia tăng thị phần.

b) Triển vọng phát triển của ngành

➤ Ngành dịch vụ vận tải đường bộ

Vận tải đường bộ hiện đóng vai trò quan trọng tại Việt Nam. Phân khúc vận tải siêu trường siêu trọng, vận tải hàng chuyên dụng, hàng nguy hiểm (hóa chất), hàng đông lạnh cũng có triển vọng tốt để phục vụ các dự án cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà máy, khu công nghiệp... sẽ rất sôi động trong thời gian tới. Vận tải đường bộ dự kiến sẽ phát triển mạnh trong những năm tới và được kỳ vọng hưởng lợi nhiều từ sự phát triển không ngừng của Việt Nam, với tư cách là một trung tâm sản xuất của khu vực.

Trong thời đại 4.0 hiện nay, ngành vận tải sẽ trải qua 4 xu hướng phát triển chính: ứng dụng công nghệ 4.0, mua sắm trực tuyến, hoạt động mua bán - sáp nhập (M&A) và đầu tư vào kho, trung tâm logistics và chuỗi cung ứng lạnh. E-logistics, green logistics, E-documents,... đã trở thành xu hướng tại các nước đang phát triển. Robot, AI, điện toán đám mây hay blockchain cũng được sử dụng nhiều để tối ưu và thay thế con người thực hiện một số dịch vụ bốc dỡ hàng hóa.

Trình độ ứng dụng công nghệ trong ngành vận tải của Việt Nam tuy còn thấp; nhưng theo nhận định của các chuyên gia thì doanh nghiệp Việt sẽ nhanh chóng thích nghi với những xu thế này và thậm chí còn đẩy mạnh nghiên cứu và áp dụng nhiều công nghệ hiện đại hơn nữa. Công nghệ được sử dụng ở nước ta mới chỉ tập trung ở phần mềm khai báo hải quan, email và dịch vụ Internet cơ bản,... góp phần tối ưu chi phí và nguồn lực cũng như chuẩn hóa quy trình một phần. Trong tương lai, các giải pháp trực tuyến sáng tạo, tùy chỉnh, đáp ứng yêu cầu đặc thù của khách hàng... sẽ hình thành phân khúc dịch vụ logistics cao cấp. Ngoài ra, các thách thức từ dịch bệnh COVID-19 đang thúc đẩy quá trình tự động hóa trong lĩnh vực logistics (từ vận chuyển, dịch vụ cảng, kho bãi, vận tải...) và sẽ trở thành xu hướng chính trong thời gian tới. Các tác nhân trong toàn bộ chuỗi giá trị sẽ ưu tiên nâng cao hiệu quả hoạt động bằng cách đầu tư vào công nghệ. Trong thời gian tới, xu hướng về chuyển dịch năng lượng sẽ tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh vận tải nói

chung và vận tải đường bộ nói riêng, hướng đến các hoạt động vận tải “xanh”.

➤ **Ngành dịch vụ vận tải biển**

Trong ngành dịch vụ vận tải biển, Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực vận tải biển quốc tế: cho thuê tàu chở dầu và hóa chất. Năm 2022, thị trường vận tải dầu sản phẩm cũng phục hồi mạnh mẽ ở tất cả các phân khúc. Theo báo cáo của Clarksons, nhu cầu vận tải sản phẩm và khối lượng luân chuyển dầu sản phẩm bằng đường biển (tonne miles) lần lượt tăng 3,1% và 4,7% trong năm 2022. Thị trường cho thuê định hạn tăng trưởng tích cực trong năm 2022 theo xu hướng thị trường cho thuê chuyên với giá TC thời hạn 01 năm phân khúc MR và Handysize đều tăng khoảng 65% so với bình quân năm 2021.

Thị trường vận chuyển hóa chất năm 2022 duy trì ổn định trong nửa đầu năm và liên tục tăng trưởng trong nửa năm còn lại do ảnh hưởng từ lệnh cấm vận Nga cùng với thay đổi về công suất hoạt động của các NMLD tại châu Âu/ Úc và Trung Đông. Các nhà máy sản xuất hóa chất thiếu hụt nguồn cung khí đốt trong bối cảnh giá khí đốt tăng cao và Nga cắt đường ống dẫn khí sang EU làm gia tăng nhu cầu mua hóa chất đã qua xử lý trực tiếp. Theo báo cáo của Clarksons, khối lượng hóa chất luân chuyển bằng đường biển (tonne miles) tăng khoảng 2,8% so với năm 2021. Giá TC thời hạn 01 năm phân khúc tàu hóa chất 13.000 DWT và 19.999 DWT đang ở mức cao, tăng trưởng lần lượt 36% và 19% so với bình quân năm 2021.

Trong năm 2023, triển vọng thị trường vận tải hàng lỏng quốc tế (dầu, hóa chất, khí hóa lỏng...) diễn biến tích cực khi các yếu tố cơ bản vẫn duy trì chủ yếu nhờ nhu cầu vận chuyển tăng do quãng đường vận chuyển xa hơn trong bối cảnh nguồn cung tàu giới hạn. Về dài hạn, đây vẫn được nhận định là nhóm ngành có triển vọng tích cực, có thể duy trì đà tăng trưởng dài hạn 7 - 10%/năm.

c) Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổ chức phát hành so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới.

Định hướng và phát triển của Công ty trong thời gian tới như sau:

- Đảm bảo kinh doanh hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn. Đảm bảo lợi ích tối đa của cổ đông;
- Chú trọng hoàn thiện công tác quản lý: bổ sung cán bộ quản lý có năng lực, trẻ nhiệt huyết với Công ty để sẵn sàng đáp ứng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được giao;
- Nâng cao năng lực quản lý, công tác quản trị, năng lực cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh bằng cách sử dụng tối ưu mọi nguồn lực sẵn có, tập trung vào các lĩnh vực kinh doanh có hiệu quả;
- Gia tăng quy mô, phát triển hoạt động kinh doanh, tạo thêm việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động, tối ưu chi phí để hạ giá thành dịch vụ. Đồng thời, thực hiện duy trì quan hệ tốt với khách hàng, trên cơ sở đó khai thác thêm các thị trường mới, có tiềm năng khác.
- Đảm bảo Hệ thống quản lý an toàn được thực hiện đầy đủ, hoàn thiện và sửa đổi để áp dụng, tuân thủ hệ thống quản lý TMSA.
- Đối với dịch vụ vận tải đường bộ: Phát triển vận tải theo hướng hiện đại hóa, công nghệ hóa với chi phí hợp lý, giá thành cạnh tranh, an toàn, hạn chế ô nhiễm môi trường và tiết kiệm năng

lượng là những mục tiêu chính của Công ty trong thời gian tới.

➤ Đối với dịch vụ vận tải biển:

- Xây dựng và phát triển Công ty trở thành một đơn vị vận tải biển chuyên nghiệp và hiệu quả, có thương hiệu mạnh trong khu vực và quốc tế;
- Tập trung mở rộng quy mô đội tàu dầu/ hóa chất loại khoảng 10.000 - 25.000 DWT cho đến hết năm 2024 và tàu hàng rời 20.000 - 34.000 DWT đảm bảo đơn vị sở hữu ít nhất 3 tàu với tổng trọng tải hơn 50.000 DWT, tạo uy tín và hình ảnh của một đơn vị vận tải biển chuyên nghiệp. Ngoài ra, Công ty cũng sẽ luôn tận dụng những cơ hội hiện hữu, tiềm năng để phát triển lĩnh vực dịch vụ logistics, nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, tăng trưởng mạnh doanh thu và lợi nhuận, đảm bảo hoàn thành kế hoạch được giao.
- Xây dựng các giải pháp để vận hành an toàn và kết hợp khai thác đội tàu hiệu quả tuyến quốc tế.

Trên cơ sở triển vọng phát triển ngành vận tải nói chung và vận tải đường bộ, vận tải biển nói riêng, các định hướng phát triển nêu trên của Công ty được đánh giá là phù hợp với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.

10.9. Hoạt động Marketing của Công ty

Hoạt động marketing hiện đang được Công ty giao nhiệm vụ cho phòng Kinh doanh Công ty đảm nhiệm. Trong những năm qua, Công ty đã thực hiện rất tốt hoạt động marketing theo những đặc thù riêng của đơn vị và đã đạt được những hiệu quả cao; cụ thể như: phát hành các ấn phẩm catalogue, poster, banner...; quảng cáo, quảng bá hình ảnh, dịch vụ, thương hiệu của Công ty qua Website, fanpage của Công ty; quảng cáo, quảng bá hình ảnh thông qua các sự kiện như Hội nghị khách hàng, các hội thảo, hội nghị của Công ty... Đến nay, sản phẩm và dịch vụ của Công ty đã có uy tín không chỉ tại thị trường trong nước mà các đối tác nước ngoài cũng đánh giá rất cao sản phẩm và dịch vụ của Công ty.

10.10. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

Logo và nhãn hiệu Công ty:



Biểu tượng trên được Công ty thống nhất dùng làm nhãn hiệu cho việc quảng bá hình ảnh Công ty, sử dụng trên các ấn phẩm giới thiệu các sản phẩm và dịch vụ Công ty tính đến thời điểm hiện tại và đã được sự đồng ý chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu từ Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam.

10.11. Chính sách nghiên cứu, phát triển

Việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm dịch vụ mới là một yêu cầu cấp bách của doanh nghiệp. PTT luôn bám sát vào nhu cầu của thị trường và chủ trương phát triển của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam/Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí để huy động mọi nguồn lực, lên kế hoạch tổng thể tăng quy mô doanh nghiệp, đầu tư tăng quy mô đội tàu, đa dạng hoá chủng loại tàu, đáp ứng yêu cầu đối tác/ khách hàng trong và ngoài nước.

Trong thời gian tới, Công ty tiếp tục thăm dò, khảo sát nghiên cứu thị trường vận tải biển, cho thuê xe vãn phòng, vận tải CNG, LNG, than, dịch vụ kho bãi, bến neo đậu... để lên kế hoạch đầu tư và tuyển dụng đội ngũ cán bộ, thuyền viên, lái xe để triển khai cung cấp dịch vụ vận chuyển phù hợp với nhu cầu thị trường.

Đối với công tác quản trị, Công ty tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức, nghiên cứu và áp dụng có chọn lọc các mô hình quản lý chuyên nghiệp của các công ty vận tải quốc tế vào mô hình quản lý của đơn vị.

10.12. Chiến lược kinh doanh

✦ Hiện nay, PTT xác định các mục tiêu chủ yếu của Công ty như sau:

- Xây dựng và từng bước hình thành đội tàu vận tải biển để phát triển trở thành một đơn vị vận tải biển hoạt động hiệu quả trên thị trường quốc tế; đồng thời, tiếp tục duy trì dịch vụ cho thuê xe, vận tải đường bộ, logistic, hoạt động thương mại,...
- Phát huy tối đa lợi thế là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí để nhận được sự hỗ trợ và tập trung mọi nguồn lực phát triển, trở thành đơn vị mạnh về lĩnh vực vận tải sản phẩm dầu/hóa chất.
- Đảm bảo kinh doanh hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn. Đảm bảo lợi ích tối đa của cổ đông, quyền lợi, điều kiện làm việc tốt cho người lao động, đóng góp tích cực cho cộng đồng và xã hội.

✦ Chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty:

- Từng bước chuyển dịch sang lĩnh vực kinh doanh vận tải biển theo định hướng và kế hoạch tái cấu trúc đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tổ chức quản lý, khai thác ổn định, an toàn, hiệu quả đội tàu biển do Công ty sở hữu và quản lý.
- Đầu tư, phát triển và kinh doanh - khai thác đội tàu dưới các hình thức như mua, thuê... trên cơ sở phù hợp với điều kiện thị trường, nhu cầu khách hàng, khả năng tài chính của Công ty, đảm bảo hiệu quả đầu tư và trong hoạt động sản xuất kinh doanh; tuân thủ các quy định liên quan pháp luật tại Việt Nam và các công ước quốc tế.
- Xây dựng, đào tạo đội ngũ cán bộ, thuyền viên phù hợp với lộ trình phát triển đội tàu, đặc biệt chú trọng đào tạo chuyên sâu về chuyên môn, kiến thức luật hàng hải quốc tế, ngoại ngữ... nhằm đáp ứng được yêu cầu dịch vụ trong và ngoài nước.

- Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng - hiệu quả kinh doanh các lĩnh vực dịch vụ truyền thống đã có thế mạnh và kinh nghiệm như dịch vụ cho thuê xe văn phòng, cho thuê bồn chứa CNG, vận chuyển CNG bằng đầu kéo...

☛ Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

Công ty phối hợp với địa phương/ địa bàn hoạt động làm tốt công tác an ninh quốc phòng, bảo vệ môi trường, tham gia tích cực các hoạt động an sinh xã hội, đảm bảo chăm lo đời sống cho người lao động.

10.13. Ngành nghề kinh doanh có điều kiện của Công ty

Căn cứ các ngành, nghề kinh doanh hiện tại của Công ty, hiện nay, Công ty có một số ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, cụ thể như sau:

STT	Tên ngành, nghề	Mã ngành	Điều kiện hoạt động
1	Vận tải hành khách đường bộ khác: Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng; - Vận tải hàng hóa bằng xe tải thường.	4932	Có giấy phép kinh doanh dịch vụ vận tải bằng xe ô tô.
2	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ - Vận tải hàng hóa bằng xe công - ten - nơ	4933	Có giấy phép kinh doanh dịch vụ vận tải bằng xe ô tô.
3	Cho thuê lại lao động	7820	Có giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động.

Đối với các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện nêu trên, Công ty hiện đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

11. Chính sách đối với người lao động

➤ Cơ cấu người lao động:

Cơ cấu người lao động bình quân 2 năm 2021 và 2022

Tiêu chí phân loại	Bình quân năm 2021		Bình quân năm 2022	
	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)
I. Phân theo trình độ lao động	200	100%	178	100%
1. Thạc sỹ, Tiến sỹ và sau Đại học	04	2%	05	3%
2. Đại học, Cao đẳng	21	10%	14	8%
3. Trung cấp, Sơ cấp và chứng chỉ nghề	175	88%	159	89%

Tiêu chí phân loại	Bình quân năm 2021		Bình quân năm 2022	
	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)
4. Lao động phổ thông	0	0%	0	0%
II. Phân theo tính chất hợp đồng lao động	200	100%	178	100%
1. Lao động không xác định thời hạn	139	69%	116	65%
2. Lao động hợp đồng thời hạn từ 06 tháng - 03 năm	61	31%	62	35%
3. Lao động thử việc và thời vụ	0	0%	0	0%

Nguồn: PTT

Cấu trúc người lao động tại thời điểm 30/09/2023

Tiêu chí phân loại	Tại thời điểm 30/09/2023	
	Số người	Tỷ lệ (%)
I. Phân theo trình độ lao động	181	100%
1. Thạc sĩ, Tiến sĩ và sau Đại học	5	3%
2. Đại học, Cao đẳng	18	10%
3. Trung cấp, Sơ cấp và chứng chỉ nghề	158	87%
4. Lao động phổ thông	0	0%
II. Phân theo tính chất hợp đồng lao động	181	100%
1. Lao động không xác định thời hạn	111	61%
2. Lao động hợp đồng thời hạn từ 06 tháng - 03 năm	68	38%
3. Lao động thử việc và thời vụ	2	1%

Nguồn: PTT

Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương đã xây dựng chính sách đối với người lao động cụ thể như sau:

➤ **Chính sách đào tạo:**

Chất lượng đội ngũ cán bộ, nhân viên được coi là nhân tố then chốt để mang lại sự thành công trong việc cung cấp các sản phẩm dịch vụ của Công ty đến với khách hàng. Trong những năm qua, Ban lãnh đạo PTT luôn chú trọng trong công tác đào tạo, nâng cao trình độ, nghiệp vụ, kỹ năng làm việc của cán bộ quản lý và đội ngũ nhân viên nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của doanh nghiệp.

➤ **Chính sách lương thưởng, phúc lợi:**

Công ty luôn đảm bảo mọi quyền lợi của Người lao động. CBNV làm việc tại Công ty được hưởng mức lương cạnh tranh so với mặt bằng thị trường.

Công ty đã áp dụng chính sách lương, thưởng đảm bảo đời sống cho CBNV, đồng thời thu hút nhân tài cho Công ty và gắn kết CBNV lâu dài với Công ty.

CBNV khi ký Hợp đồng lao động với PTT được tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTN-NN theo đúng quy định của Pháp luật. Ngoài ra, CBNV còn được khám sức khỏe định kỳ hàng năm, được mua gói bảo hiểm tai nạn, chăm sóc sức khỏe, đi tham quan, nghỉ dưỡng. PTT luôn quan tâm đến đời sống tinh thần của Người lao động, thường xuyên quan tâm, hỗ trợ cho CBNV có hoàn cảnh khó khăn, ốm đau..., tặng quà cho CBNV nhân dịp sinh nhật, ngày 08/03, 20/10 cho CBNV nữ, tổ chức vui chơi, tặng quà cho con CBNV nhân ngày tết Trung thu, 01/06, các cháu có thành tích cao trong học tập...

➤ **Quy chế phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động: Không có.**

12. Chính sách cổ tức

Công ty thực hiện chi trả cổ tức theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật liên quan. Theo đó, phương án phân phối lợi nhuận và tỷ lệ chi trả cổ tức do HĐQT xây dựng, đề xuất và ĐHCĐ quyết định trên các nguyên tắc sau:

- Cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận còn lại của Công ty cho các cổ đông theo tỷ lệ vốn góp;
- Chính sách trả cổ tức cho cổ đông của Công ty: Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật, hài hoà giữa lợi ích của cổ đông và định hướng phát triển dài hạn, đảm bảo tính hoạt động liên tục của Công ty.
- Tỷ lệ chi trả cổ tức cho cổ đông qua các năm như sau:
 - + Công ty thực hiện chi trả cổ tức 5% trong năm 2019 từ kết quả SXKD năm 2018.
 - + Từ năm 2019 đến 2022: Công ty không thực hiện chi trả cổ tức mà để tích lũy vốn chủ sở hữu cho hoạt động SXKD.

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

Công ty không có đợt chào bán chứng khoán nào trong năm 2021, 2022 và tính đến thời điểm đăng ký chào bán.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành

Công ty không có những cam kết liên quan đến trái phiếu chưa đáo hạn, các quyền chưa thực hiện của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi, v.v... có thể ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty.

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.

Không có.

16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

Hội đồng quản trị Công ty cam kết, tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Hoạt động kinh doanh của Công ty

Tóm tắt hoạt động kinh doanh của PTT năm 2021, 2022 và 9 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Tăng/giảm 2022 so với 2021 (%)	9T/2023
1. Tổng giá trị tài sản	136.808.242.994	245.460.772.628	79,42%	255.929.903.231
2. Doanh thu thuần	176.531.761.262	240.611.245.723	36,30%	201.568.926.748
3. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.479.367.360	6.529.700.096	87,67%	10.356.078.782
4. Lợi nhuận khác	1.092.556.425	-390.659.093	N/A	886.484.408
5. Lợi nhuận trước thuế	4.571.923.785	6.139.041.003	34,28%	11.242.563.190
6. Lợi nhuận sau thuế	3.845.523.854	4.730.898.609	23,02%	8.886.415.389
7. Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	0%	-
8. Tỷ lệ cổ tức	0%	0%	0%	-

Nguồn: BCTC năm 2021, 2022 đã được kiểm toán và BCTC quý 3 năm 2023 của PTT

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 2 năm 2021, 2022 và đến thời điểm hiện tại

1.2.1. Thuận lợi

Công ty tiếp tục nhận được sự quan tâm, ủng hộ từ cổ đông - công ty mẹ là Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí và các cổ đông lớn khác.

Xung đột giữa Nga và Ukraina nổ ra từ tháng 2/2022 đã làm thay đổi cục diện ngành vận tải hàng lỏng. Nhiều tuyến vận tải mới xa hơn tuyến vận tải truyền thống đã hình thành, nhu cầu sử dụng tàu vận tải dầu thô, sản phẩm dầu/ hóa chất ngày càng gia tăng trong khi lượng tàu đóng mới tăng không đáng kể làm cho nguồn cung tàu thiếu hụt đã làm giá cước vận chuyển hàng lỏng tăng mạnh từ quý II/2022, đây là cơ hội thuận lợi để Công ty khai thác có hiệu quả tàu đã đầu tư.

Uy tín và thương hiệu của Công ty trong lĩnh vực vận tải đường bộ vẫn được duy trì đã tạo điều kiện thuận lợi cho đơn vị giữ vững thị trường.

1.2.2. Khó khăn

Thị trường vận tải trong và ngoài nước chung chịu sự tác động nặng nề bởi đại dịch Covid-19 kéo dài từ đầu năm 2020 đã gây ảnh hưởng sâu rộng, nặng nề đến hoạt động giao thương, lưu thông và vận tải – ảnh hưởng trực tiếp hoạt động kinh doanh chính của Công ty, đặc biệt là trong năm 2021. Hiện nay quy mô doanh nghiệp còn nhỏ, quy mô vốn chưa đáp ứng được nhu cầu đầu tư, phát triển nâng cao năng lực của đội tàu.

Tình hình lạm phát tại các nước trên thế giới vẫn đang duy trì ở mức cao, dẫn đến các nước liên tục tăng lãi suất để chống lạm phát, đặc biệt là Mỹ và Châu Âu đã tác động không nhỏ đến thị trường tài chính tiền tệ Việt Nam và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Việc cấp phụ tùng vật tư, sửa chữa, bảo dưỡng, thay ca thuyền viên vẫn gặp rất nhiều khó khăn làm gia tăng chi phí và giảm ngày tàu khai thác. Bên cạnh đó, các quy định, tiêu chuẩn của ngành vận tải ngày càng cao sẽ có tác động lớn đến công tác quản lý kỹ thuật, an toàn, trình độ chuyên môn của CBNV, đội ngũ thuyền viên, lái xe... dẫn đến việc gia tăng chi phí.

Tính đến thời điểm hiện tại, nhu cầu sản xuất, tiêu dùng vẫn tiếp tục duy trì ở mức thấp so với giai đoạn trước khi bùng phát dịch Covid-19.

Nguồn lực thuyền viên có chất lượng trong nước còn thiếu do sự phát triển mạnh của đội tàu Việt Nam và các Chủ tàu trong khu vực cũng như tại Trung Quốc/Ấn Độ, dẫn đến sự cạnh tranh gay gắt và chi phí tăng cao.

1.2.3. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành.

Tình hình kinh tế, chính trị thế giới có diễn biến phức tạp, khó lường đã tác động không nhỏ đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian qua.

Ảnh hưởng chiến sự Israel-Hamas ở Trung Đông cũng có khả năng làm gián đoạn hoạt động kinh tế, và thậm chí đẩy thế giới vào suy thoái. Điều này sẽ ảnh hưởng nền kinh tế thế giới nói chung, kinh tế Việt Nam nói riêng cũng như hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

2.1.1. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương sử dụng và quản lý vốn góp của cổ đông và vốn kinh doanh theo đúng các quy định của pháp luật và đúng mục đích quy định tại Điều lệ của Công ty.

Báo cáo về vốn điều lệ của Công ty

Đvt: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/9/2023
Vốn điều lệ	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021, năm 2022 và BCTC Quý 3 năm 2023 của PTT

Bảng báo cáo về nguồn vốn kinh doanh của Công ty

Đvt: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/9/2023
I. Vốn chủ sở hữu	116.934.204.710	121.265.103.319	129.678.428.708
Vốn góp của chủ sở hữu	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-
Cổ phiếu quỹ	-	-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-
Quỹ đầu tư phát triển	13.074.377.249	16.474.377.249	20.774.377.249
LNST chưa phân phối	3.859.827.461	4.790.726.070	8.904.051.459
II. Nợ phải trả	19.874038.284	124.195.669.309	126.251.474.523
Nợ ngắn hạn	18.897.238.284	47.195.669.309	59.616.165.188
Nợ dài hạn	976.800.000	76.967.480.000	66.635.309.335
Tổng nguồn vốn kinh doanh	136.808.242.994	245.460.772.628	255.929.903.231

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021, năm 2022 và BCTC quý 03 năm 2023 của PTT

Tình hình sử dụng vốn kinh doanh của Công ty

Đơn vị: **Đồng**

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
Tiền và các khoản tương đương tiền	78.196.648.941	18.023.642.387	12.840.567.794
Đầu tư tài chính ngắn hạn		40.000.000.000	65.104.487.671
Các khoản phải thu ngắn hạn	20.675.105.803	18.135.980.917	29.407.659.549
Hàng tồn kho	26.275.791	1.557.255.497	3.412.540.842
Tài sản ngắn hạn khác	1.332.378.469	2.027.718.061	3.302.531.208
Các khoản phải thu dài hạn	2.666.102.000	7.997.332.723	7.901.965.600
Tài sản cố định	33.128.204.007	155.994.692.048	132.003.421.393
Tài sản dở dang dài hạn	202.325.000	202.325.000	345.125.000
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	581.202.983	1.521.825.995	1.611.604.174
Tổng cộng	136.808.242.994	245.460.772.628	255.929.903.231

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021, năm 2022 và BCTC quý 03 năm 2023 của PTT

2.1.2. Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính cho nhóm tài sản cụ thể như sau:

Bảng số năm khấu hao TSCĐ hữu hình

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Máy móc thiết bị	04 – 05
Phương tiện vận tải biển	07 – 15
Phương tiện vận tải đường bộ	06 – 10
Thiết bị văn phòng	03 – 07

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022 của PTT

Công ty luôn thực hiện trích khấu hao tài sản theo đúng quy định của pháp luật.

Tình hình tài sản cố định của Công ty

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
Tài sản cố định hữu hình	33.128.204.007	155.994.692.048	132.003.421.393
- Nguyên giá	116.585.866.173	264.110.813.161	258.970.520.124
- Giá trị hao mòn lũy kế	(83.457.662.166)	(108.116.121.113)	(126.967.098.731)
Tài sản cố định vô hình	-	-	-
- Nguyên giá	51.000.000	51.000.000	51.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	(51.000.000)	(51.000.000)	(51.000.000)

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021, năm 2022 và BCTC quý 03 năm 2023 của PTT

2.1.3. Mức lương bình quân

Mức lương và thu nhập bình quân năm 2021, 2022 và 9 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng

Thời gian	Lương bình quân của người lao động (VND/người/tháng)	Thu nhập bình quân của người lao động (VND/người/tháng)
Năm 2021	10.300.000 đồng/người/tháng	11.700.000 đồng/người/tháng
Năm 2022	10.500.000 đồng/người/tháng	12.800.000 đồng/người/tháng
9 tháng đầu năm 2023	12.400.000 đồng/người/tháng	12.800.000 đồng/người/tháng

Nguồn: PTT

Mức lương bình quân của người lao động của PTT được đánh giá là nằm ở mức cạnh tranh tương đối so với mức lương bình quân của các doanh nghiệp khác cùng ngành trong cùng địa bàn.

2.1.4. Tình hình công nợ

➤ **Các khoản phải thu**

Tổng số nợ phải thu của Công ty tại 31/12/2021 là 23.341.207.803 đồng, 31/12/2022 là 26.133.313.640 đồng và tại thời điểm kết thúc Quý III/2023 là 37.309.625.149 đồng.

Tình hình số dư các khoản phải thu của PTT tại các thời điểm như sau:

Các khoản phải thu tại các thời điểm

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
I. Các khoản phải thu ngắn hạn	20.675.105.803	18.135.980.917	29.407.659.549
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	20.187.153.418	16.242.383.753	26.305.615.608
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	101.536.721	222.735.982	1.681.932.340
3. Phải thu ngắn hạn khác	1.846.012.250	3.130.457.768	2.842.495.522
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-2.131.414.768	-2.131.414.768	-2.094.202.103
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	671.818.182	671.818.182	671.818.182
II. Các khoản phải thu dài hạn	2.666.102.000	7.997.332.723	7.901.965.600
1. Phải thu dài hạn khác	2.666.102.000	7.997.332.723	7.901.965.600
Tổng cộng	23.341.207.803	26.133.313.640	37.309.625.149

Nguồn: BCTC năm 2021, 2022 đã được kiểm toán và BCTC quý 3 năm 2023 của PTT

Tình hình nợ xấu và trích lập dự phòng thời điểm 30/09/2023 như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Số đã trích lập dự phòng
1	Phải thu thương mại	1.223.496.013	1.223.496.013
2	Phải thu khác	786.196.470	786.196.470
3	Trả trước cho người bán:	84.509.620	84.509.620
	Tổng cộng	2.094.202.103	2.094.202.103

Nguồn: PTT

➤ **Các khoản phải trả**

Tổng số nợ phải trả của Công ty tại 31/12/2021 là 19.874.038.284 đồng, 31/12/2022 là 124.195.669.309 đồng và tại thời điểm kết thúc Quý III/2023 là 126.251.474.523 đồng.

Tình hình số dư các khoản phải trả của PTT như sau:

Các khoản phải trả tại các thời điểm

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
I. Nợ ngắn hạn	18.897.238.284	47.228.189.309	59.616.165.188
1. Phải trả người bán ngắn hạn	11.338.152.621	9.600.279.907	12.273.786.612
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	0	4.304.529.261	0
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	262.225.716	765.594.713	2.119.542.048
4. Phải trả người lao động	2.891.080.351	4.302.247.107	4.394.875.130
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	2.091.078.275	1.711.494.767	3.583.731.616
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	621.727.273	0	0
7. Phải trả ngắn hạn khác	1.647.115.078	1.697.944.584	1.643.327.812
8. Vay ngắn hạn	0	13.883.944.000	13.883.944.000
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	0	10.921.296.000	21.671.296.000
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	45.858.970	40.858.970	45.661.970
II. Nợ dài hạn	976.800.000	76.967.480.000	66.635.309.335
1. Phải trả dài hạn khác	976.800.000	605.800.000	686.587.335
2. Vay dài hạn	-	76.361.680.000	65.948.722.000
Tổng cộng	19.874.038.284	124.195.669.309	126.251.474.523

Nguồn: BCTC năm 2021, 2022 đã được kiểm toán và BCTC quý 3/2023 của PTT

2.1.5. Tình hình dư nợ vay

Tình hình số dư các khoản vay của PTT tại các thời điểm như sau:

Số dư các khoản vay tại các thời điểm

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	0	13.883.944.000	13.883.944.000
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem khoản mục nợ dài hạn)	0	13.883.944.000	13.883.944.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	0	76.361.680.000	65.948.722.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	0	76.361.680.000	65.948.722.000

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
Tổng cộng	0	90.245.624.000	79.832.666.000

Nguồn: BCTC năm 2021, 2022 đã được kiểm toán và BCTC quý 3/2023 của PTT

2.1.6. Tình hình thanh toán các khoản nợ

Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương cam kết đã thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn lãi và gốc của các khoản nợ theo quy định tại các hợp đồng/cam kết và không có nợ quá hạn.

2.1.7. Các khoản phải nộp theo luật định

Tính đến thời điểm 30/09/2023, Công ty đã hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ liên quan đến thuế theo quy định.

Tình hình các khoản phải nộp theo luật định của PTT tại các thời điểm như sau:

Các khoản phải nộp theo luật định

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
1. Thuế giá trị gia tăng	20.389.960	197.931.098	386.854.238
2. Thuế thu nhập doanh nghiệp	140.381.130	466.926.001	1.679.631.200
3. Các loại thuế khác	101.454.626	100.737.614	53.056.610
Tổng cộng	262.225.716	765.594.713	2.119.542.048

Nguồn: BCTC năm 2021, 2022 đã được kiểm toán và BCTC quý 3/2023 của PTT

2.1.8. Trích lập các quỹ

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Công ty trích lập các quỹ hàng năm căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh và do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Tình hình trích lập các quỹ

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	45.858.970	40.858.970	45.661.970
2. Quỹ đầu tư phát triển	13.074.377.249	16.474.377.249	20.774.377.249
Tổng cộng	13.120.236.219	16.515.236.219	20.820.039.219

Nguồn: BCTC năm 2021, 2022 đã được kiểm toán và BCTC quý 3/2023 của PTT

2.1.9. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất.

9 tháng đầu năm 2023 diễn ra trong bối cảnh tình hình thế giới tiếp tục biến động phức tạp, khó lường, nhất là diễn biến xung đột Nga – Ukraine, chiến sự Israel-Hamas ở Trung Đông và phản ứng của các nước; lạm phát tuy đã hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao, tiềm ẩn nhiều rủi ro; chính sách tiền tệ bị thắt chặt; tiêu dùng và các hoạt động kinh tế tiếp tục suy giảm, kinh tế thế giới dự báo tăng trưởng thấp trong năm nay hoặc có nguy cơ kinh tế các nước khu vực Eurozone, Trung Quốc rơi vào suy thoái và giảm phát có thể tác động xấu tới thị trường thuê và cho thuê tàu dầu hóa chất.

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2021 và 2022

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
1. Khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	5,30	1,69
<i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>			
- Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	5,30	1,66
<i>(Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</i>			
2. Cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,15	0,51
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,17	1,02
3. Năng lực hoạt động			
- Vòng quay tổng tài sản:	Lần	1,29	1,26
<i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân</i>			
- Vòng quay vốn lưu động:	Lần	1,94	2,67
<i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân</i>			
- Vòng quay hàng tồn kho (*):	Lần	2.851	282,35
<i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i>			
4. Khả năng sinh lời			
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS):	%	2,18%	1,97%
<i>Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần</i>			
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): <i>Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân</i>	%	2,81%	2,48%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE):	%	3,34%	3,97%
<i>Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân</i>			
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng	345	473

Nguồn: Số liệu tính toán từ BCTC năm 2021, 2022 đã được kiểm toán của PTT

Ghi chú:

(*): Vòng quay hàng tồn kho năm 2021 là 2.851 lần và vòng quay hàng tồn kho năm 2022 là 282,35 lần. Vòng quay hàng tồn kho năm 2021 khá lớn là do giá trị hàng tồn kho tại thời điểm

01/01/2021 và 31/12/2021 luôn ở mức thấp dẫn đến giá trị hàng tồn kho bình quân năm 2021 thấp (Hàng tồn kho tại 01/01/2021 là 91.268.978 đồng và Hàng tồn kho tại 31/12/2021 là 26.275.791 đồng).

Vòng quay hàng tồn kho năm 2022 giảm đột biến so với năm 2021 là do trong năm 2022 Công ty đã mua và đưa vào khai thác tàu chở dầu, hoá chất PVT Elena, do vậy Công ty cần dự trữ thêm vật tư, nguyên vật liệu để phục vụ cho quá trình vận hành, khai thác tàu chở dầu, hoá chất PVT Elena. Điều này dẫn đến giá trị hàng tồn kho tăng khá nhiều so với thời điểm 31/12/2021, ở mức 1.557.255.497 đồng tại 31/12/2022. Chính vì vậy, vòng quay hàng tồn kho năm 2022 giảm khá nhiều so với năm 2021.

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành

3.1. Đối với BCTC năm 2021 đã được kiểm toán

Theo ý kiến của tổ chức kiểm toán - Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam tại Báo cáo Kiểm toán Độc lập số 0717/VN1A-HN-BC ngày 11/03/2022, cụ thể:

"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính".

3.2. Đối với BCTC năm 2022 đã được kiểm toán

Theo ý kiến của tổ chức kiểm toán - Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam tại Báo cáo Kiểm toán Độc lập số 0484/VN1A-HN-BC ngày 25/02/2023, cụ thể:

"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính".

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

4.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2023

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-VTDKĐD-ĐHĐCĐ đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 21/04/2023, kế hoạch hoạt động SXKD và phân phối lợi nhuận năm 2023 của Công ty như sau:

Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2023 của PTT

Đơn vị tính: tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Năm 2023	
			Kế hoạch	% tăng/giảm
1	Doanh thu	240,6	264	9,73%
2	Lợi nhuận trước thuế	6,14	12	95,44%
3	Lợi nhuận sau thuế	4,73	9,6	102,96%
4	Tỷ lệ LNST/Doanh thu	1,97%	3,64%	84,97%
5	Tỷ lệ LNST/VCSH bình quân	3,97%	7,63%	92,15%
6	Tỷ lệ cổ tức	-	-	-

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-VTDKĐD-ĐHĐCĐ đã được thông qua ngày 21/04/2023

4.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên

Để xây dựng được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận nêu trên, Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương căn cứ vào các yếu tố sau:

- Doanh thu đến từ các hợp đồng, đối tác khách hàng và thị trường truyền thống đã gắn bó lâu dài với Công ty;
- Tình hình và thị trường khai thác của tàu chở dầu/hoá chất trọng tải khoảng 13.000 DWT mà Công ty đã đầu tư thành công và đưa vào khai thác từ năm 2022.
- Ngoài ra, Công ty cũng chú trọng vào việc đào tạo nhân sự và quản lý chi phí để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

4.3. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức của Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương

Dựa trên kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương qua các năm 2021, 2022 và kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm 2023 (doanh thu 201.568.926.748 đồng, đạt 76,4% kế hoạch cả năm 2023; lợi nhuận sau thuế 8.886.415.389 đồng, đạt 92,6% kế hoạch năm 2023) cũng như căn cứ vào triển vọng nền kinh tế Việt Nam trong năm 2023, BVSC đánh giá việc thực hiện kế hoạch kinh doanh của PTT được xây dựng cho năm 2023 là có tính khả thi cao và thực tế đã thực hiện gần đạt kế hoạch cả năm, nếu không có các yếu tố bất lợi đột xuất, nhiều khả năng sẽ vượt kế hoạch.

Chúng tôi xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC, PHÓ GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Hiện tại, Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương không có cổ đông sáng lập đang trong thời gian hạn chế chuyển nhượng cổ phần PTT.

2. Thông tin về cổ đông lớn

2.1. Ông Nguyễn Hồng Hiệp

1) Tên	Nguyễn Hồng Hiệp					
2) Ngày sinh	10/4/1973					
3) Quốc tịch	Việt Nam					
4) Số lượng và tỷ lệ cổ phần của cổ đông lớn (CĐL) và người có liên quan:						
Tên	Số lượng và tỷ lệ cổ phần nắm giữ			Số lượng và tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết		
	Tại thời điểm trở thành CĐL (30/9/2016)	Tại thời điểm chốt DS (24/7/2023)	Dự kiến sau đợt chào bán	Tại thời điểm trở thành CĐL 30/9/2016	Tại thời điểm chốt DS CĐ (24/7/2023)	Dự kiến sau đợt chào bán
Nguyễn Hồng Hiệp	1.000.200 cổ phiếu (10,002%)	2.045.200 cổ phiếu (20,452%)	3.476.840 cổ phiếu (20,452%)	1.000.200 cổ phiếu (10,002%)	2.045.200 cổ phiếu (20,452%)	3.476.840 cổ phiếu (20,452%)
Người có liên quan của Ông Nguyễn Hồng Hiệp: Không nắm giữ cổ phần PTT.						
5) Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành: Không có						
	2021		2022			
5.1. Thù lao, tiền lương	Không có		Không có			
5.2. Lợi ích khác (tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)...)	Không có		Không có			
5.3. Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với:						
- Tổ chức phát hành	Không có					

 02:
 Ô T
 CỐ T
 T
 3/4



- Công ty con/Công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%		Không có		
6) Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành:				
STT	Tên doanh nghiệp	Hoạt động chính của doanh nghiệp	Mối quan hệ liên quan	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
1	Công ty cổ phần Vận tải Nhật Việt	Vận tải biển	Ông Nguyễn Hồng Hiệp là Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	Các Hợp đồng, giao dịch giữa PTT và ông Nguyễn Hồng Hiệp/ Công ty cổ phần Vận tải Nhật Việt phải được ĐHCĐ/HĐQT chấp thuận, tuân thủ Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp về giao dịch giữa Công ty với người có liên quan.

2.2. Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans)

1) Tên:	Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí
2) Năm thành lập:	27/5/2002
3) Số Giấy chứng nhận ĐKDN:	0302743192
4) Địa chỉ trụ sở chính:	Tầng 2 tòa nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam
5) Vốn điều lệ:	3.236.512.460.000 đồng
6) Người đại diện theo pháp luật:	Ông Nguyễn Duyên Hiếu
7) Người đại diện theo ủy quyền tại Tổ chức phát hành (tên, chức vụ):	<ul style="list-style-type: none"> - Ông Lê Mạnh Tuấn (Phó TGD PVTrans) – Chủ tịch HĐQT PTT <ul style="list-style-type: none"> ▪ Số lượng cổ phần ủy quyền: 2.247.000 cổ phần, tương ứng 22,47% vốn điều lệ PTT. - Ông Lê Thanh Sơn – Thành viên HĐQT, Giám đốc PTT <ul style="list-style-type: none"> ▪ Số lượng cổ phần ủy quyền: 1.500.000 cổ phần, tương ứng 15% vốn điều lệ PTT. - Ông Đỗ Đức Hùng (Kế toán trưởng kiêm Trưởng ban TCKT)

PVTrans) – Thành viên HĐQT PTT ▪ Số lượng cổ phần ủy quyền: 1.500.000 cổ phần, tương ứng 15% vốn điều lệ PTT.						
8) Số lượng và tỷ lệ cổ phần của cổ đông lớn (CĐL) và người có liên quan:						
Tên	Số lượng và tỷ lệ cổ phần nắm giữ			Số lượng và tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết		
	Tại thời điểm trở thành CĐL (15/1/2008)	Tại thời điểm chốt DS CĐ (24/7/2023)	Dự kiến sau đợt chào bán	Tại thời điểm trở thành CĐL (15/1/2008)	Tại thời điểm chốt DS CĐ (24/7/2023)	Dự kiến sau đợt chào bán
Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí	1.500.000 cổ phiếu (15%)	5.247.000 cổ phiếu (52,47%)	8.919.900 cổ phiếu (52,47%)	1.500.000 cổ phiếu (15%)	5.247.000 cổ phiếu (52,47%)	8.919.900 cổ phiếu (52,47%)
Người có liên quan của Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí: Không nắm giữ cổ phiếu PTT.						
9) Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:						
	2021		2022			
9.1. Thù lao, tiền lương	Không có		Không có			
9.2. Lợi ích khác (tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)...))	Không có		Không có			
9.3. Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa PVTrans với:						
- Tổ chức phát hành	Không có.					
- Công ty con/Công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%	Không có					
- Trường hợp cổ đông lớn có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: PVTrans (là công ty mẹ PTT) có phát sinh các hợp đồng với các đơn vị thành viên khác của PVTrans (hoạt động cùng ngành với PTT), cụ thể như sau:						
❖ Các công ty con của PVTrans:						
1) CTCP Vận tải sản phẩm Khí Quốc tế						
▪ Hoạt động chính của doanh nghiệp:						
Phân khúc khách hàng mục tiêu: Các doanh nghiệp kinh doanh xăng, dầu, kinh doanh vận tải biển trong nước và quốc tế.						
Địa bàn hoạt động: Nội địa và quốc tế						
Sản phẩm, dịch vụ: Kinh doanh mua bán phương tiện vận tải, cho thuê tàu, kinh doanh						

vận tải hàng bằng ô tô, đường thủy nội địa, kinh doanh vận tải biển, dịch vụ đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, cung ứng tàu biển, kiểm đếm hàng hóa, vệ sinh tàu biển, sửa chữa tàu biển tại cảng, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, đào tạo nghề.

- Mỗi quan hệ giữa cổ đông lớn và những người có liên quan với doanh nghiệp: PVTrans đang sở hữu 37.932.347 cổ phần, chiếm 67,98% vốn điều lệ của CTCP Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế.
- Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Các hợp đồng, giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành và CTCP Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế đều được ĐHCĐ hoặc HĐQT phê duyệt theo quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

2) CTCP Vận tải Dầu khí Hà Nội

- Hoạt động chính của doanh nghiệp:

Phân khúc khách hàng mục tiêu: Các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh dầu thô, sản phẩm khí và kinh doanh vận tải biển trong nước.

Địa bàn hoạt động: Nội địa

Sản phẩm, dịch vụ: Kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nội, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác, kinh doanh xuất khẩu các mặt hàng công, nông, ngư nghiệp, đồ dùng gia đình và cá nhân, dịch vụ tuyển dụng và cung ứng lao động trong nước, dịch vụ tư vấn, quản lý bất động sản, lữ hành nội địa và dịch vụ phục vụ khách du lịch, sản xuất phần mềm tin học, cung cấp dịch vụ giải pháp tin học và mua bán thiết bị tin học.

- Mỗi quan hệ giữa cổ đông lớn và những người có liên quan với doanh nghiệp: PVTrans đang sở hữu 10.780.000 cổ phần, chiếm 50,50% vốn điều lệ của CTCP Vận tải Dầu khí Hà Nội.
- Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Các hợp đồng, giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành và CTCP Vận tải Dầu khí Hà Nội đều được ĐHCĐ hoặc HĐQT phê duyệt theo quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

3) CTCP Hàng Hải Thăng Long

- Hoạt động chính của doanh nghiệp:

Phân khúc khách hàng mục tiêu: Các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh dầu thô, sản phẩm khí và kinh doanh vận tải biển trong nước và quốc tế.

Địa bàn hoạt động: Nội địa và quốc tế

Sản phẩm, dịch vụ: Kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nội, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác, tuyển dụng, đào tạo và cung ứng thuyền viên, kinh doanh xuất khẩu các mặt hàng công, nông, ngư nghiệp, và các mặt hàng phục vụ đời sống dân sinh.

- Mỗi quan hệ giữa cổ đông lớn và những người có liên quan với doanh nghiệp: PVTrans đang sở hữu 15.600.000 cổ phần, chiếm 99,85% vốn điều lệ của CTCP hàng

hải Thăng Long.

- Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Các hợp đồng, giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành và CTCP Hàng hải Thăng Long đều được ĐHCĐ hoặc HĐQT phê duyệt theo quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

4) CTCP Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi

- Hoạt động chính của doanh nghiệp:

Phân khúc khách hàng mục tiêu: Các khách hàng kinh doanh trong lĩnh vực Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ; đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển và các dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy, đường bộ và đường hàng không; kinh doanh kho bãi, lưu giữ hàng hóa; vận tải hành khách bằng đường bộ

Địa bàn hoạt động: Nội địa và quốc tế

Sản phẩm, dịch vụ: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ; đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển và các dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy, đường bộ và đường hàng không; kinh doanh kho bãi, lưu giữ hàng hóa; vận tải hành khách bằng đường bộ (trừ vận tải bằng xe buýt).

- Mối quan hệ giữa cổ đông lớn và những người có liên quan với doanh nghiệp: PVTrans đang sở hữu 1.266.667 cổ phần, chiếm 50,67% vốn điều lệ của CTCP Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi.

- Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Các hợp đồng, giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành và CTCP Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi đều được ĐHCĐ hoặc HĐQT phê duyệt theo quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

5) CTCP Vận tải và tiếp vận Phương Đông Việt

- Hoạt động chính của doanh nghiệp:

Phân khúc khách hàng mục tiêu: Kinh doanh vận tải dầu, hóa chất và vận tải hàng rời tại thị trường Việt Nam và quốc tế; cung cấp dịch vụ đại lý tàu biển cho các tổ chức trong nước và quốc tế.

Địa bàn hoạt động: Nội địa và quốc tế

Sản phẩm, dịch vụ: Vận chuyên xăng dầu sản phẩm/hóa chất; Kinh doanh thương mại; Đại lý tàu biển; Hoạt động khác (dịch vụ logistics, quản lý và cung ứng thuyền viên, quản lý tàu).

- Mối quan hệ giữa cổ đông lớn và những người có liên quan với doanh nghiệp: PVTrans đang sở hữu 22.350.244 cổ phần, chiếm 51,87% vốn điều lệ của CTCP Vận tải và tiếp vận Phương Đông Việt.

- Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Các hợp đồng, giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành và CTCP Vận tải và tiếp vận Phương Đông Việt đều được ĐHCĐ hoặc HĐQT phê duyệt theo quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

6) CTCP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương

- Hoạt động chính của doanh nghiệp:

Phân khúc khách hàng mục tiêu: Các doanh nghiệp kinh doanh xăng, dầu, kinh doanh vận tải biển trong nước và quốc tế.

Địa bàn hoạt động: Nội địa và quốc tế

Sản phẩm, dịch vụ: Kinh doanh vận tải dầu thô, cho thuê phương tiện vận tải, dịch vụ môi giới tàu biển, đại lý hàng hải, cung ứng tàu biển, sửa chữa tàu biển.

- Mối quan hệ giữa cổ đông lớn và những người có liên quan với doanh nghiệp: PVTrans đang sở hữu 61.200.000 cổ phần, chiếm 64,92% vốn điều lệ của CTCP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương.
- Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Các hợp đồng, giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành và CTCP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương đều được ĐHCĐ hoặc HĐQT phê duyệt theo quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

7) CTCP Vận tải Xăng dầu Phương Nam

- Hoạt động chính của doanh nghiệp:

Phân khúc khách hàng mục tiêu: Các doanh nghiệp kinh doanh xăng, dầu, kinh doanh vận tải biển trong nước và quốc tế.

Địa bàn hoạt động: Nội địa và quốc tế

Sản phẩm, dịch vụ: Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng đường biển, đại lý kinh doanh xăng dầu, đại lý hàng hải, dịch vụ môi giới, cung ứng, sửa chữa tàu biển và cho thuê phương tiện vận tải.

- Mối quan hệ giữa cổ đông lớn và những người có liên quan với doanh nghiệp: PVTrans đang sở hữu 40.563.200 cổ phần, chiếm 69,63% vốn điều lệ của CTCP Vận tải Xăng dầu Phương Nam.
- Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Các hợp đồng, giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành và CTCP Vận tải Xăng dầu Phương Nam đều được ĐHCĐ hoặc HĐQT phê duyệt theo quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

8) CTCP Vận tải Nhật Việt.

- Hoạt động chính của doanh nghiệp:

Phân khúc khách hàng mục tiêu: Các doanh nghiệp kinh doanh xăng, dầu, kinh doanh vận tải biển trong nước và quốc tế.

Địa bàn hoạt động: Nội địa và quốc tế

Sản phẩm, dịch vụ: Cung cấp dịch vụ quản lý tàu; cung cấp nhiên liệu trong nước và nhập khẩu tạm thời đối với các tàu biển, tái xuất; vận chuyển khí hóa lỏng LPG trong

vùng biển nội địa và quốc tế; dịch vụ đại lý tàu biển.

- Mọi quan hệ giữa cổ đông lớn và những người có liên quan với doanh nghiệp: PVTrans đang sở hữu 53.550.000 cổ phần, chiếm 51% vốn điều lệ của CTCP Vận tải Nhật Việt.
- Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Các hợp đồng, giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành và CTCP Vận tải Nhật Việt đều được ĐHCĐ hoặc HĐQT phê duyệt theo quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

2.3. Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Dầu khí Toàn Cầu

1. Tên:	Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Dầu khí Toàn Cầu					
2. Năm thành lập:	2006					
3. Số Giấy chứng nhận ĐKDN:	2700113651					
4. Địa chỉ trụ sở chính:	Số 109 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội					
5. Vốn điều lệ:	3.018.000.000.000 đồng					
6. Người đại diện theo pháp luật:	Ông Hồ Hữu Minh					
7. Người đại diện theo ủy quyền tại Tổ chức phát hành (tên, chức vụ):	Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thành viên HĐQT PTT					
8. Số lượng và tỷ lệ cổ phần của cổ đông lớn (CDL) và người có liên quan:						
Tên	Số lượng và tỷ lệ cổ phần nắm giữ			Số lượng và tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết		
	Tại thời điểm trở thành CDL	Tại thời điểm chốt DS CĐ (24/7/2023)	Dự kiến sau đợt chào bán	Tại thời điểm trở thành CDL	Tại thời điểm chốt DS CĐ (24/7/2023)	Dự kiến sau đợt chào bán
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Dầu khí Toàn Cầu	1.000.000 cổ phiếu (10%)	1.000.000 cổ phiếu (10%)	1.700.000 cổ phiếu (10%)	1.000.000 cổ phiếu (10%)	1.000.000 cổ phiếu (10%)	1.700.000 cổ phiếu (10%)
<i>Người có liên quan của Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Dầu khí Toàn Cầu: Không nắm giữ cổ phiếu PTT.</i>						
9) Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:						
	2021		2022			
9.1. Thù lao, tiền lương	Không có		Không có			
9.2. Lợi ích khác (tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)...))	Không có		Không có			
9.3. Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với TCCP/ Công ty con/Công ty do TCCP nắm quyền kiểm soát trên 50%: Không có.						

10) Trường hợp cổ đông lớn có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành:

Không có.

2.4. Công ty TNHH Vận tải Biển Châu Á Thái Bình Dương

1. Tên:	Công ty TNHH Vận tải Biển Châu Á Thái Bình Dương
2. Năm thành lập:	27/01/2021
3. Số Giấy chứng nhận ĐKDN:	0109512704
4. Địa chỉ trụ sở chính:	Tầng 7, tòa nhà 29 Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
5. Vốn điều lệ:	500.000.000.000 đồng
6. Người đại diện theo pháp luật:	Bà Lê Thị Mai
7. Người đại diện theo ủy quyền tại Tổ chức phát hành (tên, chức vụ):	Ông Trần Vọng Phúc – không giữ chức vụ tại PTT

8. Số lượng và tỷ lệ cổ phần của cổ đông lớn (CĐL) và người có liên quan:

Tên	Số lượng và tỷ lệ cổ phần nắm giữ			Số lượng và tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết		
	Tại thời điểm trở thành CĐL (01/3/2023)	Tại thời điểm chốt DS CĐ (24/7/2023)	Dự kiến sau đợt chào bán	Tại thời điểm trở thành CĐL (01/3/2023)	Tại thời điểm chốt DS CĐ (24/7/2023)	Dự kiến sau đợt chào bán
Công ty TNHH Vận tải Biển Châu Á Thái Bình Dương	1.000.000 cổ phiếu (10%)	1.000.000 cổ phiếu (10%)	1.700.000 cổ phiếu (10%)	1.000.000 cổ phiếu (10%)	1.000.000 cổ phiếu (10%)	1.700.000 cổ phiếu (10%)

Người có liên quan của Công ty TNHH Vận tải Biển Châu Á Thái Bình Dương: Không nắm giữ cổ phiếu PTT.

9. Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

	2021	2022
9.1. Thù lao tiền lương	Không có	Không có
9.2. Lợi ích khác (tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)...))	Không có	Không có

9.3. Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với:

- Tổ chức phát hành:	Không có
- Công ty con/Công ty	Không có

do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%:	
10. Trường hợp cổ đông lớn có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.	

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm Soát viên, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Danh sách thành viên HĐQT, BKS, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ
I	Thành viên Hội đồng quản trị	
1	Ông Lê Mạnh Tuấn	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Lê Thanh Sơn	Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty
3	Ông Đỗ Đức Hùng	Thành viên HĐQT
4	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT
5	Ông Lưu Mạnh Thắng	Thành viên HĐQT
6	Ông Phạm Anh Hùng	Thành viên HĐQT độc lập
II	Thành viên Ban Kiểm soát	
1	Ông Lê Thiện Nhật	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Bà Lê Hải Yến	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Ông Đỗ Như Tiến	Thành viên Ban Kiểm soát
III	Thành viên Ban Giám đốc	
1	Ông Lê Thanh Sơn	Giám đốc
2	Ông Bùi Hữu Cơ	Phó Giám đốc
3	Ông Vũ Hoài Nam	Phó Giám đốc
IV	Kế toán trưởng	
1	Ông Nguyễn Đình Chính	Kế toán Trưởng

Nguồn: PTT

3.1. Thành viên Hội đồng quản trị

3.1.1. Ông Lê Mạnh Tuấn – Chủ tịch HĐQT

1. Tên:	Lê Mạnh Tuấn	
2. Ngày sinh:	30/07/1968	
3. Quốc tịch:	Việt Nam	
4. Trình độ học vấn:	Kỹ sư Kinh tế hóa, Cử nhân Tài chính kế toán	
5. Năng lực chuyên môn:	Kỹ sư Kinh tế hóa, Cử nhân Tài chính kế toán	
6. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Chủ tịch HĐQT		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
12/2020 – Nay	Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương	Chủ tịch HĐQT
7. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các Tổ chức khác:		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1992 – 1995	Công ty xây dựng 25-03 thuộc Bộ Quốc phòng.	Trợ lý kế hoạch
Từ 1996 – 1998	Chuyến phát nhanh quốc tế DHL tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Phụ trách tổ đại lý kiểm tiếp thị
Từ 1998 – 2000	Công ty Điện báo Điện thoại - Bưu điện tỉnh Bà Rịa Vũng tàu	Kế toán trưởng
Từ 2001 – 2004	Công ty Điện báo Điện thoại - Bưu điện tỉnh Bà Rịa Vũng tàu	Phó P. KTKH, phụ trách Kế hoạch kinh doanh và đầu tư xây dựng cơ bản.
Từ 2004 – 2005	Công ty CP Xây lắp dầu khí Miền Nam tại khu công nghiệp Đông Xuyên, TP. Vũng tàu	Phụ trách kế toán
Từ 2005 – 2007	Công ty Điện báo Điện thoại - Bưu điện tỉnh Bà Rịa Vũng tàu	Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh và Đầu tư xây dựng cơ bản
Từ 01/2007 – 05/2008	Trung tâm Dịch vụ khách hàng - viễn thông Bà Rịa -Vũng Tàu	Phó giám đốc Trung Tâm
Từ 07/2008 – 12/2008	Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí	Phó ban Kế hoạch - Đầu tư
Từ 01/2009 – 07/2010	- Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí - Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt	- Trưởng ban Kế hoạch- Đầu tư - Chủ tịch HĐQT
Từ 08/2010 – 11/2011	Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt	Chủ tịch HĐQT

Từ 11/2011 – 5/2022:	Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu Khí. Công ty CP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	UV.HĐQT Tổng công ty UV HĐQT/Giám đốc Cty			
Từ 04/2022 – nay:	Công ty CP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	Chủ tịch HĐQT			
Từ 05/2022 – nay:	Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu Khí	Phó Tổng Giám đốc			
8. Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan:					
	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu			
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân	0	0%			
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của người đại diện theo ủy quyền của PVTrans	2.247.000 cổ phiếu	22,470			
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của những người có liên quan: Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans)	5.247.000 cổ phiếu	52,47%			
9. Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành:					
TT	Họ và Tên	Mối quan hệ	Chức vụ tại TCPH	Số lượng cổ phần tại TCPH	Tỷ lệ sở hữu
1	Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans)	Ông Lê Mạnh Tuấn là Phó TGĐ của PVTrans, đồng thời là người đại diện vốn của PVTrans tại PTT	PVTrans là cổ đông lớn và là công ty mẹ của PTT	5.247.000 cổ phiếu	52,47%
10. Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:					
			2021	2022	
10.1. Thù lao, tiền lương			- Tiền lương: 0 đồng - Thù lao TV HĐQT: 36.000.000 đồng	- Tiền lương: 0 đồng - Thù lao TV HĐQT: 48.000.000 đồng	

10.2. Lợi ích khác (tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)...)	0 đồng	Tiền thưởng: 32.228.000 đồng
10.3. Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ông Lê Mạnh Tuấn với:		
- Tổ chức phát hành	Không có	
- Công ty con/Công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%	Không có	
10.4. Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa người có liên quan của ông Lê Mạnh Tuấn với:		
- Tổ chức phát hành: Không có.		
- Công ty con/Công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%: Không có.		
11. Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có		
12. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Ông Lê Mạnh Tuấn có thù lao Chủ tịch HĐQT tại Công ty CP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương và nhận lương chức vụ Phó Tổng Giám đốc tại Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu Khí. <i>Phương án kiểm soát xung đột lợi ích:</i> Các Hợp đồng, giao dịch giữa PTT và ông Lê Mạnh Tuấn/ Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí phải được ĐHCĐ/HĐQT chấp thuận, tuân thủ Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp về giao dịch giữa Công ty với người có liên quan.		

3.1.2. Ông Lê Thanh Sơn – Thành viên HĐQT

1. Tên:	Lê Thanh Sơn	
2. Ngày sinh:	12/5/1971	
3. Quốc tịch:	Việt Nam	
4. Trình độ học vấn:	Kỹ sư Lọc Hoá Dầu, Cử nhân ngành Luật học	
5. Năng lực chuyên môn:	Lọc Hoá Dầu, Luật	
6. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Giám đốc, Thành viên HĐQT		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 01/2021 – Nay	Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương.	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc.
7. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các Tổ chức khác:		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1999 – 2001	Công ty phát triển khoáng sản 6	Trưởng ca, Xưởng phó và Xưởng trưởng
Từ 2001 – 2006	Công ty Liên doanh Khoáng sản Quốc tế Hải Tinh	Phó Tổng Giám đốc
Từ 2006 – 2007	Công ty CP Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ Long Sơn	Tổng Giám đốc

Từ 2007 – 2018	Công ty Cổ phần Dịch vụ – Vận tải Dầu khí Cửu Long	Giám đốc Chi nhánh Côn Sơn; Phó Giám đốc, Chủ tịch HĐQT, Giám đốc và UV HĐQT			
Từ 2017 – 2019	Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Phó Ban Kinh doanh			
Từ 2017 – 2021	Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	Chủ tịch HĐQT, Phó Giám đốc.			
Từ 2021 – nay	Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương.	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc.			
8. Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan:					
	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu			
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân	0	0%			
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của người đại diện theo ủy quyền của PVTrans	1.500.000	15%			
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của những người có liên quan: Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans)	5.247.000 cổ phiếu	52,47%			
9. Thông tin của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành:					
STT	Họ và Tên	Mối quan hệ	Chức vụ tại TCPH	Số lượng cổ phần tại TCPH	Tỷ lệ sở hữu
1	Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans)	Ông Lê Thanh Sơn là người đại diện vốn của PVTrans tại PTT.	PVTrans là cổ đông lớn và là công ty mẹ của PTT	5.247.000 cổ phiếu	52,47%
10. Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:					
				2021	2022
10.1. Thù lao, tiền lương				- Tiền lương: 436.800.000 đồng - Thù lao TV HĐQT: 0 đồng	- Tiền lương: 436.800.000 đồng - Thù lao TV HĐQT: 36.000.000 đồng
10.2. Lợi ích khác (tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)...))				Tiền thưởng: 178.522.000 đồng.	Tiền thưởng: 230.838.331 đồng
10.3. Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ông Lê Thanh Sơn					

với:	
- Tổ chức phát hành	Không có
- Công ty con/Công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%	Không có
10.4. Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa người có liên quan của ông Lê Thanh Sơn với:	
- Tổ chức phát hành: Không có.	
- Công ty con/Công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%: Không có	
11. Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có	
12. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.	

3.1.3. Ông Đỗ Đức Hùng - Thành viên HĐQT

1. Tên:	Đỗ Đức Hùng	
2. Ngày sinh:	16/8/1980	
3. Quốc tịch:	Việt Nam	
4. Trình độ học vấn:	Cử nhân Tài chính Doanh nghiệp - Học viện Tài chính	
5. Năng lực chuyên môn:	Cử nhân Tài chính Doanh nghiệp	
6. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 6/2020 – Nay	Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương.	Thành viên HĐQT
7. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các Tổ chức khác:		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 7/2002 - 9/2003	Công ty Xây dựng số 3 Hà Nội - Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội.	Chuyên viên Kế toán
Từ 9/2003 - 4/2004	Công ty TNHH MTV Xây lắp Hóa chất - Tổng Công ty Xây dựng Công nghiệp Việt Nam (Bộ Công Thương).	Kế toán tổng hợp
Từ 4/2004 - 4/2008	Chi nhánh miền Nam Công ty TNHH MTV Xây lắp Hóa chất.	Trưởng phòng Tài chính Kế toán
Từ 05/2008 - 6/2010	Công ty CP Năng lượng tái tạo Châu Á.	Trưởng phòng Tài chính/GĐ Tài chính
Từ 06/2010 - 6/2011	Công ty CP Kỹ thuật Xây dựng Anpha - COTEC GROUP.	Kế toán trưởng
Từ 06/2011 - 5/2012	Chi nhánh miền Nam Công ty CP Bảo dưỡng và Sửa chữa công trình Dầu khí.	Trưởng phòng Tài chính Kế toán
Từ 05/2012 - 3/2013	Công ty Dịch vụ Hàng hải Dầu khí	Phó phòng Tài chính Kế toán

Từ 03/2013 - 10/2013	Công ty CP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	Phụ trách Phòng Kế toán - Kế hoạch			
Từ 10/2013 - 7/2019	Công ty CP Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	Kế toán trưởng			
Từ 07/2019 - 09/2020	Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí	Trưởng ban Tài chính Kế toán			
Từ 09/2020 - Nay	Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí	Kế toán trưởng kiêm Trưởng ban Tài chính Kế toán			
Từ 09/2019 - Nay	Công ty CP Vận tải Nhật Việt	Thành viên HĐQT			
8. Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan:					
	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu			
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân	0	0%			
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của người đại diện theo ủy quyền của PVTrans	1.500.000 cổ phiếu	15%			
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của những người có liên quan: Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans)	5.247.000 cổ phiếu	52,47%			
9. Thông tin của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành:					
TT	Họ và Tên	Mối quan hệ	Chức vụ tại TCPH	Số lượng cổ phần tại TCPH	Tỷ lệ sở hữu
1	Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans)	Ông Đỗ Đức Hùng là Kế toán trưởng của PVTrans và là người đại diện vốn của PVTrans tại PTT.	PVTrans là cổ đông lớn và là công ty mẹ của PTT	5.247.000 cổ phiếu	52,47%
10. Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:					
			2021	2022	
10.1	Thù lao, tiền lương		- Tiền lương: 0 đồng - Thù lao TV HĐQT: 24.000.000 đồng	- Tiền lương: 0 đồng - Thù lao TV HĐQT: 36.000.000 đồng	
10.2	Lợi ích khác (tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao		0 đồng	Tiền thưởng: 13.428.000 đồng	

<i>động (số lượng, giá)...</i>		
10.3. Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ông Đỗ Đức Hùng với:		
- Tổ chức phát hành	Không có	
- Công ty con/Công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%	Không có	
10.4. Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa người có liên quan của ông Đỗ Đức Hùng với:		
- Tổ chức phát hành: Không có.		
- Công ty con/Công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%: Không có.		
11. Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có		
12. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Ông Đỗ Đức Hùng đang hưởng thù lao thành viên HĐQT tại Công ty CP Vận tải Nhật Việt và nhận lương vị trí Kế toán trưởng kiêm Trưởng ban Tài chính Kế toán tại Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí (PVTrans). <i>Phương án kiểm soát xung đột lợi ích:</i> Các Hợp đồng, giao dịch giữa PTT và ông Đỗ Đức Hùng/ Công ty CP Vận tải Nhật Việt/ Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí phải được ĐHCĐ/HĐQT chấp thuận, tuân thủ Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp về giao dịch giữa Công ty với người có liên quan.		

3.1.4. Ông Phạm Anh Hùng - Thành viên HĐQT độc lập

1. Tên:	Phạm Anh Hùng	
2. Ngày sinh:	14/12/1988	
3. Quốc tịch:	Việt Nam	
4. Trình độ học vấn:	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	
5. Năng lực chuyên môn:	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	
6. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT độc lập		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 04/2023 -- Nay	Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương.	Thành viên HĐQT độc lập
7. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các Tổ chức khác:		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2011 - 9/2013	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Hà Nội.	Chuyên viên quan hệ khách hàng
2013 - 2014	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Hội sở.	Chuyên viên quan hệ khách hàng
2014 - 08/2016	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Hội sở.	Chuyên viên cao cấp, Trưởng bộ phận
08/2016 - 10/2020	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Hội sở.	Giám đốc quan hệ khách hàng

11/2022 – Nay	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam.	Giám đốc kinh doanh – Vùng Kinh doanh Hà Nội khối khách hàng doanh nghiệp lớn
8. Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan:		
	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân	0	0%
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của người đại diện theo ủy quyền	0	0%
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của những người có liên quan	0	0%
9. Thông tin của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.		
10. Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:		
	2021	2022
10.1. Thù lao, tiền lương	- Tiền lương: 0 đồng - Thù lao TV HĐQT: 0 đồng	- Tiền lương: 0 đồng - Thù lao TV HĐQT: 0 đồng
10.2. Lợi ích khác (tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)...))	0 đồng	0 đồng
10.3. Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ông Phạm Anh Hùng với:		
- Tổ chức phát hành	Không có	
- Công ty con/Công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%	Không có	
10.4. Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa người có liên quan của ông Phạm Anh Hùng với:		
- Tổ chức phát hành: Không có.		
- Công ty con/Công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%: Không có.		
11. Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có		
12. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.		

3.1.5. Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Thành viên HĐQT

1. Tên:	Nguyễn Mạnh Hùng
---------	------------------

2. Ngày sinh:	04/03/1976	
3. Quốc tịch:	Việt Nam	
4. Trình độ học vấn:	Cử nhân ngân hàng; Thạc sỹ QTKD	
5. Năng lực chuyên môn:	Cử nhân ngân hàng; Thạc sỹ QTKD	
6. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 4/2019 – Nay	Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương.	Thành viên HĐQT
7. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các Tổ chức khác:		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1998 – 3/2003	Công ty TM Kỹ thuật và Đầu tư PETEC - Bộ Thương Mại	Chuyên viên kinh doanh
Từ 4/2003 – 6/2005	Ngân hàng VPBank	Nhân viên; Chuyên viên Phòng Nguồn vốn
Từ 06/2005 – 01/2006	Chi nhánh VPBank Cát Linh	Phó Phòng Kế toán giao dịch
Từ 02/2006 – 09/2007	Chi nhánh VPBank Giảng Võ	Trưởng phòng Kế toán Giao dịch
Từ 10/2007 – 04/2009	Ngân hàng VPBank.	Kiểm soát viên; Phó Phòng Nguồn vốn
Từ 05/2009 – 11/2011	Ngân hàng TMCP Dầu Khí Toàn Cầu	Trưởng phòng Nguồn vốn
Từ 12/2011 – 02/05/2013	Ngân hàng TMCP Dầu Khí Toàn Cầu	Phó Tổng Giám đốc
Từ 03/05/2013 – 04/2015	Ngân hàng TMCP Dầu Khí Toàn Cầu	Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Quản lý Nhân sự và đào tạo
Từ 05/2015 – 06/07/2015	Ngân hàng TMCP Dầu Khí Toàn Cầu	Phó Tổng Giám đốc
Từ 07/07/2015 – 03/05/2017	Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Dầu Khí Toàn Cầu	Phó Tổng Giám đốc
Từ 04/05/2017 – 06/2018	Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Dầu Khí Toàn Cầu	Phó Tổng Giám đốc Kiểm Giám đốc Khối Nhân sự & Quản trị
Từ 07/2018 đến Nay	Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Dầu Khí Toàn Cầu	Phó Tổng Giám đốc
Từ 03/2019 đến Nay	Công ty cổ phần Du lịch Kim Liên	Thành viên HĐQT.
Từ 06/2022 đến Nay	Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ dầu khí Việt Nam	Thành viên HĐQT.
8. Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan:		
	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân	0	0%			
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn Cầu (GPBank)	1.000.000	10%			
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của những người có liên quan: Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Dầu Khí Toàn Cầu (GPBank)	1.000.000	10%			
9. Thông tin của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành:					
TT	Họ và Tên	Mối quan hệ	Chức vụ tại TCPH	Số lượng cổ phần tại TCPH	Tỷ lệ sở hữu
1	Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Dầu Khí Toàn Cầu (GPBank).	Ông Nguyễn Mạnh Hùng là Phó Tổng Giám đốc tại GPBank.	GPBank là cổ đông lớn của PTT.	1.000.000	10%
10. Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:					
			2021	2022	
10.1. Thù lao, tiền lương			- Tiền lương: 0 đồng - Thù lao TV HĐQT: 24.000.000 đồng	- Tiền lương: 0 đồng - Thù lao TV HĐQT: 36.000.000 đồng	
10.2. Lợi ích khác (tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)...))			0 đồng	Tiền thưởng: 13.428.000 đồng	
10.3. Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ông Nguyễn Mạnh Hùng với:					
- Tổ chức phát hành			Không có		
- Công ty con/Công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%			Không có		
10.4. Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa người có liên quan của ông Nguyễn Mạnh Hùng với:					
- Tổ chức phát hành			Không có		
- Công ty con/Công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%			Không có		
11. Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có					
12. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức					

phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.

3.1.6. Ông Lưu Mạnh Thắng - Thành viên HĐQT

1. Tên:	Lưu Mạnh Thắng	
2. Ngày sinh:	07/10/1976	
3. Quốc tịch:	Việt Nam	
4. Trình độ học vấn:	Cử nhân khai thác máy tàu biển.	
5. Năng lực chuyên môn:	Cử nhân khai thác máy tàu biển.	
6. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 9/2021 – Nay	Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương.	Thành viên HĐQT
7. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các Tổ chức khác:		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1999 – 2005:	Công ty hợp tác lao động quốc tế phía Nam.	Thuyền viên
Từ 2005 – 2006:	Công ty Cổ phần Hàng hải.	Chuyên viên quản lý tàu
Từ 2006 – Nay:	Công ty TNHH MTV Vận tải biển Đông	Chuyên viên quản lý tàu; Phó phòng Kỹ thuật và Vật tư; Phó phòng tàu dầu; Trưởng phòng Kỹ thuật và an toàn tàu dầu.
Từ 2021 – Nay	Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	Thành viên HĐQT.
8. Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan:		
	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân	0	0%
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của người đại diện theo ủy quyền	0	0%
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành những người có liên quan	0	0%

9. Thông tin của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có		
10. Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:		
	2021	2022
10.1. Thù lao, tiền lương	- Tiền lương: 0 đồng - Thù lao HĐQT: 6.000.000 đồng	- Tiền lương: 0 đồng - Thù lao HĐQT: 36.000.000 đồng
10.2. Lợi ích khác (tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)...))	0 đồng	Tiền thưởng: 4.431.000 đồng
10.3. Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ông Lưu Mạnh Thắng với:		
- Tổ chức phát hành	Không có	
- Công ty con/Công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%	Không có	
10.4. Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa người có liên quan của ông Lưu Mạnh Thắng với:		
- Tổ chức phát hành	Không có	
- Công ty con/Công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%	Không có	
11. Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có		
12. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Ông Lưu Mạnh Thắng nhận lương tại Công ty TNHH MTV Vận tải biển Đông và nhận thù lao chức danh Thành viên HĐQT tại Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội. <i>Phương án kiểm soát xung đột lợi ích:</i> Các Hợp đồng, giao dịch giữa PTT và ông Lưu Mạnh Thắng/ Công ty TNHH MTV Vận tải biển Đông/ Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội phải được ĐHCĐ/HĐQT chấp thuận, tuân thủ Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp về giao dịch giữa Công ty với người có liên quan.		

3.2. Thành viên Ban Kiểm soát

3.2.1 Ông Lê Thiện Nhật - Trưởng Ban Kiểm soát

1. Tên:	Lê Thiện Nhật	
2. Ngày sinh:	29/11/1985	
3. Quốc tịch:	Việt Nam	
4. Trình độ học vấn:	Cử nhân Kinh tế	
5. Năng lực chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế	
6. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Trưởng Ban Kiểm soát		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ

Từ 4/2023 – Nay	Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương.	Trưởng Ban Kiểm soát
7. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các Tổ chức khác:		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 07/2007 – 06/2012	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sacombank	Trưởng bộ phận Tư vấn tài chính doanh nghiệp - Khối tư vấn
Từ 06/2012 – 06/2014	Trung tâm Tín dụng Doanh nghiệp Hội sở - Ngân hàng TMCP Á Châu	Chuyên viên phân tích tín dụng
Từ 07/2014 – 05/2017	Chi nhánh Châu Văn Liêm – Ngân hàng TMCP Á Châu	Giám đốc Quan hệ khách hàng
Từ 06/2017 – 09/2022	Công ty CP Chứng khoán KS	Giám đốc Tư vấn Tài chính doanh nghiệp
Từ 10/2022 – Nay	Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Phó Ban Kế hoạch Đầu tư
8. Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan: Không có		
	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân	0	0%
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của người đại diện theo ủy quyền	0	0%
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của những người có liên quan	0	0%
9. Thông tin của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có		
10. Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:		
	2021	2022
10.1. Thù lao, tiền lương	- Tiền lương: 0 đồng - Thù lao BKS: 0 đồng	- Tiền lương: 0 đồng - Thù lao BKS: 0 đồng
10.2. Lợi ích khác (tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)...))	0 đồng	Tiền thưởng: 0 đồng.
10.3. Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ông Lê Thiện Nhật với:		
- Tổ chức phát hành	Không có	
- Công ty con/Công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%	Không có	

10.4. Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa người có liên quan của ông Lê Thiện Nhật với:

- Tổ chức phát hành	Không có
- Công ty con/Công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%	Không có
11. Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có	
12. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Ông Lê Thiện Nhật nhận lương chức vụ Phó Ban kế hoạch Đầu tư tại Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí (PVTrans). <i>Phương án kiểm soát xung đột lợi ích:</i> Các Hợp đồng, giao dịch giữa PTT và ông Lê Thiện Nhật/ Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí phải được ĐHCĐ/HĐQT chấp thuận, tuân thủ Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp về giao dịch giữa Công ty với người có liên quan.	

3.2.2 Bà Lê Hải Yến – Thành viên Ban Kiểm soát

1. Tên:	Lê Hải Yến	
2. Ngày sinh:	01/6/1973	
3. Quốc tịch:	Việt Nam	
4. Trình độ học vấn:	Cử nhân Kế toán	
5. Năng lực chuyên môn:	Cử nhân Kế toán	
6. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Thành viên BKS		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 4/2018 – nay	Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương.	Thành viên BKS
7. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các Tổ chức khác:		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 10/1994 – 05/2000	Công ty Phân đạm và hóa chất Hà Bắc	Kế toán ngân hàng
Từ 06/2000 – 06/2003	Công ty CP Phát hành báo Ba Sao	Kế toán trưởng
Từ 04/2005 – 04/2009	Công ty TNHH MTV lắp máy và Xây dựng Vinashin.	Trưởng phòng phụ trách kế toán
Từ 05/2009 – 04/2010	Công ty TNHH NN MTV Thương mại và XNK Viettel.	Kế toán chi phí
Từ 05/2010 – 04/2023	Công ty TNHH Sellan Gas.	Kế toán trưởng
Từ 04/2023 – Nay	Công ty TNHH Vận tải Dầu khí Việt Mỹ	Kế toán trưởng
8. Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan:		
	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân	0	0%
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của người đại diện theo ủy quyền	0	0%
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành những người có liên quan	0	0%
9. Thông tin của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có		
10. Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:		
	2021	2022
10.1. Thù lao, tiền lương	- Tiền lương: 0 đồng - Thù lao TV BKS: 12.000.000 đồng	- Tiền lương: 0 đồng - Thù lao TV BKS: 18.000.000 đồng
10.2. Lợi ích khác (tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)...))	0 đồng	Tiền thưởng: 2.686.000 đồng
10.3. Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa bà Lê Hải Yến với:		
- Tổ chức phát hành	Không có	
- Công ty con/Công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%	Không có	
10.4. Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa người có liên quan của bà Lê Hải Yến với:		
- Tổ chức phát hành	Không có	
- Công ty con/Công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%	Không có	
11. Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có		
12. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Bà Lê Hải Yến có lương chức vụ Kế toán trưởng tại Công ty TNHH Vận tải Dầu khí Việt Mỹ (ngành nghề kinh doanh chính: vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; địa bàn hoạt động: nội địa và quốc tế). <i>Phương án kiểm soát xung đột lợi ích:</i> Các Hợp đồng, giao dịch giữa PTT và bà Lê Hải Yến/ Công ty TNHH Vận tải Dầu khí Việt Mỹ phải được ĐHCĐ/HĐQT chấp thuận, tuân thủ Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp về giao dịch giữa Công ty với người có liên quan.		

3.2.3 Ông Đỗ Như Tiến – Thành viên Ban Kiểm soát

1. Tên:	Đỗ Như Tiến
2. Ngày sinh:	10/12/1990
3. Quốc tịch:	Việt Nam

4. Trình độ học vấn:	Thạc sĩ	
5. Năng lực chuyên môn:	Thạc sĩ Tài chính ngân hàng	
6. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Thành viên BKS		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 12/2022 – 4/2023	Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương.	Trưởng BKS
Từ 4/2023 – Nay	Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương.	Thành viên BKS
7. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các Tổ chức khác:		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 11/2013 – 05/2015	Ngân hàng SeABank	Chuyên viên tín dụng
Từ 10/2015 – 06/2016	Ngân hàng NCB	Chuyên viên tín dụng
Từ 06/2016 – 02/2022	Phòng Tài chính Kế toán – Chi nhánh Tập Đoàn Dầu Khí Việt Nam – Công Ty Điều Hành Dầu Khí Phú Quốc.	Chuyên viên
Từ 03/2022 – Nay	Ban Kiểm toán nội bộ - Tổng Công Ty Cổ Phần Vận Tải Dầu Khí	Phó phòng
Từ 06/2022 – Nay	Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	Thành viên Ban kiểm soát
8. Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan:		
	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân	0	0%
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của người đại diện theo ủy quyền	0	0%
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành những người có liên quan	0	0%
9. Thông tin của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành:		
10. Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:		
	2021	2022
10.1 Thù lao, tiền lương	- Tiền lương: 0 đồng - Thù lao TV BKS: 0 đồng	- Tiền lương: 0 đồng - Thù lao TV BKS: 0 đồng
10.2 Lợi ích khác (tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)...))	0 đồng	0 đồng

10.3 Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ông Đỗ Như Tiến với:	
- Tổ chức phát hành	Không có
- Công ty con/Công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%	Không có
10.4 Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa người có liên quan của ông Đỗ Như Tiến với:	
- Tổ chức phát hành	Không có
- Công ty con/Công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%	Không có
11. Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có	
12. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Ông Đỗ Như Tiến hiện nhận lương chức vụ Phó phòng – Ban kiểm toán nội bộ tại Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí và nhận thù lao thành viên Ban kiểm soát tại Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương. <i>Phương án kiểm soát xung đột lợi ích:</i> Các Hợp đồng, giao dịch giữa PTT và ông Đỗ Như Tiến/ Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí/ Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương phải được ĐHCĐ/HĐQT chấp thuận, tuân thủ Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp về giao dịch giữa Công ty với người có liên quan.	

3.3. Ban Giám đốc

3.3.1. Ông Lê Thanh Sơn - Giám đốc

Đã trình bày tại Mục VI.3.1.1.

3.3.2. Ông Bùi Hữu Cơ - Phó Giám đốc

1. Tên:	Bùi Hữu Cơ	
2. Ngày sinh:	12/9/1970	
3. Quốc tịch:	Việt Nam	
4. Trình độ học vấn:	Kỹ sư máy TT, cử nhân Kinh tế, Thạc sỹ QTKD	
5. Năng lực chuyên môn:	Kỹ sư máy TT, cử nhân Kinh tế, Thạc sỹ QTKD	
6. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 4/2018 – 7/2020	Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương.	Thành viên HĐQT
Từ 7/2020 – Nay	Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương.	Phó Giám đốc
7. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các Tổ chức khác:		

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1992 – 12/2001	Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC Marine Vũng Tàu)	Sỹ quan máy/Máy trưởng
Từ 12/2001 – 09/2006	Phòng Kinh tế Kế hoạch-Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC Hà Nội)	Cán bộ
Từ 09/2006 – 09/2008	Ban Quản lý rủi ro& Bồi thường - Tổng Công ty Bảo hiểm Dầu khí (PVI)	Phó Giám đốc
Từ 09/2008 – 02/2010	Công ty TNHH MTV Vận tải Dầu khí Hà Nội	Phó giám đốc
Từ 02/2010 – 07/2017	Công ty CP Vận tải Dầu khí Hà Nội	Giám đốc
Từ 07 – 12/2017	TCT CP Vận tải Dầu khí	Phó ban Kinh doanh
Từ 12/2017 – 04/2018	TCT CP Vận tải Dầu khí	Phó ban Kế hoạch Đầu tư
8. Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan:		
	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân	0	0%
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của người đại diện theo ủy quyền	0	0%
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành những người có liên quan	0	0%
9. Thông tin của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có		
10. Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:		
	2021	2022
10.1 Thù lao, tiền lương	- Tiền lương: 393.120.000 đồng	- Tiền lương: 393.120.000 đồng
10.2 Lợi ích khác (tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)...))	Tiền thưởng: 162.835.000 đồng	Tiền thưởng: 191.524.001 đồng
10.3 Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ông Bùi Hữu cơ với:		
- Tổ chức phát hành	Không có	
- Công ty con/Công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%	Không có	
10.4 Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa người có liên quan của ông Bùi Hữu cơ với:		
- Tổ chức phát hành	Không có	

- Công ty con/Công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%	Không có
11. Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có	
12. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.	

3.3.3. Ông Vũ Hoài Nam - Phó Giám đốc

1. Tên:	Vũ Hoài Nam	
2. Ngày sinh:	21/12/1977	
3. Quốc tịch:	Việt Nam	
4. Trình độ học vấn:	Cử nhân Quản trị kinh doanh	
5. Năng lực chuyên môn:	Cử nhân Quản trị kinh doanh	
6. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Phó Giám đốc		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 12/2022 – 4/2023	Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương.	Phó Giám đốc
Từ 4/2023 – Nay	Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương.	Phó Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Công ty tại TP.HCM
7. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các Tổ chức khác:		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2001 – 2005	Công ty Dịch Vụ Hàng Không Sân Bay Tân Sơn Nhất (SASCO)	Nhân viên kinh doanh
Từ 2006 – 2009	Công ty Du Lịch Vietravel	Nhân viên kinh doanh
Từ 5/2009 – 10/2011	Công ty CP Dịch vụ - Vận Tải Dầu Khí Cửu Long.	Nhân viên
Từ 11/2011 – 5/2015	Chi nhánh Côn Sơn – Công ty CP Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long.	Phó Giám đốc
Từ 6/2015 – 7/2016	Chi nhánh Côn Sơn – Công ty CP Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long.	Giám đốc
8. Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan: Không có		
	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân	0	0%
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của người đại diện theo ủy quyền	0	0%

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành những người có liên quan	0	0%
9. Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có		
10. Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:		
	2021	2022
10.1 Thù lao, tiền lương	- Tiền lương: 373.706.664 đồng	- Tiền lương: 373.706.664 đồng
10.2 Lợi ích khác (tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)...))	Tiền thưởng: 147.433.022 đồng	Tiền thưởng: 209.733.859 đồng
10.3 Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ông Vũ Hoài Nam với:		
- Tổ chức phát hành	Không có	
- Công ty con/Công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%	Không có	
10.4 Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa người có liên quan của ông Vũ Hoài Nam với:		
- Tổ chức phát hành	Không có	
- Công ty con/Công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%	Không có	
11. Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có		
12. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.		

3.4. Kế toán trưởng – Ông Nguyễn Đình Chính

1. Tên:	Nguyễn Đình Chính	
2. Ngày sinh:	10/12/1980	
3. Quốc tịch:	Việt Nam	
4. Trình độ học vấn:	Thạc sỹ	
5. Năng lực chuyên môn:	Cử nhân tài chính kế toán, Thạc sỹ Tài chính ngân hàng	
6. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Kế toán trưởng		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 6/2019 – Nay	Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương.	Kế toán trưởng
7. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các Tổ chức khác:		

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 12/2002 – 07/2004	Phòng Tài vụ Công ty Khóa Minh Khai – TCT Cơ khí Xây dựng	Chuyên viên
Từ 08/2004 – 03/2005	Ban Tài chính kế toán Xí nghiệp Sông Đà 203 – Công ty Sông Đà 2	Chuyên viên
Từ 04/2005 – 06/2005	Phòng Tài chính kế toán Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 12 (LICOGI 12)	Chuyên viên
Từ 07/2005 – 12/2008	Phòng Tài chính kế toán Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 1 (NEDL1) - Công ty Điện lực 1	Chuyên viên, kế toán tổng hợp
Từ 01/2009 – 02/2009	Phòng Tài chính kế toán Công ty CP thủy điện Nho Quế 1 – Công ty Điện lực 1	Phó trưởng phòng, phụ trách phòng
Từ 02/2009 – 04/2010	Phòng Tín dụng Công ty Tài chính cổ phần Sông Đà	Chuyên viên
Từ 4/2010 – 003/2012	Tổ Tín dụng doanh nghiệp - Phòng Tín dụng Công ty Tài chính cổ phần Sông Đà	Tổ trưởng
Từ 03/2012 – 11/2013	Phòng Tín dụng Công ty Tài chính cổ phần Sông Đà	Phó trưởng phòng
Từ 11/2013 – 01/2014	Phòng Tín dụng và Đầu tư - Công ty Tài chính cổ phần Sông Đà	Phó trưởng phòng, phụ trách Phòng
Từ 01/2014 – 03/2016	Phòng Tín dụng doanh nghiệp Công ty Tài chính cổ phần Sông Đà	Trưởng phòng
Từ T3/2016 – 9/2016	Ban Kiểm soát nội bộ Công ty cổ phần Sông Đà 3	Chuyên viên
Từ 10/2016 – 10/2017	Xí nghiệp Sông Đà 2.06 - Công ty cổ phần Sông Đà 2	Kế toán trưởng
Từ 04/2018 – 05/2019	- Công ty CP thủy điện Pắc Ma - Công ty CP Tập đoàn Hưng Hải	- Phó phòng Tài chính kế toán - Chuyên viên Ban Tài chính kế toán
8. Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan: Không có		
	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân	0	0%
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của người đại diện theo ủy quyền	0	0%
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành những người có liên quan	0	0%
9. Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có		
10. Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:		

	2021	2022
10.1 Thù lao, tiền lương	- Tiền lương: 279.080.000 đồng	- Tiền lương: 308.054.924 đồng
10.2 Lợi ích khác (tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)...))	Tiền thưởng: 108.660.000 đồng	Tiền thưởng: 171.688.000 đồng
10.3 Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ông Nguyễn Đình Chính với:		
- Tổ chức phát hành	Không có	
- Công ty con/Công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%	Không có	
10.4 Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa người có liên quan của ông Nguyễn Đình Chính với:		
- Tổ chức phát hành	Không có	
- Công ty con/Công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%	Không có	
11. Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có		
12. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có		

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN**1. Loại cổ phiếu**

Cổ phiếu phổ thông.

2. Mệnh giá cổ phiếu

10.000 đồng/cổ phiếu.

3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán

7.000.000 cổ phiếu

4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá

70.000.000.000 đồng

5. Giá chào bán dự kiến

10.000 đồng/cổ phiếu.

6. Phương pháp tính giá

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường ngày 21/08/2023 của Công ty, nguyên tắc xác định giá cổ phiếu được xác định dựa trên giá trị sổ sách và giá thị trường của cổ phiếu PTT. Cụ thể như sau:

> Giá trị sổ sách:

Giá trị sổ sách 1 cổ phiếu (Book Value/BV) CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương:

BV = Nguồn vốn chủ sở hữu/Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

▪ Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2022:

$BV = 121.265.103.319 / 10.000.000 = 12.126,5$ đồng/cổ phần.

(Theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 của PTT).

> Giá trị thị trường:

- Giá giao dịch bình quân 30 phiên giao dịch gần nhất của cổ phiếu PTT tại Upcom từ ngày 13/06/2023 đến 24/07/2023 là 11.030 đồng/cổ phần.

Hiện tại, Công ty đang tiếp tục đánh giá dựa trên giá trị sổ sách và giá giao dịch trên thị trường tại thời điểm gần nhất của cổ phiếu PTT, cụ thể như sau:

▪ Giá trị sổ sách tại thời điểm 30/09/2023:

$BV = 129.678.428.708 / 10.000.000 = 12.967,8$ đồng/cổ phần.

(Theo Báo cáo tài chính quý 3 năm 2023 của PTT).

- Giá giao dịch bình quân 30 phiên giao dịch gần nhất của cổ phiếu PTT tại Upcom (từ ngày 22/09/2023 đến 02/11/2023) là 8.787 đồng/cổ phần.

Ngoài ra, Công ty cũng đánh giá thêm mức độ pha loãng cổ phần sau khi phát hành, cụ thể như sau:

➤ **Mức độ pha loãng cổ phiếu:**

Tại ngày giao dịch không hưởng quyền, giá tham chiếu của cổ phiếu sẽ được điều chỉnh theo công thức sau đây:

$$P = \frac{P_L - 1 + (I \times PR)}{1 + I}$$

Trong đó:

P: là giá tham chiếu của cổ phiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền (giá cổ phiếu sau khi bị pha loãng);

P_L: là giá cổ phiếu trước ngày giao dịch không hưởng quyền (giá cổ phiếu trước khi bị pha loãng) – Giá định: 11.000 đồng/cổ phiếu;

I: là tỷ lệ vốn tăng, $I = 10:7$ (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu PTT tại ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền sẽ được hưởng tương ứng 01 quyền mua, và cứ 10 quyền mua sẽ được mua 07 cổ phiếu phát hành thêm),

PR: là giá cổ phiếu sẽ bán cho người nắm giữ quyền mua cổ phiếu trong đợt chào bán mới – 10.000 đồng/cổ phần.

$$P = (11.000 + 70\% \times 10.000) / (1 + 70\%) = 10.588 \text{ (đồng)}.$$

7. Phương thức phân phối

Cổ phiếu phát hành thêm được chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền với tỷ lệ thực hiện quyền là 10:07 (Theo đó, cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền sẽ được quyền mua 07 cổ phiếu phát hành thêm theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị.)

Số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh do quy định phân phối (nếu có) và số lượng cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT Công ty thực hiện phân phối theo tiêu chí và lựa chọn nhà đầu tư có nhu cầu và năng lực tài chính với giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu (đồng thời đảm bảo điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ của cổ đông không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu).

Việc xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua phải đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và tuân thủ quy định về đầu tư góp vốn của công ty mẹ, công ty con theo quy định tại Khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp.

Số cổ phiếu lẻ phát sinh và số cổ phiếu do nhà đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua khi phân phối tiếp sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán, căn cứ theo Khoản 2, Điều 42, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.

Trường hợp giá phát hành cao hơn giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền:

Trường hợp giá phát hành của cổ phiếu PTT cao hơn giá tham chiếu trên sàn tại ngày giao dịch không hưởng quyền (bao gồm cả trường hợp giá tham chiếu của cổ phiếu PTT tại ngày giao dịch không hưởng quyền thấp hơn mệnh giá cổ phiếu – giá định là 9.000 đồng/cổ phiếu), theo quy chế giao dịch của UPCOM, giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền sẽ không điều chỉnh sau khi đã điều chỉnh các quyền khác (nếu có).

8. Đăng ký mua cổ phiếu

➤ Thời gian đăng ký mua cổ phiếu

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực, tổ chức phát hành sẽ công bố việc phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định hiện hành của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán; đồng thời, công bố ngày chốt danh sách cổ đông, ngày giao dịch không hưởng quyền và thời gian, địa điểm thực hiện quyền.

Các cổ đông hiện hữu đăng ký thực hiện quyền hoặc chuyển nhượng quyền và nộp tiền mua cổ phiếu vào tài khoản phòng tòa trong vòng tối thiểu 20 ngày theo quy định của pháp luật.

➤ Số lượng cổ phiếu đăng ký mua và số lượng cổ phiếu đăng ký mua tối thiểu

Là số lượng cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu được quyền mua theo tỷ lệ thực hiện quyền đã được Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/NQ-VTDKĐD-ĐHĐCĐ thông qua ngày 21/08/2023.

Không giới hạn số lượng cổ phiếu đăng ký mua tối thiểu.

➤ Phương thức thanh toán

Các cổ đông hiện tại đăng ký thực hiện quyền hoặc chuyển nhượng quyền và nộp tiền mua cổ phần vào tài khoản phòng tòa trong vòng tối thiểu 20 ngày theo quy định của pháp luật.

Đối với cổ đông đã lưu ký chứng khoán: Nộp tiền mua cổ phiếu phát hành thêm tại thành viên lưu ký. Số tiền mua cổ phiếu sẽ được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam tổng hợp và chuyển về Tài khoản phong tỏa của Công ty theo quy định;

Đối với cổ đông chưa lưu ký chứng khoán: Cổ đông đăng ký tại CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương (Địa chỉ: Tầng 6 - Tòa nhà Việt Á - Số 9 phố Duy Tân - Cầu Giấy - Hà Nội) trong thời hạn phân phối tiền mua cổ phiếu được nộp vào Tài khoản phong tỏa.

➤ Chuyển giao cổ phiếu

Sau khi Công ty hoàn thành đợt chào bán và hoàn thành thay đổi đăng ký chứng khoán; cổ phiếu phát hành thêm sẽ được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam phân bổ vào tài khoản chứng khoán của các cổ đông đã lưu ký chứng khoán; các cổ đông chưa lưu ký chứng

khoản sẽ nhận được Giấy chứng nhận sở hữu cổ phiếu phát hành thêm tại CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương (Địa chỉ: Tầng 6 - Tòa nhà Việt Á - Số 9 phố Duy Tân - Cầu Giấy - Hà Nội), hoặc bổ sung thông tin về số cổ phiếu mới vào Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần đã cấp.

➤ **Phương án xử lý cổ phiếu không chào bán hết:**

Giao Hội đồng quản trị toàn quyền quyết định phân phối số cổ phiếu lẻ, cổ phiếu không được các cổ đông đăng ký mua/từ chối quyền ưu tiên mua với giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu. Số cổ phiếu không chào bán hết khi phân phối tiếp sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán. Đồng thời, Hội đồng quản trị khi thực hiện phân phối tiếp sẽ tuân thủ quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 (Nghị quyết HĐQT số 25/NQ-VTDKĐD-HĐQT ngày 26/10/2023 thông qua phương án xử lý cổ phiếu không chào bán hết).

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

STT	Nội dung công việc	Thời gian
1	Giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực	T
2	Công bố thông tin về đợt chào bán trên các phương tiện thông tin đại chúng	T đến T+7
3	Xác định ngày chốt Danh sách sở hữu cuối cùng, lập và cung cấp danh sách sở hữu cuối cùng	T+8 đến T+21
4	Phối hợp cùng VSDC, BVSC phân bổ và thông báo quyền mua đến các cổ đông	T+22 đến T+29
5	Đăng ký thực hiện quyền, chuyển nhượng quyền và nộp tiền mua cổ phần vào Tài khoản phong tỏa (*)	T+30 đến T+51
6	Tổng hợp việc thực hiện quyền mua của cổ đông hiện hữu. Lập báo cáo trình HĐQT để HĐQT quyết định phương thức xử lý số cổ phiếu không chào bán hết (nếu có)	T+52 đến T+62
7	Xử lý cổ phần không bán hết	T+63 đến T+67
8	Báo cáo kết quả chào bán gửi UBCKNN	T+68
9	Nộp hồ sơ đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung	T+70

Ghi chú: T = ngày thường.

(*): Công ty đảm bảo thời hạn đăng ký mua chứng khoán cho nhà đầu tư tối thiểu là 20 ngày.

Lộ trình thực tế có thể thay đổi theo nhu cầu thực tế của PTT, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu và người nhận chuyển nhượng quyền mua từ cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.

Số cổ phiếu lẻ phát sinh do quy định phân phối (nếu có) và số lượng cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua khi phân phối tiếp sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán, căn cứ theo Khoản 2, Điều 42, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.

11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được chuyển vào Tài khoản phong tỏa của Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương như sau:

- Tên ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVCOMBANK)
- Số hiệu tài khoản: 108001791245
- Tên tài khoản: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Tổ Chức Phát Hành không thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về việc tăng vốn điều lệ.

13. Hủy bỏ đợt chào bán

Đợt chào bán bị hủy bỏ trong trường hợp số lượng cổ phiếu được bán cho nhà đầu tư không đạt tối thiểu 70% tổng số cổ phiếu phát hành thêm của đợt chào bán. Cụ thể, số lượng cổ phiếu phát hành tối thiểu đảm bảo 4.900.000 cổ phiếu.

Trong trường hợp đợt chào bán chứng khoán ra công chúng bị hủy bỏ theo quy định tại Điều 28, Luật Chứng khoán số: 54/2019/QH14, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày đợt chào bán chứng khoán ra công chúng bị hủy bỏ, Công ty sẽ thực hiện công bố việc hủy bỏ trên 01 tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp và thu hồi chứng khoán đã phát hành, đồng thời hoàn trả tiền cho nhà đầu tư trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày đợt chào bán bị hủy bỏ. Quá thời hạn thanh toán, Công ty sẽ thanh toán khoản tiền đã nộp của nhà đầu tư và khoản lãi cho số ngày quá hạn với mức lãi suất bằng lãi suất tiền gửi dành cho khách hàng cá nhân, bằng Đồng Việt Nam, kỳ hạn 01 (một) tháng được công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm thanh toán.

Phương thức thu hồi và hoàn trả tiền cho cổ đông, nhà đầu tư: Đối với các cổ đông đã nộp tiền mua cổ phần qua các thành viên lưu ký, Công ty sẽ phối hợp với VSDC và các thành viên lưu ký để hoàn trả tiền đã nộp cho các cổ đông. Đối với các cổ đông chưa lưu ký, nhà đầu tư mua cổ phần

nộp tiền trực tiếp vào Tài khoản phong tỏa, Công ty sẽ hoàn trả tiền trực tiếp cho các cổ đông, nhà đầu tư. Công ty sẽ chịu toàn bộ phí chuyển khoản (nếu có).

14. Biện pháp bảo đảm tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Căn cứ Nghị quyết HĐQT Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương số 18/NQ-VTDKĐD-HĐQT ngày 08/09/2023, HĐQT đã thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài như sau:

- Các cổ đông của Công ty được hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm không thực hiện chuyển nhượng quyền mua cho nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ;
- Trong trường hợp khi thực hiện Phương án phát hành tăng vốn điều lệ có phát sinh cổ phiếu lẻ, cổ phiếu do cổ đông không thực hiện quyền, HĐQT Công ty không phân phối số cổ phiếu này cho nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ.

15. Các loại thuế có liên quan

➤ Thuế Giá trị gia tăng:

Căn cứ Điều 1 Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ về việc quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết 101/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội, hiện tại, Công ty đang áp dụng mức Thuế Giá trị gia tăng là 08% theo quy định của pháp luật.

➤ Thuế Thu nhập Doanh nghiệp:

Căn cứ (1) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013; (2) Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp; (3) Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 hướng dẫn về Thuế Thu nhập Doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014; (4) Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/08/2014; (5) Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính; (6) Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ tài chính; (7) Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/09/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của luật quản lý thuế và nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý thuế, Thuế Thu nhập Doanh nghiệp của Công ty được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng là 20%.

➤ **Các loại thuế khác:**

Đối với nhà đầu tư cá nhân:

Thu nhập từ cổ tức và thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu phải chịu Thuế Thu nhập cá nhân với mức thuế suất như sau:

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

+ Đối với nhà đầu tư trong nước: thì thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là 0,1% trên giá bán chứng khoán từng lần được quy định tại điểm 2 Điều 16 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi bổ sung một số điều của các Luật về Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về Thuế.

+ Đối với nhà đầu tư nước ngoài: thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất Thuế Thu nhập cá nhân 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng được áp dụng theo quy định tại điểm 2 Điều 20 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 01/10/2013 về việc “Thu nhập về đầu tư vốn và thu nhập từ chuyển nhượng vốn”.

- Thu nhập từ cổ tức: Theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC, thu nhập của các cá nhân từ cổ tức được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%. Trường hợp nhà đầu tư nhận được cổ tức bằng tiền mặt, Thuế Thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng thuế suất tương tự như trường hợp chuyển nhượng chứng khoán.

Đối với nhà đầu tư tổ chức:

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán: Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014, thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất Thuế TNDN là 22% (kể từ ngày 01/01/2016 thuế suất Thuế TNDN sẽ là 20%).

Riêng đối với doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014.

- Thu nhập từ cổ tức: được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6, Điều 4 Luật Thuế TNDN 2008.

16. Thông tin về các cam kết

- Công ty cam kết đảm bảo tuân thủ quy định theo Nghị định 155/2020/NĐ-CP về việc thực hiện đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu trong vòng ba mươi (30) ngày sau khi hoàn thành đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.

- Ngay sau khi kết thúc đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng, Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương cam kết:

- + Thực hiện báo cáo kết quả chào bán cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước;
- + Nộp hồ sơ và thực hiện đăng ký lưu ký bổ sung toàn bộ số cổ phiếu thực tế chào bán ra công chúng theo quy định tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam;
- + Nộp hồ sơ và thực hiện đăng ký giao dịch bổ sung toàn bộ số cổ phiếu thực tế chào bán ra công chúng tại hệ thống giao dịch Upcom của HNX.

17. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt:

Không có.

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán

Đợt chào bán được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 số 02/NQ-VTDKĐD-ĐHĐCĐ ngày 21/08/2023 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 17/NQ-VTDKĐD-HĐQT ngày 08/09/2023 thông qua việc triển khai phương án phát hành thêm cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu và các tài liệu khác liên quan. Theo đó, tổng khối lượng vốn huy động dự kiến từ đợt chào bán là 70.000.000.000 đồng và mục đích của đợt chào bán này là để bổ sung vốn mua 01 tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 10.000 DWT – 25.000 DWT.

2. Phương án khả thi

2.1. Giới thiệu

Tổng khối lượng vốn huy động dự kiến từ đợt chào bán là 70.000.000.000 đồng. Công ty dự kiến sử dụng toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán để bổ sung vốn mua 01 tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 10.000 DWT – 25.000 DWT. Thông tin cụ thể như sau:

- Tên Phương án: Phương án mua tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 10.000 DWT – 25.000 DWT.
- Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương.
- Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2023 (Nghị quyết số 01/NQ-VTDKĐD-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023) đã phê duyệt một số nội dung, trong đó có 2 nội dung:
 - *Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023*: thông qua việc đầu tư mua tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 10.000 DWT – 25.000 DWT.
 - *Phương án mua 01 tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 13.000 DWT*: Theo đó, trọng tải của tàu dự kiến mua là khoảng 13.000 DWT và đồng thời, ĐHĐCĐ cũng đã giao cho Hội đồng quản trị phê duyệt điều chỉnh phương án (nếu có), phê duyệt kế hoạch mua tàu, phê duyệt kết quả lựa chọn mua tàu, phê duyệt quyết toán phương án,

lựa chọn hình thức khai thác tàu. Căn cứ nội dung ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT đã ban hành Nghị quyết số 11/NQ-VTDKĐD-HĐQT ngày 21/04/2023 về việc phê duyệt Phương án mua tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 13.000 DWT.

Tuy nhiên, nhằm đảm bảo sự thống nhất giữa phương án mua tàu và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 đã được ĐHĐCĐ thường niên 2023 phê duyệt (như đã nêu ở trên), HĐQT Công ty đã ban hành Nghị quyết số 16/NQ-VTDKĐD-HĐQT ngày 21/08/2023 thông qua việc điều chỉnh phương án mua tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 13.000 DWT. Theo đó, loại tàu dự kiến mua sẽ có trọng tải khoảng 10.000 DWT – 25.000 DWT (thay vì khoảng 13.000 DWT mà ĐHĐCĐ thường niên 2023 đã thông qua). Nghị quyết này đã được HĐQT báo cáo với ĐHĐCĐ tại phiên họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2023 số 02/NQ-VTDKĐD-ĐHĐCĐ ngày 21/08/2023. Đồng thời, trong phương án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán mà ĐHĐCĐ bất thường năm 2023 đã thông qua, toàn bộ số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán dùng để mua 01 tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 10.000 DWT – 25.000 DWT.

- Mục tiêu: Góp phần tăng doanh thu và lợi nhuận, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương
- Tổng mức mua tàu: không vượt quá 10.535.000 USD, đã bao gồm các loại thuế, lệ phí, chi phí khảo sát/giám định/giao nhận tàu, chi phí kiểm toán, quyết toán phương án mua và chi phí dự phòng khác (nếu có).
- Cơ cấu nguồn vốn: Vốn vay chiếm tối đa 65% giá mua tàu, còn lại là vốn chủ sở hữu.
- Hình thức mua: Trực tiếp mua tàu đã qua sử dụng.
- Loại tàu: Tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 10.000 DWT – 25.000 DWT.
- Tuổi tàu: Công ty mua tàu và sẽ treo cờ nước ngoài, không nhập khẩu tàu về Việt Nam. Công ty mua tàu phù hợp với nghị định 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ quy định về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán đóng mới tàu biển.
- Nơi đóng tàu: Nhật Bản/Hàn Quốc.
- Thời điểm mua tàu dự kiến: Quý I – II năm 2024.

2.2. Tổng mức đầu tư

Tổng mức đầu tư (TMĐT) tàu không vượt quá 10.535.000 USD. Tàu dự kiến đầu tư sẽ treo cờ nước ngoài và không làm thủ tục nhập khẩu, trong trường hợp có điều kiện để làm thủ tục nhập khẩu thì TMĐT của phương án cũng chỉ trong mức kế hoạch đã được phê duyệt. Tổng mức đầu tư như sau:

Nội dung	Số tiền	
	USD	VND
Giá mua tàu (đã bao gồm hệ thống xử lý nước ballast, thuế, phí nếu có)	10.200.000	244.800.000.000
Chi phí khảo sát, giám định tàu và giao nhận tàu, kiểm toán quyết toán dự án đầu tư...	285.000	6.840.000.000
Chi phí dự phòng (phát sinh giao nhận tàu, thay đổi địa điểm nhận tàu, giá mua tàu...)	50.000	1.200.000.000
Tổng mức đầu tư (*)	10.535.000	252.840.000.000

Nguồn: PTT

(*) Tổng mức đầu tư của phương án tính theo USD là 10.535.000 USD, tương ứng với 252.840.000.000 (theo tỷ giá giả định là 24.000 VNĐ/USD), làm tròn là 253.000.000.000 đồng.

2.3. Nguồn vốn và cơ cấu đầu tư

Nội dung	Thành tiền	
	USD	VNĐ
Tỷ giá 1 USD = 24.000 VNĐ		
Tổng mức đầu tư	10.535.000	252.840.000.000
Vốn chủ sở hữu	4.250.000	102.000.000.000
Vốn vay ngân hàng	6.285.000	150.840.000.000

Nguồn: PTT

Chú giải:

- Cơ cấu nguồn vốn trên được tính trên cơ sở vốn vay tối thiểu $\approx 60\%$ tổng mức đầu tư. Nguồn vốn còn lại là vốn chủ sở hữu.

- Tỷ giá lựa chọn để tính toán: 24.000 VNĐ/USD, được xác định trên cơ sở tỷ giá bán USD của Ngân hàng Vietcombank cập nhật tại ngày 20/03/2023 (23.750 VNĐ/USD) và biến động tỷ giá là khoảng +1%.

2.3.1 Nguồn vốn chủ sở hữu

Trong năm 2023: Công ty sẽ thực hiện phương án tăng vốn điều lệ thêm dự kiến 70.000.000.000 đồng.

Ngoài dòng tiền từ tăng vốn, Công ty lấy từ nguồn vốn chủ sở hữu lũy kế còn lại đến thời điểm đầu tư và tùy theo khả năng tài chính, thị trường mua bán và khai thác tàu tại thời điểm đầu tư, Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương sẽ lựa chọn size, chủng loại tàu đầu tư cho phù hợp với dòng tiền của Công ty.

2.3.2 Nguồn vốn vay của phương án

Tại thời điểm xây dựng Phương án mua 01 tàu chở dầu/hóa chất, Công ty đã làm việc với một số ngân hàng để đề nghị vay vốn tài trợ cho Phương án mua tàu. Sau một thời gian làm việc, Ngân hàng Vietcombank – Chi nhánh Tây Sài Gòn đã gửi bản chào sơ bộ đồng ý về nguyên tắc tài trợ. Trên cơ sở bản chào này, Công ty tính toán chi phí lãi vay bình quân dự kiến là 10%/năm (đã tính toán trong trường hợp lãi suất biến động tăng) để làm cơ sở tính toán hiệu quả phương án mua tàu và đã được ĐHĐCĐ, HĐQT Công ty phê duyệt Phương án mua tàu 01 tàu chở dầu/hóa chất. Tuy nhiên, đến nay bản chào của Vietcombank đã hết hiệu lực. Công ty đang làm việc với các ngân hàng để lựa chọn được phương án vay vốn với chi phí vay vốn thấp và điều kiện tín dụng tốt nhất khi thực hiện mua tàu chở dầu/hóa chất.

2.4. Kế hoạch khai thác

- Thị trường mục tiêu chính của phương án: Thị trường quốc tế tại các tuyến gần khu vực nhận giao tàu hoặc các tuyến Vùng Vịnh/ Đông Nam Á/Trung Đông/Biển Đò/Châu Âu.
- Phương án khai thác: Linh hoạt theo hướng ưu tiên cho thuê định hạn quốc tế hoặc tham gia POOL để đảm bảo ổn định hoạt động kinh doanh của phương án.

2.5. Hiệu quả kinh tế

- Một số chỉ tiêu về hiệu quả kinh tế:

Các chỉ tiêu	ĐVT	Các chỉ số tài chính của Phương án
Tổng mức đầu tư	USD	10.535.000
Giá mua tàu (đã bao gồm hệ thống xử lý nước ballast, các loại thuế, phí nếu có)	USD	10.200.000
Suất sinh lời nội tại của phương án (IRR)	%	9,93%
Hiện giá dòng ngân lưu thuần của phương án (NPV)	USD	52.856
Thời hạn hoàn vốn của phương án		12 năm
Suất sinh lời của chủ đầu tư (ROE)	%	10,53%
Hiện giá dòng ngân lưu thuần chủ đầu tư (NPV)	USD	180.674

Nguồn: PTT

- Doanh thu dự kiến 5 năm đến từ việc khai thác tàu mua mới:

Doanh thu dự kiến giai đoạn 2024 – 2028

Doanh thu (dự kiến)	Năm 2024 (9 tháng)	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028
USD	512.530	4.070.134	3.253.495	3.041.894	2.843.258
VND (*)	82.544.925.000	95.648.149.000	76.457.138.375	71.484.503.125	66.816.551.250

Nguồn: PTT

Ghi chú:

- Số liệu doanh thu dự kiến năm 2024 được tính trên cơ sở thời gian tàu được đưa vào khai thác từ Quý 2 năm 2024.

- (*) Giá trị quy đổi ra VND được tạm tính từ tỷ giá quy đổi là 23.500 VND/USD.

2.6. Thời gian thực hiện

Thời gian dự kiến triển khai đầu tư trong Quý I – II/2024.

3. Thông tin về tình hình triển khai phương án mua tàu**3.1. Phê duyệt và triển khai phương án mua tàu**

- Nghị quyết số 01/NQ-VTDKĐD-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2023 đã phê duyệt Phương án mua 01 tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 13.000 DWT, đồng thời giao cho Hội đồng quản trị phê duyệt điều chỉnh phương án (nếu có), phê duyệt kế hoạch mua tàu, phê duyệt kết quả lựa chọn mua tàu, phê duyệt quyết toán phương án, lựa chọn hình thức khai thác tàu.

- Ngày 21/04/2023, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết HĐQT số 11/NQ-VTDKĐD-HĐQT về việc Phê duyệt Phương án mua tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 13.000 DWT.

- Ngày 21/08/2023, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 16/NQ-VTDKĐD-HĐQT thông qua việc điều chỉnh phương án mua tàu chở dầu/hóa chất trọng tải 13.000 DWT. Theo đó, loại tàu dự kiến mua sẽ có trọng tải khoảng 10.000 DWT – 25.000 DWT (thay vì 13.000 DWT mà ĐHCĐ thường niên 2023 đã thông qua). Hội đồng quản trị Công ty cũng đã báo cáo nội dung nêu trên với ĐCĐCĐ tại phiên họp bất thường ngày 21/08/2023. Đồng thời, ĐHCĐ bất thường năm 2023 cũng đã thông qua phương án sử dụng vốn là dùng toàn bộ số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán để bổ sung vốn mua 01 tàu chở dầu/hóa chất trọng tải 10.000 DWT – 25.000 DWT.

- Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương đang làm việc với các ngân hàng để lựa chọn Ngân hàng tài trợ với chi phí phù hợp.

3.2. Tình hình thu xếp vốn

Công việc	Thời gian dự kiến hoàn thành
Vốn tự có từ nguồn vốn chủ sở hữu	Đã sẵn sàng
Vốn huy động từ ngân hàng	Dự kiến trong Quý IV/2023 – Quý I/2024
Nguồn vốn từ phát hành cổ phiếu ra công chúng	Dự kiến trong Quý IV/2023 – Quý I/2024

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Dự kiến số tiền thu được từ đợt chào bán

Khoản mục	Số lượng cổ phiếu phát hành (CP)	Giá chào bán (đồng/cổ phần)	Số tiền dự kiến thu được (đồng)
Chào bán cho cổ đông hiện hữu	7.000.000	10.000	70.000.000.000

2. Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/NQ-VTDKĐD-ĐHĐCĐ ngày 21/8/2023 và Nghị quyết HĐQT số 26/NQ-VTDKĐD-HĐQT ngày 26/10/2023 về việc thông qua phương án sử dụng vốn chi tiết thu được từ đợt chào bán, phương án sử dụng vốn của Công ty dự kiến như sau:

Mục đích sử dụng vốn	Số tiền giải ngân dự kiến (đồng)	Thời điểm giải ngân dự kiến
Bổ sung vốn mua 01 tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 10.000 DWT – 25.000 DWT.	70.000.000.000	Trong Quý I II/2024

Các thông số kỹ thuật của tàu dự kiến cơ bản như sau:

STT	Nội dung	Thông số
1	Trọng tải tàu (Ship size)	Khoảng 10.000 DWT – 25.000 DWT
2	Nơi đóng (Where built)	Nhật Bản/Hàn Quốc
3	Đăng kiểm (Class)	IACS
4	Loại tàu (Type of vessel)	Dầu/Hóa chất (Oil/Chemical tanker)
5	Số két hàng (Number of cargo tanks (include slop))	Tối thiểu 12 két (Min 12 tanks)
6	IMO Class	IMO 2, IMO 3

Ghi chú:

- Việc đánh giá lựa chọn sẽ dựa trên các tiêu chí và yêu cầu của từng hạng mục nêu trên;
- Không đánh giá lựa chọn mua những tàu/chủ tàu nằm trong danh sách cấm vận (sanction list) và/hoặc không được các IG Club chấp nhận làm thành viên (member) và/hoặc có lịch sử tham gia vận chuyển hàng cho các thực thể, tổ chức nằm trong danh sách cấm vận, trừng phạt của CP Việt Nam, Anh, Mỹ, EU và/hoặc LHQ;
- Không đánh giá những tàu có lịch sử khai thác xấu, gặp tai nạn, sự cố nghiêm trọng như đâm va, mắc cạn, cháy nổ, hư hỏng nặng cấu trúc kết cấu, thân vỏ hay két hàng hoặc các tàu có sự

có nghiêm trọng/lập lại liên quan đến hệ thống máy chính, hộp số, máy đèn, hệ trục, hệ thống làm hàng.

Chi tiết nhu cầu và nguồn tài trợ vốn của PTT:

Nhu cầu sử dụng vốn	Số tiền	Thời điểm giải ngân dự kiến	Nguồn vốn tài trợ	Số tiền dự kiến (VNĐ)
Mua 01 tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 10.000 DWT - 25.000 DWT.	10.535.000 USD, tương đương khoảng 253 tỷ đồng ^(*)	Quý I-II/2024	1. Nguồn vốn thu được từ chào bán thêm cổ phiếu	70.000.000.000
			2. Nguồn vốn khác (Vốn vay ngân hàng, vốn chủ sở hữu...)	183.000.000.000
TỔNG CỘNG				253.000.000.000

Nguồn: PTT

^(*) Tỷ giá lựa chọn để tính toán: 24.000 VNĐ/USD, được xác định trên cơ sở tỷ giá bán USD của Ngân hàng Vietcombank cập nhật tại ngày 20/03/2023 (23.750 VNĐ/USD) và biến động tỷ giá là khoảng +1%. Số tiền bằng VNĐ (đồng) có thể thay đổi tùy theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm giải ngân, tuy nhiên vẫn đảm bảo tổng mức đầu tư mua tàu tính theo đồng USD không vượt quá 10.535.000 USD.

Đối tác dự kiến ký hợp đồng mua tàu: khi thực hiện lựa chọn mua tàu, Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương sẽ áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh theo đúng quy định của Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 và Nghị định 86/2020/NĐ-CP ngày 23/07/2020 về đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển; từ đó Công ty sẽ chọn ra đơn vị cung cấp đáp ứng các điều kiện của Công ty trên cơ sở tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Do đó, đối tác bán tàu dự kiến sẽ có sau khi Công ty hoàn thành đợt chào bán và tiến hành các thủ tục chào hàng cạnh tranh để mua tàu.

Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu là: 70% tổng số cổ phiếu của đợt chào bán. Căn cứ tình hình cụ thể của Công ty và số tiền thực tế thu được từ đợt phát hành, ĐHĐCĐ giao HĐQT triển khai việc sử dụng vốn theo phương án đã được ĐHĐCĐ thông qua trên cơ sở đảm bảo lợi ích của Công ty và các cổ đông, đồng thời tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan. Trường hợp kết thúc đợt chào bán, Công ty không chào bán hết số cổ phiếu như đăng ký, số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ theo dự kiến, Hội đồng quản trị Công ty sẽ sử dụng các công cụ tài chính hợp pháp khác, bao gồm và không giới hạn ở các công cụ vốn chủ hoặc vốn nợ để thu xếp đủ nguồn vốn thực hiện mua 01 tàu chở dầu/hóa chất như đã được ĐHĐCĐ thông qua.

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức kiểm toán:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Trụ sở: Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 7105 0000 Fax: (84-24) 6288 5678

2. Tổ chức tư vấn:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

Địa chỉ: Tầng 1, 4 và 7 Tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: (84-24) 3928 8080 Fax: (84-24) 3928 9888

Ý kiến của Tổ chức Tư vấn về đợt chào bán:

Căn cứ theo phương án phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Công ty dự kiến sẽ chào bán cho cổ đông hiện hữu 70.000.000 cổ phiếu theo tỷ lệ 10:07 với mức giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu. Theo Nghị quyết ĐHCĐ bất thường năm 2023, giá trị sổ sách tại ngày 31/12/2022 của Công ty là 12.126 đồng/cổ phiếu và giá giao dịch bình quân của cổ phiếu PTT trong 30 phiên gần nhất (tại thời điểm xây dựng phương án phát hành để trình ĐHCĐ) từ ngày 13/06/2023 đến 24/07/2023 là: 11.030 đồng/cổ phiếu. Đến thời điểm hiện tại, giá giao dịch bình quân 30 phiên của cổ phiếu PTT (từ ngày 22/09/2023 đến ngày 02/11/2023) là 8.787 đồng/cổ phần và giá trị sổ sách tại ngày 30/09/2023 là 12.967,8 đồng/cổ phần. Mặc dù hiện tại giá giao dịch bình quân 30 phiên của cổ phiếu PTT thấp hơn mệnh giá, nhưng với kết quả kinh doanh khá tích cực của năm 2022 và kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm 2023 của PTT (doanh thu đạt 76,4% và lợi nhuận sau thuế đạt 92,6% kế hoạch cả năm 2023) cùng với tình hình hoạt động kinh doanh khá tốt của Công ty ở quý IV năm 2023, chúng tôi cho rằng PTT có khả năng thành công trong đợt chào bán này.

Chúng tôi xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có.

XII. PHỤ LỤC

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (Đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 30/09/2021);
2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:
 - 2.1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương số 01/NQ-VTDKĐD-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023;
 - 2.2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương số 02/NQ-VTDKĐD-ĐHĐCĐ ngày 21/08/2023 thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng vốn, việc đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán.
3. Nghị quyết của Hội đồng quản trị:
 - 3.1. Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương số 11/NQ-VTDKĐD-HĐQT ngày 21/04/2023 về việc Phê duyệt Phương án mua tài chớ dầu/hóa chất trọng tải khoảng 13.000 DWT;
 - 3.2. Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương số 16/NQ-VTDKĐD-HĐQT ngày 21/08/2023 về việc điều chỉnh Phương án mua tàu chớ dầu/hóa chất trọng tải khoảng 13.000 DWT;
 - 3.3. Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương số 17/NQ-VTDKĐD-HĐQT ngày 08/09/2023 thông qua việc triển khai phương án phát hành thêm cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ Công ty từ 100 tỷ đồng lên 170 tỷ đồng;
 - 3.4. Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương số 18/NQ-VTDKĐD-HĐQT ngày 08/09/2023 thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài;
 - 3.5. Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương số 19/NQ-VTDKĐD-HĐQT ngày 08/09/2023 về việc thông qua cam kết lưu ký, giao dịch bổ sung cổ phiếu phát hành thêm;
 - 3.6. Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương số 20/NQ-VTDKĐD-HĐQT ngày 08/09/2023 về việc thông qua phương án bù đắp phần thiếu hụt dự kiến huy động từ đợt chào bán để thực hiện phương án mua 01 tàu chớ dầu/hoá chất trọng tải khoảng 10.000 DWT – 25.000 DWT;
 - 3.7. Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương số 25/NQ-VTDKĐD-HĐQT ngày 26/10/2023 về việc phương án xử lý cổ phiếu không chào bán hết;

- 3.8. Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương số 26/NQ-VTDKĐD-HĐQT ngày 26/10/2023 về việc phương án sử dụng vốn chi tiết thu được từ đợt chào bán;
- 3.9. Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương số 27/NQ-VTDKĐD-HĐQT ngày 06/11/2023 về việc thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng.
4. Điều lệ của Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương;
5. Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương:
 - 5.1. Báo cáo tài chính năm 2021 và 2022 đã được kiểm toán;
 - 5.2. Báo cáo tài chính quyết toán Quý III/2023 của Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương.

Hà Nội, ngày 13 tháng 12 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



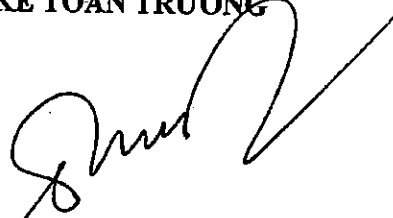
Lê Mạnh Tuấn

GIÁM ĐỐC



Lê Thanh Sơn

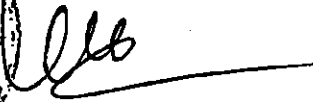
KÊ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Đình Chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nhữ Đình Hòa



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

BẢN SAO

Mã số doanh nghiệp: 0102327357

Đăng ký lần đầu: ngày 25 tháng 07 năm 2007

Đăng ký thay đổi lần thứ: 16, ngày 30 tháng 09 năm 2021

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: INDOCHINA PETROLEUM TRANSPORTATION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: PVTRANS - PTT.,JSC.

2. Địa chỉ trụ sở chính

Tầng 6, toà nhà Việt Á, số 9 phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.35563031/32

Fax: 024.35563033

Email: pvtrans-ptt@spt.vn

Website: http://pvtrans-ptt.com

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 10.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: LÊ THANH SƠN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 12/05/1971

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 030071001918

Ngày cấp: 25/10/2016

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về

23-11- dân cư

Địa chỉ thường trú: Số nhà 108/16 đường Lê Văn Thọ, Phường 9, Quận Gò Vấp,

Thành phố Hồ Chí Minh

Duyệt số: SCT/BS

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 108/16 đường Lê Văn Thọ, Phường 9, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam



TRƯỞNG PHÒNG



CÔNG CHỨNG

Trần Hà Thanh
Lê Như Luân

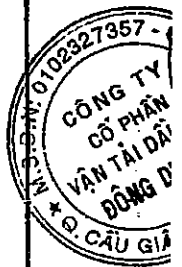
BẢN SAO
COPY

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG



SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 18 tháng 12 năm 2023



CHỦ TỊCH H.Đ.Đ.

Lê Mạnh Tuấn

Hà Nội, ngày 22 tháng 9 năm 2021

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU..... 4

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ..... 4

 Điều 1. Giải thích thuật ngữ..... 4

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY..... 5

 Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, thời hạn hoạt động..... 5

 Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty..... 5

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY..... 5

 Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty..... 5

 Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty..... 7

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN..... 7

 Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần..... 7

 Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu..... 8

 Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác..... 8

 Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần..... 8

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT..... 9

 Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát..... 9

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG..... 9

 Điều 11. Quyền của cổ đông..... 9

 Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông..... 11

 Điều 13. Đại hội đồng cổ đông..... 12

 Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông..... 13

 Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông..... 15

 Điều 16. Thay đổi các quyền..... 16

 Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông..... 16

 Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông..... 18

 Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông..... 18

 Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua..... 21

 Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông..... 22

 Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông..... 24

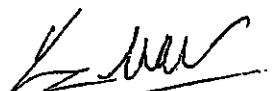
 Điều 23. Yêu cầu huỷ bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông..... 25

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ..... 26

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

Điều 24. Ứng cử và đề cử thành viên Hội đồng Quản trị:.....	26
Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị.....	27
Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị.....	29
Điều 27. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị.....	31
Điều 28. Chủ tịch Hội đồng Quản trị.....	32
Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị.....	33
Điều 30. Người phụ trách quản trị Công ty.....	35
VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	35
Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý.....	35
Điều 32. Người điều hành Công ty.....	36
Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc.....	36
IX. BAN KIỂM SOÁT.....	37
Điều 34. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên).....	37
Điều 35. Thành phần Ban Kiểm soát.....	37
Điều 36. Trưởng Ban Kiểm soát.....	39
Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát.....	39
Điều 38. Cuộc họp của Ban Kiểm soát.....	40
Điều 39. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát.....	40
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,.....	40
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC .	40
Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	41
Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	42
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	42
Điều 42. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	42
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	43
Điều 43. Công nhân viên và Công đoàn.....	43
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	43
Điều 44. Phân phối lợi nhuận.....	43
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH.....	44
VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	44
Điều 45. Tài khoản ngân hàng.....	44
Điều 46. Năm tài chính.....	44
Điều 47. Chế độ Kế toán.....	44
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN.....	45
VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	45







Điều 48. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	45
Điều 49. Báo cáo thường niên	45
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	45
Điều 50. Kiểm toán	45
XVII. CON DẤU	45
Điều 51. Dấu của doanh nghiệp	45
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY	46
Điều 52. Giải thể Công ty	46
Điều 53. Gia hạn hoạt động	46
Điều 54. Thanh lý	46
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	47
Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ	47
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	47
Điều 56. Điều lệ Công ty	47
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	48
Điều 57. Ngày hiệu lực	48

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết số: 01/NQ-VTDKĐD-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. *Vốn điều lệ* là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b. *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - d. *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - e. *Việt Nam* là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
 - f. *Ngày thành lập* là ngày 25/7/2007 với mã số doanh nghiệp là 0102327357 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp;
 - g. *Người điều hành doanh nghiệp* là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán Trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;
 - h. *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty;
 - i. *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - j. *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
 - k. *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại Khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - l. *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
 - m. *Sở giao dịch chứng khoán*: là Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (Mục; Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, thời hạn hoạt động

1. Tên Công ty:
 - Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG
 - Tên giao dịch quốc tế: Indochina Petroleum Transportation Joint Stock Company
 - Tên viết tắt: PVTRANS-PTT
2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty:
 - Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Việt Á, số 9 phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
 - Điện thoại: (84-24) 35563031/32
 - Fax: (84-24) 35563033
 - E-mail: petrotrans@fpt.vn
 - Website: <http://pvtrans-ptt.com>
4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng Quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại Khoản 2 Điều 52 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại điều 53 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật là Giám đốc.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

 Trang 5/49



Kinh doanh vận tải bằng ô tô các loại hình sau: vận chuyển hành khách theo hợp đồng; vận tải hành khách theo tuyến cố định. Lữ hành nội địa và quốc tế. Sửa xe, bảo dưỡng xe, lắp đặt phụ tùng, phương tiện vận tải; Vận tải hàng hoá xăng, dầu, gas. Vận chuyển hành khách bằng xe buýt. Vận tải hành khách bằng xe taxi. Kinh doanh ngành gas: chế tạo, sửa chữa bình gas; chuyển đổi phương tiện vận tải sang sử dụng nhiên liệu khí hoá lỏng. Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; Dịch vụ quảng cáo bất động sản. Dịch vụ quản lý bất động sản. Dịch vụ tư vấn bất động sản (không bao gồm tư vấn về giá nhà giá đất). Kinh doanh bất động sản: đầu tư tạo lập, mua, nhận chuyển nhượng, thuê, thuê mua bất động sản để bán, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, cho thuê mua bất động sản. Mua bán phân bón hoá học, phân vi sinh. Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hoá. Dịch vụ Quảng cáo thương mại. Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng khác: Bán buôn phụ tùng, thiết bị máy móc dân dụng và công nghiệp; Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp. Bán buôn hóa chất công nghiệp như: Các loại hạt nhựa Polypropylene (PP), Polyethylene (PE); Bán buôn văn phòng phẩm, đồ lưu niệm; Bán lẻ sách, báo, tạp chí; Mua bán phân bón hóa học, phân vi sinh; Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong công nghiệp; Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong công nghiệp); Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; Bán buôn cao su; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại.; Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan: Mua bán khí CNG; Mua bán than; Bán buôn xăng, dầu, khí hóa lỏng; Mua bán khí LPG, LNG và các loại khí hóa lỏng khác. Cho thuê xe có động cơ: Thuê và cho thuê phương tiện, thiết bị vận chuyển khí CNG. Thuê và cho thuê phương tiện, thiết bị vận chuyển than; Cho thuê xe tự lái. Kinh doanh dịch vụ vận chuyển khí CNG, LPG, LNG và các loại khí hóa lỏng khác. Kinh doanh dịch vụ vận chuyển than bằng đường bộ; Kinh doanh dịch vụ vận chuyển than bằng đường thủy; Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa. Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước, Cung ứng lao động tạm thời: Cho thuê lại lao động. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Bốc xếp hàng hóa. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ: Dịch vụ bến đỗ xe, trạm dừng xe; Hoạt động điều hành bến xe, hoạt động quản lý, điều hành đường cao tốc, cầu, hầm đường bộ, hoạt động quản lý bãi đỗ, trông giữ phương tiện đường bộ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải đường bộ. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; Logistics; Môi giới thuê tàu biển, phương tiện vận tải bộ; Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; Kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển). Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển: Cho thuê tàu, thuyền và kết cấu nổi không kèm người điều khiển. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Bán buôn kim loại và quặng kim loại: Bán buôn quặng kim loại; Bán

buôn sắt, thép; Bán buôn kim loại khác. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

Trở thành công ty vận tải biển và dịch vụ hàng hải có thương hiệu, đồng thời giữ vững thương hiệu vận tải đường bộ đảm bảo thu lợi nhuận tối đa, tăng giá trị doanh nghiệp. Không ngừng nâng cao lợi ích của các cổ đông. Tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập và tinh thần của người lao động. Phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh. Đóng góp cho Ngân sách Nhà nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan kinh doanh và đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề mà luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 VND

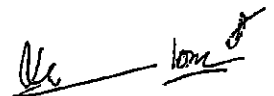
(Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 10.000.000 cổ phần (Mười triệu cổ phần) với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm 10.000.000 cổ phần phổ thông (Mười triệu cổ phần), các quyền và nghĩa vụ kèm theo được quy định tại Điều 11, Điều 12 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng Quản trị của Công ty quyết định theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với

 Trang 7/49





những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 2 (hai) tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng Quản trị.
3. Ban Kiểm soát.
4. Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự, phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
 - i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

- j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
- k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- l. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
 - a. Yêu cầu Hội đồng Quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.
 - e. Các quyền khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước ba (03) ngày làm việc khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Việc đề cử người vào Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát thực hiện theo Điều 24 và Điều 34 của Điều lệ này.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;
3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị;
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị Công ty làm đại diện cho mình tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng hình thức khác theo quy định của pháp luật và quy định cụ thể của Công ty khi tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

 Trang 11/49

 tom

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng Quản trị có quyền quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp và Điều 11 của Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d. Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
 - a. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên độc lập Hội đồng Quản trị độc lập hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 3 Điều này;
 - b. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo,

 Trang 12/49

Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

- c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

- d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông |

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Công ty;
 - e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

 Trang 13/49





- m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
- 2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;
 - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
 - h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
 - i. Quyết định ngân sách hoặc tổng số tiền thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
 - j. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết
 - k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
 - m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - o. Quyết định đầu tư, hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Công ty;
 - p. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - q. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - s. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

- t. Các vấn đề khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này;
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
 - a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc cổ phần của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của Pháp luật.

Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền;

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

 Trang 15/49

4. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông Công ty không xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu ủy quyền cho từng người đại diện thì số cổ phần và số phiếu bầu ủy quyền sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả các cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, 19 và Điều 20 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 13 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức cuộc họp;
 - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g. Các công việc khác phục vụ đại hội;
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
 - c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 11 và khoản 4 Điều này;

- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Điều lệ này;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

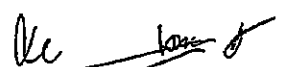
1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp trên 50,0% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện từ 33,0% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất

Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một (01) phiếu biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên đại diện theo ủy quyền, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu/đại diện của cổ đông đó, các vấn đề cần được biểu quyết. Phiếu biểu quyết phải bao gồm các nội dung cần được thông qua tại Đại hội theo chương trình nghị sự đã được thông qua. Khi được phát phiếu biểu quyết, cổ đông/đại diện được ủy quyền phải kiểm tra thông tin trên phiếu nhận được, nếu có sai sót phải thông báo ngay







tại thời điểm nhận phiếu. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết các vấn đề trong nội dung chương trình. Phiếu biểu quyết được coi là hợp lệ khi có đầy đủ, chính xác các thông tin theo yêu cầu trên phiếu biểu quyết. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền sẽ thực hiện biểu quyết bằng cách đánh dấu vào mục tán thành hoặc không tán thành hoặc không có ý kiến theo hướng dẫn của ban kiểm phiếu. Ban Kiểm phiếu sau đó đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành hoặc không có ý kiến để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

- b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã biểu quyết trước đó không thay đổi.
2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a. Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng Quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
 - b. Trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
 - c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;
 3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
 4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

Nguyễn Trang 19/49

[Signature]

[Signature]



[Signature]

[Signature]

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác
5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;
 6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi;
 7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
 - a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh họp pháp, hợp lý khác;
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông
 8. Chủ tọa đại hội có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
 9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
 10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

 Trang 20/49



 lon 

11. Hằng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65,0% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả các cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6 và Khoản 7 Điều 20 Điều lệ này:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty khác với cơ cấu tổ chức quy định tại Điều 10 Điều lệ này nhưng không bao gồm các thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều 26 Điều lệ này và theo quy định tại các quy chế nội bộ của Công ty;
 - d. Dự án đầu tư, bán tài sản có giá trị từ 35,0% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Công ty;
 - e. Tổ chức lại, giải thể Công ty;
3. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50,0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, Khoản 6 và Khoản 7 Điều này.
4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức biểu quyết theo tỷ lệ sở hữu hoặc theo phương thức bầu dồn phiếu. Trước khi họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bầu thành viên Hội đồng quản trị và/hoặc Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị sẽ quyết định phương thức biểu quyết phù hợp với các quy định tại Điều lệ này. Trường hợp bầu theo phương thức bầu dồn phiếu, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị hoặc Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử

 Trang 21/49

viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử của Đại hội.


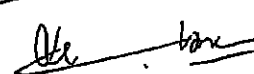

5. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50,0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.
6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75,0% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75,0% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
7. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty đối với các nội dung sau:
 - a. Thông qua định hướng phát triển Công ty;
 - b. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát.
 - c. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - d. Thông qua Báo cáo tài chính hàng năm;
 - e. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - f. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị; Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát;
 - g. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Khoản 2, Điều 14 Điều lệ này.
2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại

 Trang 22/49

phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:




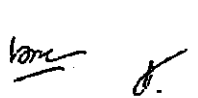
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích lấy ý kiến;
- c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết định;
- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề cần lấy ý kiến;
- f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi Phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- c. Các phiếu lấy ý kiến Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

  23/49   

- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty, trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50,0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu biểu quyết tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ biểu quyết tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
 3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
 4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
 5. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại Nghị quyết đó.
 6. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Toà án, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 23 Điều lệ này thì nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi có quyết định huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Toà án có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.
 7. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ kể từ khi kết thúc Đại hội.

Điều 23. Yêu cầu huỷ bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được Nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng Cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 Điều 20 Điều lệ này.
2. Nội dung Nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

 Trang 25/49









Trường hợp Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng sáu mươi (60) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Ứng cử và đề cử thành viên Hội đồng Quản trị:

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên Hội đồng Quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng Quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng Quản trị được công bố bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên liên quan của Công ty;
 - f. Các thông tin khác (nếu có);
 - g. Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 2 Điều 24 này, Hội đồng

Trang 26/49

Quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng Quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng Quản trị của Công ty niêm yết đảm bảo quy định sau: có tối thiểu một (01) thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ ba (03) đến năm (05) thành viên; có tối thiểu hai (02) thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ sáu (06) đến tám (08) thành viên; có tối thiểu ba (03) thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ chín (09) đến mười một (11) thành viên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại khoản 5, 6 và 7 Điều này.

5. Thành viên Hội đồng Quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Thành viên đó không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng Quản trị;

- b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty

- c. Thành viên Hội đồng Quản trị mất năng lực hành vi dân sự;

 *Trang 27/49*

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty có thể tạm miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị trong các trường hợp nêu trên. Việc tạm miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị này phải được chấp thuận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc miễn nhiệm thành viên đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng Quản trị tạm miễn nhiệm.


Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty có thể bầu người khác có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp tạm thời làm thành viên Hội đồng Quản trị để thay thế thành viên bị miễn nhiệm. Việc bầu bổ sung tạm thời thành viên mới này phải được chấp thuận tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, việc tạm bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng Quản trị tạm bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị mới được tính từ ngày việc tạm bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị đó. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng Quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị tạm bổ nhiệm vẫn được coi là có hiệu lực.

6. Thành viên Hội đồng Quản trị bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Thành viên đó không tham dự các hoạt động của Hội đồng Quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - d. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
7. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều này;
8. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị phải được công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
9. Thành viên Hội đồng Quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
10. Trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3 (một phần ba) để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn, trung hạn, kế hoạch đầu tư và kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm của Công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại. Kiến nghị việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f. Quyết định phương án đầu tư, dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 14 của Điều lệ này và điểm d Khoản 2 Điều 138, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm ký kết hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Giám đốc và những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên, Hội đồng Quản trị, Ban điều hành, Ban Kiểm soát tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó theo các quy chế nội bộ của Công ty;
 - j. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;

 Trang 29/49

- k. Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;
 - l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - m. Trình Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
 - o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
 - q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - r. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với Người điều hành Công ty cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Người điều hành đó;
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
4. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị tạm phê duyệt bổ sung ngành nghề kinh doanh phù hợp với chiến lược phát triển dài hạn của Công ty và theo quy định của pháp luật. Việc tạm phê duyệt bổ sung ngành nghề kinh doanh phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
5. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng Quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập Chi nhánh hoặc Văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển hằng năm của Công ty;
 - c. Thành lập Công ty con của Công ty; mục tiêu chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn của công ty con của Công ty.
 - d. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 138 và Khoản 1 Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng Quản trị quyết định việc ký kết, thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;

- e. Việc vay nợ, thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty theo phân cấp tại các quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- f. Các khoản đầu tư, thanh lý tài sản dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Công ty và theo phân cấp tại các quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các doanh nghiệp khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
- h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết công nghệ và các tài sản phi tiền tệ khác;
- i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;
- j. Quyết định mức giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.
- k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng Quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
6. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 27. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Công ty có quyền trả tiền lương, thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng tiền lương, thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí và căn cứ quy định nội bộ của Công ty. Tổng mức tiền lương, thù lao và thưởng của Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng Cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

 Trang 31/49

5. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng Quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty không được kiêm Giám đốc;
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng Quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường
3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong các trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b. Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng Quản trị;
4. Đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng Quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Khoản 11 Điều này;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.
11. Biểu quyết:
 - a. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người có liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.
12. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
13. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị/người được ủy quyền có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.
Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến

hành trong các cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Biên bản phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự họp và người ghi biên bản cuộc họp hoặc biên bản có thể lập thành nhiều bản và mỗi biên bản phải có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp và người ghi biên bản. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

Điều 30. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng Quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng Quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng Quản trị trong

công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.

Điều 32. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty.
2. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị, Công ty được tuyển dụng Người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng Quản trị quy định. Người điều hành Công ty phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và tiền thưởng của Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định căn cứ quy định nội bộ của Công ty.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng Quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.
2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ của Công ty.
4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty;
 - d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

- f. Tuyển dụng lao động;
- g. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- h. Quyết định các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng Quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- i. Kiến nghị số lượng Người điều hành Công ty mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ của Công ty và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với Người điều hành Công ty để Hội đồng Quản trị quyết định;
- j. Quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của các chức danh thuộc thẩm quyền của Giám đốc theo quy định tại các quy chế nội bộ của Công ty;
- k. Trình Hội đồng Quản trị phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư cho năm tài chính tiếp;
- l. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, quy chế nội bộ của công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty;
5. Hội đồng Quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.
6. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị, Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 34. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 24 Điều lệ này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 35. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty có từ ba (03) đến năm (05) người. Số lượng cụ thể thành viên Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm

kỳ không hạn chế. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

2. Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó;
3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Khoản 2 Điều này;
 - b. Có đơn từ chức bằng văn bản gửi tới Công ty và được chấp thuận;
 - c. Thành viên Ban Kiểm soát mất năng lực hành vi dân sự;

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Ban Kiểm soát Công ty có thể tạm miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong các trường hợp nêu trên. Việc tạm miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát này phải được chấp thuận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc miễn nhiệm Kiểm soát viên đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban kiểm soát tạm miễn nhiệm.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Ban Kiểm soát Công ty có thể bầu người khác có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp tạm thời làm thành viên Ban Kiểm soát để thay thế thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm. Việc bầu bổ sung tạm thời thành viên Ban Kiểm soát mới này phải được chấp thuận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc tạm bổ nhiệm thành viên Ban Kiểm soát mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban Kiểm soát tạm bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát mới được tính từ ngày việc tạm bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát đó. Trong trường hợp thành viên Ban Kiểm soát mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Ban Kiểm soát cho đến trước thời điểm diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Ban Kiểm soát tạm bổ nhiệm vẫn được coi là có hiệu lực.

4. Thành viên Ban Kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sau (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- d. Trường hợp khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 36. Trưởng Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong các hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc, Người quản lý khác.
4. Đảm bảo sự phối hợp hoạt động với Hội đồng Quản trị, Giám đốc và cổ đông;
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của Công ty, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Ban kiểm soát sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty;
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 38. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban Kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 39. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và Người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50,0% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b. Đối với giao dịch có giá trị từ 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục và sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

 Trang 42/49

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 43. Công nhân viên và Công đoàn

1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 44. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hằng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng Quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng Quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các loại cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến

hành thông qua các công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 45. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 46. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 47. Chế độ Kế toán

1. Chế độ Kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 48. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 49. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 50. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng Quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. CON DẤU

Điều 51. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng Quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

 Trang 45/49   

3. Hội đồng Quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý dẫu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 52. Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng Quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 53. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 54. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng Quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, trong đó hai (02) thành viên do Đại hội đồng Cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng Quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban Thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;

- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của Người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Công ty;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) cho đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định phát luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty;
 - b. Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban Chấp hành Công đoàn Công ty chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Điều lệ Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì được áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

 Trang 47/49  

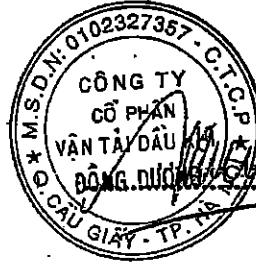
XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 mục, 57 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương nhất trí thông qua ngày 22 tháng 9 năm 21 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 5 bản, có giá trị như nhau và phải lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

HỌ, TÊN, CHỮ KÝ CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

01. Lê Mạnh Tuấn



02. Đỗ Đức Hùng

03. Lê Thanh Sơn

04. Trần Hải Đăng

05. Nguyễn Mạnh Hùng

06. Lưu Mạnh Thắng



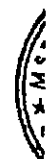
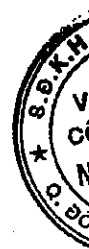
Deloitte.

BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

Tầng 6, tòa nhà Việt Á, số 9 Phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1-2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4-5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7-8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9-23

11/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

Tầng 6, tòa nhà Việt Á, số 9 Phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Mạnh Tuấn	Chủ tịch
Ông Trần Hải Đăng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 21 tháng 7 năm 2021)
Ông Lê Thanh Sơn	Thành viên (bổ nhiệm 13 tháng 01 năm 2021)
Ông Lưu Mạnh Thắng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 22 tháng 9 năm 2021)
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
Ông Đỗ Đức Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Huy Khánh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 22 tháng 9 năm 2021)
Ông Nguyễn Quang Huy	Thành viên (miễn nhiệm ngày 13 tháng 01 năm 2021)
Ông Hoàng Trung Hưng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 21 tháng 7 năm 2021)

Ban Giám đốc

Ông Lê Thanh Sơn	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 13 tháng 01 năm 2021)
Ông Nguyễn Quang Huy	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 13 tháng 01 năm 2021)
Ông Vũ Hoài Nam	Phó Giám đốc
Ông Bùi Hữu Cơ	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

Tầng 6, tòa nhà Việt Á, số 9 Phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Lê Thanh Sơn
Giám đốc

Ngày 11 tháng 3 năm 2022

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
23 -11- 2023
Số chứng thực: Quyền số:SCT/BS
53208 01



CÔNG CHỨNG VIÊN
Lê Như Xuân

0112
ÔNG
TINH
LỢI
T
ĐA-

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông,
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 11 tháng 3 năm 2022, từ trang 04 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Nam Phong
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0929-2019-001-1
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 11 tháng 3 năm 2022
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Bùi Thị Mai Hương
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3829-2021-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		100.230.409.004	81.891.856.476
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	78.196.648.941	53.795.624.511
1. Tiền	111		10.960.413.654	10.494.681.386
2. Các khoản tương đương tiền	112		67.236.235.287	43.300.943.125
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	3.500.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	3.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20.675.105.803	23.005.056.727
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	20.187.153.418	21.752.832.294
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		101.536.721	175.259.620
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	1.846.012.250	1.598.248.299
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(2.131.414.768)	(1.193.101.668)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		671.818.182	671.818.182
IV. Hàng tồn kho	140	8	26.275.791	91.268.978
1. Hàng tồn kho	141		26.275.791	91.268.978
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.332.378.469	1.499.906.260
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	896.960.421	1.064.488.212
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		435.418.048	435.418.048
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		36.577.833.990	55.188.944.253
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.666.102.000	3.561.406.375
1. Phải thu dài hạn khác	216	6	2.666.102.000	3.561.406.375
II. Tài sản cố định	220		33.128.204.007	51.411.302.891
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	33.128.204.007	51.411.302.891
- Nguyên giá	222		116.585.866.173	123.746.985.027
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(83.457.662.166)	(72.335.682.136)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		51.000.000	51.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(51.000.000)	(51.000.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		202.325.000	202.325.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		202.325.000	202.325.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		581.202.983	13.909.987
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	581.202.983	13.909.987
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		136.808.242.994	137.080.800.729

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		19.874.038.284	23.950.149.873
I. Nợ ngắn hạn	310		18.897.238.284	22.191.376.138
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	11.338.152.621	13.305.770.481
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	262.225.716	723.158.093
3. Phải trả người lao động	314		2.891.080.351	2.025.583.789
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.091.078.275	570.488.044
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		621.727.273	520.227.273
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	13	1.647.115.078	2.302.772.610
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	2.739.486.878
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		45.858.970	3.888.970
II. Nợ dài hạn	330		976.800.000	1.758.773.735
1. Phải trả dài hạn khác	337	13	976.800.000	866.400.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	892.373.735
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		116.934.204.710	113.130.650.856
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	116.934.204.710	113.130.650.856
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		13.074.377.249	3.674.377.249
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.859.827.461	9.456.273.607
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		14.303.607	8.616.877.695
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		3.845.523.854	839.395.912
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		136.808.247.994	137.080.800.729


 Nguyễn Thị Huyền
 Người lập biểu


 Nguyễn Đình Chính
 Kế toán trưởng


 Lê Thanh Sơn
 Giám đốc


Ngày 11 tháng 3 năm 2022

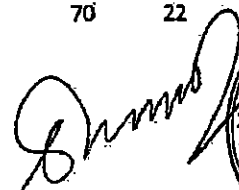
Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	176.531.761.262	190.944.506.318
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		176.531.761.262	190.944.506.318
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	17	167.554.571.222	182.745.818.850
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		8.977.190.040	8.198.687.468
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.292.696.612	2.079.788.562
6. Chi phí tài chính	22		114.397.610	1.585.435.386
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		114.397.610	1.585.435.386
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	19	7.676.121.682	8.086.186.308
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		3.479.367.360	606.854.336
9. Thu nhập khác	31	20	1.118.247.421	420.798.986
10. Chi phí khác	32		25.690.996	24.262.727
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.092.556.425	396.536.259
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		4.571.923.785	1.003.390.595
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	726.399.931	163.994.683
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		3.845.523.854	839.395.912
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	385	80


 Nguyễn Thị Huyền
 Người lập biểu


 Nguyễn Đình Chính
 Kế toán trưởng



 Lê Thanh Sơn
 Giám đốc

Ngày 11 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		Năm nay	Năm trước
I: LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	4.571.923.785	1.003.390.595
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	16.356.320.812	20.832.805.105
Các khoản dự phòng	03	938.313.100	(649.754.902)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(3.401.853.085)	(2.468.587.548)
Chi phí lãi vay	06	114.397.610	1.585.435.386
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	18.579.102.222	20.303.288.636
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	2.278.127.304	4.934.716.854
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	64.993.187	731.589.646
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(591.902.530)	(2.185.199.222)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(399.765.205)	334.609.920
Tiền lãi vay đã trả	14	(114.397.610)	(1.585.435.386)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(620.718.377)	(1.006.579.592)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	4.223.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(2.871.974.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	19.195.438.991	22.878.016.856

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	3.035.934.545	23.938.352.744
2. Tiền chi gửi tiền có kỳ hạn	23	(21.769.000.000)	-
3. Tiền thụ hồi tiền gửi có kỳ hạn	24	25.269.000.000	10.000.000.000
4. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.301.511.507	2.079.906.069
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>8.837.446.052</i>	<i>36.018.258.813</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.631.860.613)	(34.205.938.908)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(3.631.860.613)</i>	<i>(34.205.938.908)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</i>	<i>50</i>	<i>24.401.024.430</i>	<i>24.690.336.761</i>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	53.795.624.511	29.105.287.750
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	78.196.648.941	53.795.624.511

Nguyễn Thị Huyền
 Người lập biểu

Nguyễn Đình Chính
 Kế toán trưởng



Lê Thanh Sơn
 Giám đốc

Ngày 11 tháng 3 năm 2022

112
 Đ
 NH
 OI
 TN
 A-1

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đồng Dương (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102327357 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 7 năm 2007 và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 196 người (31 tháng 12 năm 2020: 208 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh vận tải bằng ô tô; buôn bán xăng, dầu khí hóa lỏng; kinh doanh hạt nhựa; kinh doanh các ngành gas, bao gồm chế tạo sửa chữa bình gas, chuyển đổi phương tiện vận tải sang sử dụng nhiên liệu khí hóa lỏng; sửa xe, bảo dưỡng xe, lắp đặt phụ tùng phương tiện vận tải; kinh doanh bất động sản; dịch vụ quảng cáo thương mại; bán phụ tùng, thiết bị máy móc dân dụng và công nghiệp; đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa, xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Sự kiện phát sinh trong năm ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty

Do ảnh hưởng của những diễn biến dịch bệnh COVID-19; các thách thức đã đặt ra đối với tất cả các ngành kinh tế. Những thay đổi này có thể ảnh hưởng đến hoạt động, quyền lợi và nghĩa vụ kinh tế của Công ty. Hiện tại, Ban Giám đốc Công ty đang theo dõi và đánh giá kỹ lưỡng tác động có thể xảy ra của vấn đề này đối với hoạt động của Công ty trong năm 2022.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cũng như chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

	<u>Năm nay</u> Số năm
Máy móc và thiết bị	4 - 5
Thiết bị văn phòng	3 - 7
Phương tiện vận tải	6 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Các khoản chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê ngoài, chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác. Tiền thuê ngoài và chi phí bảo hiểm được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê ngoài và thời gian trả trước.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị chi phí sửa chữa văn phòng và công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng hữu ích theo ước tính của Ban Giám đốc Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	88.076.652	204.322.037
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.872.337.002	10.290.359.349
Các khoản tương đương tiền	67.236.235.287	43.300.943.125
	<u>78.196.648.941</u>	<u>53.795.624.511</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng với lãi suất từ 2,6%/năm đến 3,9%/năm (năm 2020: 3,4% đến 3,8%/năm).

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	2.378.073.985	2.604.784.086
Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Sản xuất Kiệt Anh	871.647.245	871.647.245
ROSNEFT VIETNAM B.V	672.578.214	476.520.000
Công ty Cổ phần Daikin Air Conditioning (Việt Nam)	26.759.850	133.080.000
Đối tượng khác	807.088.676	1.123.536.841
b. Phải thu khách hàng là các bên liên quan (xem Thuyết minh số 24)	17.809.079.433	19.148.048.208
	<u>20.187.153.418</u>	<u>21.752.832.294</u>

6. PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a. Ngắn hạn	1.846.012.250	1.598.248.299
Tạm ứng	851.560.110	722.734.910
Ký quỹ, ký cược	182.325.539	200.524.417
Khác	812.126.601	674.988.972
b. Dài hạn	2.666.102.000	3.561.406.375
Ký cược, ký quỹ	2.666.102.000	3.561.406.375
	<u>4.512.114.250</u>	<u>5.159.654.674</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ 8 09-DN

7. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng đã trích	Giá gốc	Dự phòng đã trích
	VND	VND	VND	VND
Cổng nợ quá hạn	2.131.414.768	2.131.414.768	1.222.554.858	1.193.101.668
- Phải thu khách hàng	1.260.708.678	1.260.708.678	351.848.768	337.170.716
- Phải thu ngắn hạn khác	114.378.288	114.378.288	114.378.288	99.603.150
- Tài sản thiếu chờ xử lý	671.818.182	671.818.182	671.818.182	671.818.182
- Trả trước cho nhà cung cấp	84.509.620	84.509.620	84.509.620	84.509.620

Các khoản nợ xấu được trình bày ở trên có thời gian quá hạn trên 3 năm. Công ty xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu bằng giá gốc trừ đi dự phòng đã trích tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	26.275.791	-	91.268.978	-
	26.275.791	-	91.268.978	-

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn	896.960.421	1.064.488.212
- Chi phí thuê ngoài	581.749.814	694.269.128
- Chi phí bảo hiểm	254.948.325	338.698.067
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	60.262.282	31.521.017
b. Dài hạn	581.202.983	13.909.987
- Chi phí sửa chữa văn phòng	471.896.319	-
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	109.306.664	13.909.987
	1.478.163.404	1.078.398.199

001
 CÔNG TY
 ĐÔNG DƯƠNG
 10/11

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	36.666.667	123.639.076.996	71.241.364	123.746.985.027
Thanh lý trong năm	-	(7.161.118.854)	-	(7.161.118.854)
Số dư cuối năm	36.666.667	116.477.958.142	71.241.364	116.585.866.173
GIÁ TRỊ HAO MÒN LỖY KẾ				
Số dư đầu năm	36.666.667	72.227.774.105	71.241.364	72.335.682.136
Trích khấu hao trong năm	-	16.356.320.812	-	16.356.320.812
Thanh lý trong năm	-	(5.234.340.782)	-	(5.234.340.782)
Số dư cuối năm	36.666.667	83.349.754.135	71.241.364	83.457.662.166
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	-	51.411.302.891	-	51.411.302.891
Tại ngày cuối năm	-	33.128.204.007	-	33.128.204.007

Nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 4.916.832.499 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 3.087.200.172 VND).

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Huy Hoàng Hà	1.348.783.840	1.348.783.840	1.949.969.183	1.949.969.183
Công Ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Vận Tải Vietrans	1.550.753.140	1.550.753.140	1.566.318.050	1.566.318.050
Các đối tượng khác	8.225.915.871	8.225.915.871	9.646.140.948	9.646.140.948
b. Phải trả người bán là các bên liên quan (xem Thuyết minh số 24)	212.699.770	212.699.770	143.342.300	143.342.300
	11.338.152.621	11.338.152.621	13.305.770.481	13.305.770.481

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	617.333.180	7.041.170.392	7.638.113.612	20.389.960
Thuế thu nhập doanh nghiệp	34.699.576	726.399.931	620.718.377	140.381.130
Các loại thuế khác	71.125.337	250.854.520	220.525.231	101.454.626
Cộng	723.158.093	8.018.424.843	8.479.357.220	262.225.716

13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC, DÀI HẠN KHÁC

Phải trả ngắn hạn khác chủ yếu bao gồm khoản tiền nhận đặt cọc của lái xe, khách thuê xe, cô tức phải trả cổ đông, kinh phí công đoàn.

Phải trả dài hạn khác phản ánh khoản tiền nhận đặt cọc của lái xe và khách hàng thuê xe.

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	100.000.000.000	1.465.819.249	11.193.528.749	112.659.347.998
Lợi nhuận trong năm	-	-	839.395.912	839.395.912
Phân phối quỹ	-	2.208.558.000	(2.576.651.054)	(368.093.054)
Số dư đầu năm nay	100.000.000.000	3.674.377.249	9.456.273.607	113.130.650.856
Lợi nhuận trong năm	-	-	3.845.523.854	3.845.523.854
Phân phối quỹ	-	9.400.000.000	(9.441.970.000)	(41.970.000)
Số dư cuối năm nay	100.000.000.000	13.074.377.249	3.859.827.461	116.934.204.710

Theo Nghị quyết số 01/NQ-VTDKĐD-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 về việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2020, Công ty đã thực phân phối 9.400.000.000 VND cho Quỹ đầu tư phát triển và 41.970.000 VND cho Quỹ khen thưởng, phúc lợi.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh, vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 VND. Công ty chỉ phát hành cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng:		
+) <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+) <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.		

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp					
	Số cuối năm			Số đầu năm		
	VND	Cổ phiếu	Tỷ lệ	VND	Cổ phiếu	Tỷ lệ
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	48.670.000.000	4.867.000	48,67%	48.670.000.000	4.867.000	48,67%
Ông Nguyễn Hồng Hiệp	20.254.000.000	2.025.400	20,25%	20.254.000.000	2.025.400	20,25%
Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí Toàn cầu	10.000.000.000	1.000.000	10,00%	10.000.000.000	1.000.000	10,00%
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	10.000.000.000	1.000.000	10,00%	10.000.000.000	1.000.000	10,00%
Các cổ đông khác	11.076.000.000	1.107.600	11,08%	11.076.000.000	1.107.600	11,08%
	100.000.000.000	10.000.000	100%	100.000.000.000	10.000.000	100%

15. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh vận tải bằng ô tô và kinh doanh hàng hóa. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày liên quan đến hoạt động kinh doanh vận tải và hoạt động kinh doanh hàng hóa nêu trên.

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, không có báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý cần phải soạn lập.

16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	176.531.761.262	190.944.506.318
Doanh thu bán hàng	34.911.912.000	38.437.370.780
Doanh thu cung cấp dịch vụ	141.619.849.262	152.507.135.538
<i>Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (xem tại Thuyết minh số 24)</i>	64.988.090.823	69.240.703.734
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	176.531.761.262	190.944.506.318

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	34.909.240.000	38.436.112.245
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	132.645.331.222	144.309.706.605
	167.554.571.222	182.745.818.850

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

18. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14.907.278.326	15.758.955.598
Chi phí nhân công	38.298.731.564	38.454.568.555
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.356.320.812	20.832.805.105
Chi phí dịch vụ mua ngoài	66.529.553.904	73.052.658.881
Chi phí khác bằng tiền	4.229.568.298	4.296.904.774
	140.321.452.904	152.395.892.913

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

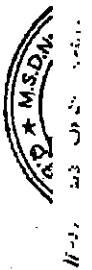
	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	4.307.364.818	5.050.171.385
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.594.200.671	1.608.584.200
Chi phí khác	1.774.556.193	1.427.430.723
	7.676.121.682	8.086.186.308

20. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.109.156.473	388.798.986
Thu nhập khác	9.090.948	32.000.000
	1.118.247.421	420.798.986

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	4.571.923.785	1.003.390.595
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:	616.647.244	168.000.000
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	616.647.244	168.000.000
Thu nhập chịu thuế	5.188.571.029	1.171.390.595
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.037.714.205	234.278.118
Giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết số 116/2020/QH14	311.314.262	70.283.435
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	726.399.931	163.994.683



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	3.845.523.854	839.395.912
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	41.970.000
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	3.845.523.854	797.425.912
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	385	80

(*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính và trình bày lại trên cơ sở lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trừ đi Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích cho năm 2020 (theo Nghị quyết số 01/NQ-VTDKĐD-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021). Số lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được xác định lại là 80 VND/cổ phiếu (số trình bày trên báo cáo tài chính năm trước là 84 VND/cổ phiếu).

23. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	55.274.735.818	56.883.003.986

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	4.333.898.908	46.380.353.973
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	2.506.989.818	7.042.106.059
	6.840.888.726	53.422.460.032

Các khoản thuê hoạt động thể hiện các khoản thuê văn phòng, thuê bãi đỗ xe, thuê xe, thuê mặt bằng của Công ty.

Cam kết đầu tư

Theo Nghị quyết số 124/VTDKĐD-TCHC ngày 22 tháng 9 năm 2021, Đại hội đồng cổ đông phê duyệt dự án đầu tư 01 tàu chở dầu/hóa chất đóng tại Nhật Bản, Hàn Quốc, trọng tải khoảng 13.000 DWT với tổng mức đầu tư 166.574.500.000 VND (vốn vay chiếm không quá 65% giá mua tàu, còn lại là từ vốn chủ sở hữu). Tại thời điểm báo cáo tài chính này, dự án đầu tư này đang trong quá trình tìm kiếm đối tác để ký kết hợp đồng mua tàu.

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Tổng Công ty
2	Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	Cùng Tập đoàn
3	Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	Cùng Tập đoàn
4	Công ty Cổ phần Lọc Hoá Dầu Bình Sơn	Cùng Tập đoàn
5	Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau	Cùng Tập đoàn
6	Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc	Cùng Tập đoàn
7	Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	Cùng Tập đoàn
8	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Khí hóa lỏng Hà Nội	Cùng Tập đoàn
9	Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	Cùng Tập đoàn
10	Công ty Cổ phần CNG Việt Nam - Chi nhánh Miền Bắc	Cùng Tập đoàn
11	Tổng Công ty Phân bón và Hoá chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Cùng Tập đoàn
12	Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí - PVEP	Cùng Tập đoàn
13	Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	Cùng Tập đoàn
14	Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	Cùng Tập đoàn
15	Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	Cùng Tập đoàn
16	Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	Cùng Tập đoàn
17	Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	Cùng Tập đoàn
18	Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam	Cùng Tập đoàn
19	Công ty Bảo hiểm PVI Hà Nội	Cùng Tập đoàn
20	Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam	Cùng Tập đoàn
21	Công ty Cổ phần Vận Tải Dầu Phương Đông Việt	Cùng Tập đoàn
22	Tổng Công ty Dầu Việt Nam	Cùng Tập đoàn
23	Công ty Cổ phần Hàng Hải Thăng Long	Cùng Tập đoàn
24	Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Cùng Tập đoàn
25	Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	Cùng Tập đoàn
26	Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	Cùng Tập đoàn

126
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	64.988.090.823	69.240.703.734
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	24.114.792.801	28.222.863.335
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	10.218.629.978	11.536.490.392
Công ty Cổ phần CNG-Việt Nam - Chi nhánh Miền Bắc	7.300.700.968	6.676.771.394
Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam	4.069.734.500	5.464.094.250
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	3.910.903.000	3.795.965.591
Công ty cổ phần Hãng Hải Thăng Long	2.557.254.250	-
Tổng công ty Phân bón và Hoá chất Dầu khí - Công ty Cổ Phần	2.257.961.913	4.869.258.700
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	2.163.000.000	2.231.818.180
Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	2.075.218.530	2.362.765.547
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	1.822.639.758	1.848.054.677
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm Khí Quốc tế	909.879.650	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	898.825.161	-
Tổng Công ty Thẩm dò Khai thác Dầu khí - PVEP	895.080.000	135.841.846
Công Ty Cổ Phần Vận Tải Dầu Phương Đông Việt	533.125.839	-
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng Dầu Phương Nam	451.058.750	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	283.883.180	-
Công ty Cổ phần Lọc hoá Dầu Bình Sơn	251.982.000	1.207.814.326
Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau	219.824.000	676.650.496
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	35.454.545	211.565.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	18.142.000	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc	-	750.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	20.570.512.921	40.155.448.090
Công Ty Cổ Phần Vận Tải Dầu Phương Đông Việt	18.534.855.000	38.436.112.245
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	1.846.305.730	1.330.719.939
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	-	368.382.788
Công ty Bảo hiểm PVI Hà Nội	189.352.191	233.118

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐỒNG DƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

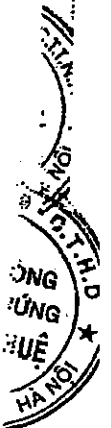
MẪU SỐ B 09-DN

Thù lao Hội đồng Quản trị, Thu nhập Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng quản trị		
Ông Lê Mạnh Tuấn	36.000.000	-
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	24.000.000	24.000.000
Ông Đỗ Đức Hùng	24.000.000	12.000.000
Ông Hoàng Trung Hưng	18.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Huy Khánh	18.000.000	12.000.000
Ông Trần Hải Đăng	6.000.000	-
Ông Lưu Mạnh Thắng	6.000.000	-
Ông Phạm Anh Tuấn	-	36.000.000
Bà Vũ Thị Phương Nga	-	12.000.000
	<u>132.000.000</u>	<u>120.000.000</u>

	Năm nay VND	Năm trước VND
Ban Giám đốc		
Ông Lê Thanh Sơn	615.322.000	-
Ông Bùi Hữu Cơ	555.955.000	434.683.636
Ông Vũ Hoài Nam	521.139.686	410.592.616
Ông Nguyễn Quang Huy	-	531.680.000
Ông Phạm Hồng Chấn	-	393.294.544
	<u>1.692.416.686</u>	<u>1.770.250.796</u>

	Năm nay VND	Năm trước VND
Ban Kiểm soát		
Ông Nguyễn Bá Nghị	13.500.000	6.000.000
Ông Nguyễn Thế Dân	13.500.000	9.000.000
Bà Lê Thị Hải Yến	12.000.000	12.000.000
Ông Phạm Văn Hưng	3.000.000	-
Bà Phan Thị Thu Hà	-	9.000.000
Ông Phan Xuân Sơn	-	6.000.000
	<u>42.000.000</u>	<u>42.000.000</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

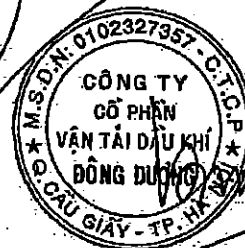
Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu	17.809.079.433	19.148.048.208
Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần	2.960.386.141	3.868.302.008
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	1.221.032.266	724.416.957
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam - Chi nhánh Miền Bắc	1.104.149.506	588.121.210
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	540.198.054	620.327.180
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	396.000.000	198.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	394.900.000	37.708.000
Công ty TNHH- Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	264.602.198	264.602.198
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	90.112.950	102.850.000
Công ty Cổ phần Lọc Hoá Dầu Bình Sơn	61.785.545	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	43.722.150	-
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng Dầu Phương Nam	34.498.000	40.408.500
Công Ty Cổ Phần Vận Tải Dầu Phương Đông Việt	31.900.000	81.653.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	-	26.736.600
Các đối tượng khác	10.665.792.623	12.594.922.555
Phải trả	212.699.770	143.342.300
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	212.699.770	137.080.100
Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam	-	6.262.200



Nguyễn Thị Huyền
 Người lập biểu

(Signature)
 Nguyễn Đình Chính
 Kế toán trưởng



Lê Thanh Sơn
 Giám đốc

Ngày 11 tháng 3 năm 2022

Deloitte.

BẢN SAO



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG
Tầng 6, tòa nhà Việt Á, số 9 Phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu,
quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1-2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4-5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7-8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9-26

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG
Tầng 6, tòa nhà Việt Á, số 9 Phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu,
quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Mạnh Tuấn	Chủ tịch
Ông Trần Hải Đăng	Thành viên
Ông Lê Thanh Sơn	Thành viên
Ông Lưu Mạnh Thắng	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
Ông Đỗ Đức Hùng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Thanh Sơn	Giám đốc
Ông Vũ Hoài Nam	Phó Giám đốc
Ông Bùi Hữu Cơ	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

Tầng 6, tòa nhà Việt Á, số 9 Phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu,
quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Lê Thanh Sơn
Giám đốc

Ngày 25 tháng 02 năm 2023

Deloitte

Số: 04/2023/VN1A-HN-BC

MAKING AN
IMPACT THAT
MATTERS

since 1845

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Công ty TNHH Kiểm toán
Deloitte Việt Nam
Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex,
34 Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại : +84 24 7105 0000
Fax : +84 24 6288 5678
www.deloitte.com/vn

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 02 năm 2023, từ trang 04 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi. 23-11-2023

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phan Ngọc Anh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1101-2023-001-1
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 25 tháng 02 năm 2023
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



Bà Thị Mai Hương
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3829-2021-001-1
CÔNG CHỨNG VIÊN
Lê Như Loan

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited ("DTTL" hay "Deloitte Toàn cầu"), và mạng lưới các hãng thành viên trên toàn cầu (gọi chung là Tổ chức Deloitte). DTTL và mỗi thành viên trực thuộc là một pháp nhân riêng biệt và độc lập về mặt pháp lý, không bị ràng buộc lẫn nhau đối với các bên thứ ba. DTTL và mỗi thành viên trực thuộc chỉ chịu trách nhiệm cho hành vi và thiếu sót của mình, chứ không phải chịu trách nhiệm lẫn nhau. DTTL không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		79.744.596.862	100.230.409.004
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	18.023.642.387	78.196.648.941
1. Tiền	111		18.023.642.387	10.960.413.654
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	67.236.235.287
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	40.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		40.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		18.135.980.917	20.675.105.803
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	16.242.383.753	20.187.153.418
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		222.735.982	101.536.721
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	3.130.457.768	1.846.012.250
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(2.131.414.768)	(2.131.414.768)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		671.818.182	671.818.182
IV. Hàng tồn kho	140	9	1.557.255.497	26.275.791
1. Hàng tồn kho	141		1.557.255.497	26.275.791
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.027.718.061	1.332.378.469
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	794.180.811	896.960.421
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.233.537.250	435.418.048
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		165.716.175.766	36.577.833.990
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		7.997.332.723	2.666.102.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	7.997.332.723	2.666.102.000
II. Tài sản cố định	220		155.994.692.048	33.128.204.007
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	155.994.692.048	33.128.204.007
- Nguyên giá	222		264.110.813.161	116.585.866.173
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(108.116.121.113)	(83.457.662.166)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		51.000.000	51.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(51.000.000)	(51.000.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		202.325.000	202.325.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		202.325.000	202.325.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1.521.825.995	581.202.983
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	1.521.825.995	581.202.983
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		245.460.772.628	136.808.242.994

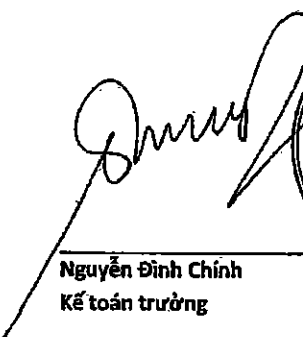
Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		124.195.669.309	19.874.038.284
I. Nợ ngắn hạn	310		47.228.189.309	18.897.238.284
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	9.600.279.907	11.338.152.621
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.304.529.261	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	765.594.713	262.225.716
4. Phải trả người lao động	314		4.302.247.107	2.891.080.351
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.711.494.767	2.091.078.275
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	621.727.273
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	1.697.944.584	1.647.115.078
8. Vay ngắn hạn	320	15	13.883.944.000	-
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	17	10.921.296.000	-
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		40.858.970	45.858.970
II. Nợ dài hạn	330		76.967.480.000	976.800.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	14	605.800.000	976.800.000
2. Vay dài hạn	338	16	76.361.680.000	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		121.265.103.319	116.934.204.710
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	121.265.103.319	116.934.204.710
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		16.474.377.249	13.074.377.249
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.790.726.070	3.859.827.461
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		59.827.461	14.303.607
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		4.730.898.609	3.845.523.854
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		245.460.772.628	136.808.242.994


Nguyễn Thị Huyền
Người lập biểu


Nguyễn Đình Chính
Kế toán trưởng


Lê Thanh Sơn
Giám đốc




Ngày 25 tháng 02 năm 2023

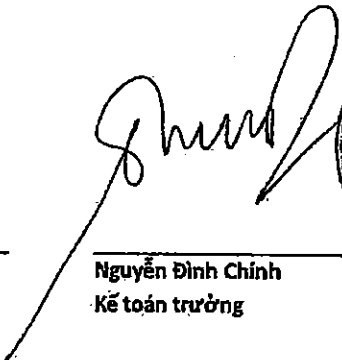
Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	240.611.245.723	176.531.761.262
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		240.611.245.723	176.531.761.262
3. Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	11	22	223.558.150.290	167.554.571.222
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		17.053.095.433	8.977.190.040
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.411.297.511	2.292.696.612
6. Chi phí tài chính	22	23	4.242.508.731	114.397.610
- Trong đó: Chi phí lãi vay		23	3.650.635.488	114.397.610
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	8.692.184.117	7.676.121.682
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		6.529.700.096	3.479.367.360
9. Thu nhập khác	31		10	1.118.247.421
10. Chi phí khác	32		390.659.103	25.690.996
11. (Lỗ)/lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(390.659.093)	1.092.556.425
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		6.139.041.003	4.571.923.785
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	1.408.142.394	726.399.931
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		4.730.898.609	3.845.523.854
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		473	345


 Nguyễn Thị Huyền
 Người lập biểu


 Nguyễn Đình Chính
 Kế toán trưởng


 Lê Thanh Sơn
 Giám đốc

Ngày 25 tháng 02 năm 2023

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	6.139.041.003	4.571.923.785
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	24.732.730.614	16.356.320.812
Các khoản dự phòng	03	10.921.296.000	938.313.100
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	11.075.497	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.049.040.843)	(3.401.853.085)
Chi phí lãi vay	06	3.650.635.488	114.397.610
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	43.405.737.759	18.579.102.222
Thay đổi các khoản phải thu	09	2.253.713.249	2.278.127.304
Thay đổi hàng tồn kho	10	(1.530.979.706)	64.993.187
Thay đổi các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	2.822.090.657	(591.902.530)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(837.843.402)	(399.765.205)
Tiền lãi vay đã trả	14	(3.650.635.488)	(114.397.610)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.081.597.523)	(620.718.377)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(405.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	40.975.485.546	19.195.438.991
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(147.599.218.655)	-
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	3.035.934.545
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(48.820.000.000)	(21.769.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	3.820.000.000	25.269.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.422.801.777	2.301.511.507
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(191.176.416.878)	8.837.446.052


50c
: TY
H
OÀI
TI
iAB
IP

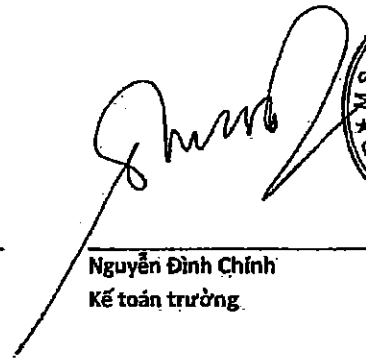
Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

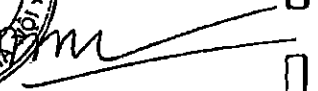
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	93.716.610.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.470.986.000)	(3.631.860.613)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>90.245.624.000</i>	<i>(3.631.860.613)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(59.955.307.332)	24.401.024.430
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	78.196.648.941	53.795.624.511
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(217.699.222)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	18.023.642.387	78.196.648.941


Nguyễn Thị Huyền
Người lập biểu


Nguyễn Đình Chính
Kế toán trưởng


Lê Thanh Sơn
Giám đốc

Ngày 25 tháng 02 năm 2023

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0102327357 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 7 năm 2007 và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 176 người (31 tháng 12 năm 2021: 196 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh vận tải bằng ô tô; vận chuyển hàng hóa ven biển và viễn dương; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; logistics; môi giới thuê tàu biển, phương tiện vận tải bộ; hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển); buôn bán xăng, dầu khí hóa lỏng; kinh doanh hạt nhựa, kinh doanh các ngành gas, bao gồm chế tạo sửa chữa bình gas, chuyển đổi phương tiện vận tải sang sử dụng nhiên liệu khí hóa lỏng; sửa xe, bảo dưỡng xe, lắp đặt phụ tùng phương tiện vận tải; kinh doanh bất động sản; dịch vụ quảng cáo thương mại, bán phụ tùng, thiết bị máy móc dân dụng và công nghiệp; đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa, xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh, vận chuyển hàng hóa ven biển và viễn dương.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	04 - 05
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 07

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Các khoản chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê ngoài, chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa văn phòng, phí cam kết vốn và các khoản chi phí trả trước khác. Tiền thuê ngoài và chi phí bảo hiểm được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê ngoài và thời gian trả trước.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị chi phí sửa chữa, phí cam kết vốn và công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng hữu ích theo ước tính của Ban Giám đốc Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	114.595.251	88.076.652
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.909.047.136	10.872.337.002
Các khoản tương đương tiền	-	67.236.235.287
	18.023.642.387	78.196.648.941

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	40.000.000.000	40.000.000.000	-	-
	40.000.000.000	40.000.000.000	-	-

(*) Các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng với lãi suất từ 6% tới 9%/năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Sản xuất Kiệt Anh	871.647.245	871.647.245
ROSNEFT-VIETNAM B.V	443.251.866	672.578.214
Công ty Cổ phần Dalkin Air Conditioning (Việt Nam)	-	26.759.850
Đối tượng khác	913.979.658	807.088.676
b. Phải thu khách hàng là các bên liên quan (xem Thuyết minh số 28)	14.013.504.984	17.809.079.433
	16.242.383.753	20.187.153.418

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Tạm ứng	768.423.807	851.560.110
Ký quỹ, ký cược	1.110.000.000	182.325.539
Phải thu lãi tiền gửi	944.511.651	318.272.585
Khác	307.522.310	493.854.016
	3.130.457.768	1.846.012.250
b. Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược (*)	7.997.332.723	2.666.102.000
	7.997.332.723	2.666.102.000

(*) Như trình bày tại Thuyết minh số:16, Công ty đã ký quỹ, ký cược tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam theo thỏa thuận hạn mức tín dụng số 908/2022/TB-MSB với tổng số tiền bảo đảm là 5.000.000.000 VND để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

8. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Phải thu khách hàng	1.260.708.678	(1.260.708.678)	1.260.708.678	(1.260.708.678)
- Phải thu ngắn hạn khác	114.378.288	(114.378.288)	114.378.288	(114.378.288)
- Tài sản thiếu chờ xử lý	671.818.182	(671.818.182)	671.818.182	(671.818.182)
- Trả trước cho nhà cung cấp	84.509.620	(84.509.620)	84.509.620	(84.509.620)
	2.131.414.768	(2.131.414.768)	2.131.414.768	(2.131.414.768)

Các khoản nợ xấu được trình bày ở trên có thời gian quá hạn trên 3 năm. Công ty xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu bằng giá gốc trừ đi dự phòng đã trích tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.557.255.497	-	26.275.791	-
	1.557.255.497	-	26.275.791	-

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
- Chi phí bảo hiểm	563.471.926	254.948.325
- Chi phí thuê ngoài	164.697.787	581.749.814
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	66.011.098	60.262.282
	<u>794.180.811</u>	<u>896.960.421</u>
b. Dài hạn		
- Phí cam kết rút vốn	1.030.882.704	-
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	417.601.935	109.306.664
- Chi phí sửa chữa văn phòng	73.341.356	471.896.319
	<u>1.521.825.995</u>	<u>581.202.983</u>

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	36.666.667	116.477.958.142	71.241.364	116.585.866.173
Tăng trong năm	-	147.599.218.655	-	147.599.218.655
Thanh lý	(36.666.667)	-	(37.605.000)	(74.271.667)
Số dư cuối năm	<u>-</u>	<u>264.077.176.797</u>	<u>33.636.364</u>	<u>264.110.813.161</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	36.666.667	83.349.754.135	71.241.364	83.457.662.166
Trích khấu hao trong năm	-	24.732.730.614	-	24.732.730.614
Thanh lý	(36.666.667)	-	(37.605.000)	(74.271.667)
Số dư cuối năm	<u>-</u>	<u>108.082.484.749</u>	<u>33.636.364</u>	<u>108.116.121.113</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	<u>-</u>	<u>33.128.204.007</u>	<u>-</u>	<u>33.128.204.007</u>
Tại ngày cuối năm	<u>-</u>	<u>155.994.692.048</u>	<u>-</u>	<u>155.994.692.048</u>

Nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 13.212.904.146 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 4.916.832.499 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh số 16, Công ty đã thế chấp phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 144.828.911.115 VND để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	9.385.213.056	9.385.213.056	11.125.452.851	11.125.452.851
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Huy Hoàng Hà	569.910.717	569.910.717	1.348.783.840	1.348.783.840
Công Ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Vận tải Vietransis	1.098.585.051	1.098.585.051	1.550.753.140	1.550.753.140
Công Ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn Petro	1.428.477.560	1.428.477.560	714.726.494	714.726.494
Các đối tượng khác	6.288.239.728	6.288.239.728	7.511.189.377	7.511.189.377
b. Phải trả người bán là các bên liên quan (xem Thuyết minh số 28)	215.066.851	215.066.851	212.699.770	212.699.770
	9.600.279.907	9.600.279.907	11.338.152.621	11.338.152.621

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/bù trừ trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	20.389.960	4.379.976.215	4.202.435.077	197.931.098
Thuế thu nhập doanh nghiệp	140.381.130	1.408.142.394	1.081.597.523	466.926.001
Các loại thuế khác	101.454.626	302.389.524	303.106.536	100.737.614
	262.225.716	6.090.508.133	5.587.139.136	765.594.713

14. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	641.480.000	758.020.000
Phải trả, phải nộp khác	1.056.464.584	889.095.078
	1.697.944.584	1.647.115.078
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	605.800.000	976.800.000
	605.800.000	976.800.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

15. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 16)	-	-	17.354.930.000	3.470.986.000	13.883.944.000	13.883.944.000
	-	-	17.354.930.000	3.470.986.000	13.883.944.000	13.883.944.000

16. VAY DÀI HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	-	-	93.716.610.000	3.470.986.000	90.245.624.000	90.245.624.000
	-	-	93.716.610.000	3.470.986.000	90.245.624.000	90.245.624.000

Trong đó:

- Số phải trả trong vòng 12 tháng
- Số phải trả sau 12 tháng

13.883.944.000 13.883.944.000
76.361.680.000 76.361.680.000

Tại ngày 24 tháng 9 năm 2022, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn số 2904/2022/HĐCV với Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với hạn mức 99.000.000.000 VND, để tài trợ nhập khẩu mua tàu. Khoản vay này sẽ được trả lần đầu từ ngày 30 tháng 11 năm 2022 đến ngày 30 tháng 5 năm 2029. Khoản vay chịu lãi suất SOFR 90 ngày cộng 5.7% và được trả hàng quý. Khoản vay được đảm bảo bằng giá trị tài sản hình thành từ việc đầu tư bao gồm tài sản cố định như hình có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 144.828.911.115 VND và khoản ký quỹ, ký cược tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam theo thỏa thuận hạn mức tín dụng số 908/2022/TB-MSB với tổng số tiền bảo đảm là 5.000.000.000 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	13.883.944.000	-
Trong năm thứ hai	13.883.944.000	-
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	41.651.832.000	-
Sau năm năm	20.825.904.000	-
	<u>90.245.624.000</u>	<u>-</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở Thuyết minh số 16)	13.883.944.000	-
Số phải trả sau 12 tháng	<u>76.361.680.000</u>	<u>-</u>

17. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Chi phí sửa chữa lớn tàu VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	-	-
Trích lập trong năm	10.921.296.000	10.921.296.000
Số dư cuối năm	<u>10.921.296.000</u>	<u>10.921.296.000</u>

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	100.000.000.000	3.674.377.249	9.456.273.607	113.130.650.856
Lợi nhuận trong năm	-	-	3.845.523.854	3.845.523.854
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	9.400.000.000	(9.400.000.000)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(41.970.000)	(41.970.000)
Số dư đầu năm nay	<u>100.000.000.000</u>	<u>13.074.377.249</u>	<u>3.859.827.461</u>	<u>116.934.204.710</u>
Lợi nhuận trong năm	-	-	4.730.898.609	4.730.898.609
Trích Quỹ đầu tư phát triển (*)	-	3.400.000.000	(3.400.000.000)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(400.000.000)	(400.000.000)
Số dư cuối năm nay	<u>100.000.000.000</u>	<u>16.474.377.249</u>	<u>4.790.726.070</u>	<u>121.265.103.319</u>

(*) Theo Nghị quyết số 01/NQ-VTDKĐD-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 về việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2021, Công ty đã thực phân phối 3.400.000.000 VND cho Quỹ đầu tư phát triển và 400.000.000 VND cho Quỹ khen thưởng, phúc lợi.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh, vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 VND. Công ty chỉ phát hành cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+) <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+) <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.000.000	10.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp					
	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	VND	Cổ phiếu	Tỷ lệ	VND	Cổ phiếu	Tỷ lệ
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	52.059.000.000	5.205.900	52,06%	48.670.000.000	4.867.000	48,67%
Ông Nguyễn Hồng Hiệp	20.254.000.000	2.025.400	20,25%	20.254.000.000	2.025.400	20,25%
Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí Toàn cầu	10.000.000.000	1.000.000	10,00%	10.000.000.000	1.000.000	10,00%
Công ty TNHH Vận tải biển Châu Á Thái Bình Dương	10.000.000.000	1.000.000	10,00%	-	-	-
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	-	-	-	10.000.000.000	1.000.000	10,00%
Các cổ đông khác	7.687.000.000	768.700	7,69%	11.076.000.000	1.107.600	11,08%
	<u>100.000.000.000</u>	<u>10.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>100.000.000.000</u>	<u>10.000.000</u>	<u>100%</u>

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản thuê ngoài:

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
Từ 1 năm trở xuống	38.062.938.518	4.333.898.908
Từ năm thứ 2 đến 5 năm	293.520.000	2.506.989.818
	<u>38.356.458.518</u>	<u>6.840.888.726</u>

Các khoản thuê hoạt động thể hiện các khoản thuê văn phòng, thuê bãi đỗ xe, thuê xe và thuê mặt bằng của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Ngoại tệ các loại:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ (USD)	378.160,35	168,68
Euro (EUR)	200,14	200,14

20. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh vận tải và kinh doanh hàng hóa. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày liên quan đến hoạt động kinh doanh vận tải và hoạt động kinh doanh hàng hóa nêu trên.

Báo cáo bộ phận thứ yếu: Theo khu vực địa lý

Công ty hoạt động tại trong lãnh thổ Việt Nam và ngoài lãnh thổ Việt Nam. Báo cáo bộ phận thứ yếu của Công ty theo khu vực địa lý như sau:

NĂM NAY

Chỉ tiêu	Việt Nam	Ngoài Việt Nam	Tổng cộng
	VND	VND	VND
1. Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	187.572.465.037	53.038.780.686;	240.611.245.723
2. Tài sản bộ phận	102.166.049.255	143.294.723.373	245.460.772.628
3. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	116.562.594.506	147.599.218.655	264.161.813.161

NĂM TRƯỚC

Chỉ tiêu	Việt Nam	Ngoài Việt Nam	Tổng cộng
	VND	VND	VND
1. Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	176.531.761.262	-	176.531.761.262
2. Tài sản bộ phận	136.808.242.994	-	136.808.242.994
3. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	116.636.866.173	-	116.636.866.173

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	44.841.869.000	34.911.912.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	195.769.376.723	141.619.849.262
<i>Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (xem tại Thuyết minh số 28).</i>	66.829.737.987	64.988.090.823
	240.611.245.723	176.531.761.262

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	44.836.219.990	34.909.240.000
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	178.721.930.300	132.645.331.222
	<u>223.558.150.290</u>	<u>167.554.571.222</u>

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	3.650.635.488	114.397.610
Lỗ chênh lệch tỷ giá	498.156.627	-
Chi phí tài chính khác	93.716.616	-
	<u>4.242.508.731</u>	<u>114.397.610</u>

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	28.995.405.292	14.907.278.826
Chi phí nhân công	35.653.806.982	38.298.731.564
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.732.730.614	16.356.320.812
Chi phí dự phòng	10.921.296.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	82.242.404.747	66.529.553.904
Chi phí khác bằng tiền	4.868.470.782	4.229.568.298
	<u>187.414.114.417</u>	<u>140.321.452.904</u>

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lương nhân viên quản lý	5.167.404.237	4.307.364.818
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.761.552.592	1.594.200.671
Chi phí bằng tiền khác	763.227.288	1.774.556.193
	<u>8.692.184.117</u>	<u>7.676.121.682</u>

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.408.142.394	726.399.931
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.408.142.394	726.399.931

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	6.139.041.003	4.571.923.785
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	901.670.968	616.647.244
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>901.670.968</i>	<i>616.647.244</i>
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	7.040.711.971	5.188.571.029
Thu nhập chịu thuế suất thông thường 20%	7.040.711.971	5.188.571.029
Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.408.142.394	1.037.714.205
Thuế TNDN được giảm theo Nghị quyết số 116/2020/QH14	-	(311.314.262)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.408.142.394	726.399.931

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	4.730.898.609	3.845.523.854
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	400.000.000
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	4.730.898.609	3.445.523.854
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	473	345

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

(*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính và trình bày lại trên cơ sở lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trừ đi Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích cho năm 2021 (theo Nghị quyết số 01/NQ-VTDKĐD-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022). Số lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được xác định lại là 345 VND/cổ phiếu (số trình bày trên báo cáo tài chính năm trước là 385 VND/cổ phiếu).

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Tổng Công ty
2	Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	Cùng Tập đoàn
3	Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	Cùng Tập đoàn
4	Công ty Cổ phần Lọc hoá Dầu Bình Sơn	Cùng Tập đoàn
5	Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau	Cùng Tập đoàn
6	Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	Cùng Tập đoàn
7	Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	Cùng Tập đoàn
8	Công ty Cổ phần CNG Việt Nam - Chi nhánh Miền Bắc	Cùng Tập đoàn
9	Tổng Công ty Phân bón và Hoá chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Cùng Tập đoàn
10	Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí - PVEP	Cùng Tập đoàn
11	Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	Cùng Tập đoàn
12	Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	Cùng Tập đoàn
13	Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	Cùng Tập đoàn
14	Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm Khí Quốc tế	Cùng Tập đoàn
15	Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam	Cùng Tập đoàn
16	Công ty Bảo hiểm PVI Hà Nội	Cùng Tập đoàn
17	Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt	Cùng Tập đoàn
18	Tổng Công ty Dầu Việt Nam	Cùng Tập đoàn
19	Công ty Cổ phần Hàng hải Thăng Long	Cùng Tập đoàn
20	Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	Cùng Tập đoàn
21	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng Dầu Phương Nam	Cùng Tập đoàn
22	Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	Cùng Tập đoàn
23	Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	Cùng Tập đoàn

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	23.892.897.565	24.114.792.801
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	11.714.658.408	10.218.629.978
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam - Chi nhánh Miền Bắc	6.195.304.951	7.300.700.968
Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam	4.987.347.439	4.069.734.500
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	3.592.607.000	3.910.903.000
Công ty Cổ phần Hàng hải Thăng Long	201.537.600	2.557.254.250
Tổng công ty Phân bón và Hoá chất Dầu khí - Công ty Cổ Phần	2.989.316.325	2.257.961.913
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	2.177.740.000	2.163.000.000
Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	2.346.714.791	2.075.218.530
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	2.335.615.000	1.822.639.758
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm Khí Quốc tế	1.091.316.000	909.879.650
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	1.046.955.750	898.825.161
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí - PVCP	1.155.599.000	895.080.000
Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt	428.652.250	533.125.839
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng Dầu Phương Nam	467.329.500	451.058.750
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	503.756.619	283.883.180
Công ty Cổ phần Lọc hoá Dầu Bình Sơn	153.713.089	251.982.000
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	1.508.576.700	219.824.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	40.100.000	35.454.545
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	-	18.142.000
	<u>66.829.737.987</u>	<u>64.988.090.823</u>
Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt	-	18.534.855.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	2.387.121.173	1.846.305.730
Công ty Bảo hiểm PVI Hà Nội	62.658.000	189.352.191
	<u>2.449.779.173</u>	<u>20.570.512.921</u>
	<u>69.279.517.160</u>	<u>85.558.603.744</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Phải thu		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	2.042.852.600	2.960.386.141
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	1.148.345.660	1.221.032.266
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam - Chi nhánh Miền Bắc	524.358.933	1.104.149.506
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	221.291.000	540.198.054
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	388.800.000	396.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	107.187.624	394.900.000
Công ty TNHH - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	264.602.198	264.602.198
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm Khí Quốc tế	175.633.920	90.112.950
Công ty Cổ phần Lọc hoá Dầu Bình Sơn	5.632.416	61.785.545
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	93.958.920	43.722.150
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng Dầu Phương Nam	51.688.800	34.498.000
Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt	44.013.510	31.900.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	-	-
Các đối tượng khác	8.945.139.403	10.665.792.623
	<u>14.013.504.984</u>	<u>17.809.079.433</u>
Phải trả		
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	194.616.851	212.699.770
Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam	20.450.000	-
	<u>215.066.851</u>	<u>212.699.770</u>
	<u>14.228.571.835</u>	<u>18.021.779.203</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng Quản trị		
Ông Lê Mạnh Tuấn	48.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	36.000.000	24.000.000
Ông Lê Thanh Sơn	36.000.000	-
Ông Đỗ Đức Hùng	36.000.000	24.000.000
Ông Trần Hải Đăng	36.000.000	6.000.000
Ông Lưu Mạnh Thắng	36.000.000	6.000.000
Ông Hoàng Trung Hưng	-	18.000.000
Ông Nguyễn Huy Khánh	-	18.000.000
	228.000.000	132.000.000

	Năm nay VND	Năm trước VND
Ban Kiểm soát		
Ông Nguyễn Bá Nghị	24.000.000	13.500.000
Ông Phạm Văn Hưng	9.000.000	3.000.000
Ông Lê Trọng An	9.000.000	-
Bà Lê Thị Hải Yến	18.000.000	12.000.000
Ông Nguyễn Thế Dân	-	13.500.000
	60.000.000	42.000.000

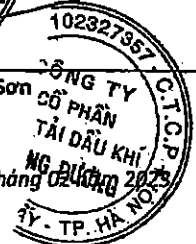
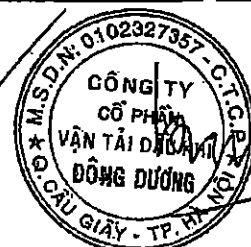
	Năm nay VND	Năm trước VND
Ban Giám đốc		
Ông Lê Thanh Sơn	436.800.000	436.800.000
Ông Bùi Hữu Cơ	393.120.000	393.120.000
Ông Vũ Hoài Nam	373.706.664	373.706.664
Thường và các khoản phụ cấp khác	632.096.190	488.790.022
	1.835.722.854	1.692.416.686


Nguyễn Thị Huyền
Người lập biểu


Nguyễn Đình Chính
Kế toán trưởng


Lê Thanh Sơn
Giám đốc

Ngày 25 tháng 02 năm 2023



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG**

Tầng 6, tòa nhà Việt Á, số 9 phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BẢN SAO

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III NĂM 2023**

Hà Nội, tháng 10/2023





CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG
 Tầng 6 tòa nhà Việt Á, số 9 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, Hà Nội
 Mẫu số B 01-DN (Ban hành theo Thông tư 200/2014/QĐ-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2023

Đơn vị tính : đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2023	31/12/2022
A, TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		114.067.787.064	79.744.596.862
I, Tiền và các khoản tương đương tiền	110		12.840.567.794	18.023.642.387
1, Tiền	111	1	12.840.567.794	18.023.642.387
2, Các khoản tương đương tiền	112	1		
II, Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		65.104.487.671	40.000.000.000
1, Chứng khoán kinh doanh	121	2a		
2, Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122	2a		
3, Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	2b	65.104.487.671	40.000.000.000
III, Các khoản phải thu ngắn hạn	130		29.407.659.549	18.135.980.917
1, Phải thu của khách hàng	131	3	26.305.615.608	16.242.383.753
2, Trả trước cho người bán	132		1.681.932.340	222.735.982
3, Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4, Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5, Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6, Các khoản phải thu khác	136	3	2.842.495.522	3.130.457.768
7, Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	4	(2.094.202.103)	(2.131.414.768)
8, Tài sản thiếu chờ xử lý	139		671.818.182	671.818.182
IV, Hàng tồn kho	140		3.412.540.842	1.557.255.457
1, Hàng tồn kho	141	5	3.412.540.842	1.557.255.457
2, Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	5		
V, Tài sản ngắn hạn khác	150		3.302.531.208	2.027.718.061
1, Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.400.686.836	794.180.811
2, Thuế GTGT được khấu trừ	152	14b	1.901.844.372	1.233.537.250
3, Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	14b		
4, Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5, Tài sản ngắn hạn khác	155			
B, TÀI SẢN DÀI HẠN	200		141.862.116.167	165.716.175.766
I, Các khoản phải thu dài hạn	210		7.901.965.600	7.997.332.723
1, Phải thu dài hạn của khách hàng	211	3		
2, Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3, Phải thu nội bộ dài hạn	213			
4, Phải thu về cho vay dài hạn	214			
5, Phải thu dài hạn khác	216	3	7.901.965.600	7.997.332.723
6, Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	4		
II, Tài sản cố định	220		132.003.421.393	155.994.692.048
1, Tài sản cố định hữu hình	221		132.003.421.393	155.994.692.048
- Nguyên giá	222	7	258.970.520.124	264.110.813.161
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	7	(126.967.098.731)	(108.116.121.113)
2, Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225	9		
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226	9		
3, Tài sản cố định vô hình	227			
- Nguyên giá	228	8	51.000.000	51.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	8	(51.000.000)	(51.000.000)
III, Bất động sản đầu tư	230			

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

Tầng 6 tòa nhà Việt Á, số 9 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

Mẫu số B 01-DN (Ban hành theo Thông tư 200/2014/QĐ-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

1, Nguyên giá	231	10		
2, Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232	10		
IV, Tài sản dở dang dài hạn	240		345.125.000	202.325.000
1, Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	6a		
2, Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	6b	345.125.000	202.325.000
V, Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
1, Đầu tư vào Công ty con	251	2c		
2, Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252	2c		
3, Đầu tư khác vào công cụ vốn	253	2c		
4, Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5, Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	2b		
VI, Tài sản dài hạn khác	260		1.611.604.174	1.521.825.995
1, Chi phí trả trước dài hạn	261	11b	1.611.604.174	1.521.825.995
2, Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19a		
3, Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		255.929.903.231	245.460.772.628

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2023	31/12/2022
A, NỢ PHẢI TRẢ	300		126.251.474.523	124.195.669.309
I, Nợ ngắn hạn	310		59.616.165.188	47.228.189.309
1, Phải trả người bán ngắn hạn	311		12.273.786.612	9.600.279.907
2, Người mua trả tiền trước	312			4.304.529.261
3, Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	14a	2.119.542.048	765.594.713
4, Phải trả người lao động	314		4.394.875.130	4.302.247.107
5, Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	3.583.731.616	1.711.494.767
6, Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7, Phải trả theo tiến độ kế hoạch HDXD	317			
8, Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	17a		
9, Phải trả ngắn hạn khác	319	16a	1.643.327.812	1.697.944.584
10, Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	12a	13.883.944.000	13.883.944.000
11, Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	18a	21.671.296.000	10.921.296.000
12, Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		45.661.970	40.858.970
13, Quỹ bình ổn giá	323			
14, Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II, Nợ dài hạn	330		66.635.309.335	76.967.480.000
1, Phải trả người bán dài hạn	331			
2, Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3, Chi phí phải trả dài hạn	333			
4, Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5, Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6, Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	17b		
7, Phải trả dài hạn khác	337	18b	686.587.335	605.800.000
8, Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	12b	65.948.722.000	76.361.680.000
9, Trái phiếu chuyển đổi	339	13		
10, Cổ phiếu ưu đãi	340			
11, Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12, Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

Tầng 6 tòa nhà Việt Á, số 9 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

Mẫu số B 01-DN (Ban hành theo Thông tư 200/2014/QĐ-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

B, VỐN CHỦ SỞ HỮU			
	400	129.678.428.708	121.265.103.319
I, Vốn chủ sở hữu	410	20	129.678.428.708
1, Vốn góp của chủ sở hữu	411	100.000.000.000	100.000.000.000
2, Thặng dư vốn cổ phần	412		
3, Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		
4, Vốn khác của chủ sở hữu	414		
5, Cổ phiếu quỹ (*)	415		
6, Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		
7, Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		
8, Quỹ đầu tư phát triển	418	20.774.377.249	16.474.377.249
9, Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		
10, Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		
11, Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	8.904.051.459	4.790.726.070
a, LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	17.636.070	59.827.461
b, LNST chưa phân phối kỳ này	421b	8.886.415.389	4.730.898.609
12, Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		
II, Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		
1, Nguồn kinh phí	432		
2, Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	255.929.903.231	245.460.772.628

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Huyền

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Đình Quân - 11- 2023



Lê Thanh Sơn

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN GỐC

Số chứng thực: Quyền số:SCT/BS

53211-01



CÔNG CHỨNG VIÊN

Lê Như Loan

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG
 Tầng 6 tòa nhà Việt Á, số 9 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, Hà Nội
 Mẫu số B 02-DN (Ban hành theo Thông tư 200/2014/QĐ-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
QUÝ III NĂM 2023

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quỹ báo cáo		Lấy kể đầu năm đến kỳ báo cáo	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1, Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1	63.397.071.219	74.782.008.040	201.568.926.748	183.309.076.087
2, Các khoản giảm trừ doanh thu	02	2				
3, Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		63.397.071.219	74.782.008.040	201.568.926.748	183.309.076.087
4, Giá vốn hàng bán	11	3	54.665.459.846	68.707.511.383	180.313.225.802	172.302.053.773
5, Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.731.611.373	6.074.496.657	21.255.700.946	11.007.022.314
6, Doanh thu hoạt động tài chính	21	4	984.034.222	565.179.244	3.602.687.625	1.533.473.810
7, Chi phí tài chính	22	5	2.361.111.975	1.548.850.496	6.966.817.621	1.881.322.812
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.202.667.755	1.530.396.068	6.405.970.530	1.857.176.387
8, Chi phí bán hàng	24					
9, Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.561.492.364	2.411.659.934	7.535.492.168	6.169.153.598
10, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.793.041.256	2.679.165.471	10.356.078.782	4.490.019.714
11, Thu nhập khác	31	6			938.359.198	10
12, Chi phí khác	32	7	51.874.790	162.757	51.874.790	687.757
13, Lợi nhuận khác	40		(51.874.790)	(162.757)	886.484.408	(687.747)
13, Lãi/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	45					
14, Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.741.166.466	2.679.002.714	11.242.563.190	4.489.331.967
15, Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	9	982.856.130	550.500.543	2.356.147.801	941.216.394
17, Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.758.310.336	2.128.502.171	8.886.415.389	3.548.115.573

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Huyền

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Đình Chính



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG
 Tầng 6 tòa nhà Việt Á, số 9 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, Hà Nội
 Mẫu số B 05-DN (Ban hành theo Thông tư 200/2014/QĐ-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/09/2023

Đơn vị tính: đồng

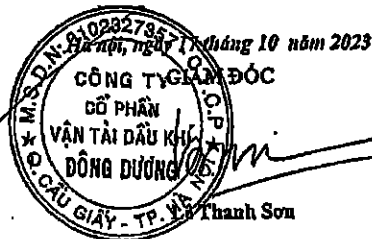
CHỈ TIÊU	Mã số	Lưu kế đầu năm đến kỳ báo cáo	
		Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	11.242.563.190	6.139.041.003
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	22.205.456.313	24.732.730.614
- Các khoản dự phòng	03	10.750.000.000	10.921.296.000
- Lãi, lỗ CLTG hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại	04	(389.650.870)	(11.075.497)
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.453.579.085)	(2.049.040.843)
- Chi phí lãi vay	06	6.405.970.530	3.650.635.488
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	45.760.760.078	43.383.586.765
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(10.631.681.381)	2.253.713.249
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.855.285.345)	(1.530.979.706)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể Lãi vay, thuế TNDN phải nộp)	11	1.718.763.214	2.822.090.657
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	(696.284.204)	(837.843.402)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(6.405.970.530)	(3.650.635.488)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.239.068.601)	(1.081.597.523)
- Tiền thu khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh	15		
- Tiền chi khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh	16	(468.287.000)	(405.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	26.182.946.231	40.953.334.552
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(147.599.218.655)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	938.359.198	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(88.686.897.261)	(48.820.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	63.582.409.590	3.820.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.213.065.649	1.422.801.777
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(20.953.062.824)	(191.176.416.878)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		93.716.610.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(10.412.958.000)	(3.470.986.000)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(10.412.958.000)	90.245.624.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(5.183.074.593)	(59.955.307.332)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	18.023.642.387	78.196.648.941
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(217.699.222)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	12.840.567.794	18.023.642.387

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Huyền

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Đình Chính



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. Đặc điểm hoạt động của Doanh nghiệp

1, Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương(gọi tắt là "Công ty) là Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102327357 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 7 năm 2007 và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2022 là 181 nhân viên (31 tháng 12 năm 2022: 176)

Vốn kinh doanh: 100,000,000,000 VNĐ (Bằng chữ: Một trăm tỉ đồng)

2, Lĩnh vực kinh doanh:

- Kinh doanh vận tải bằng ô tô các loại hình sau: vận chuyển hành khách theo hợp đồng; vận chuyển hành khách theo tuyến cố định; vận tải hàng hoá xăng, dầu, gas,
 - Cho thuê xe tự lái,
 - Buôn bán xăng, dầu, khí hoá lỏng,
 - Dịch vụ bến đỗ xe, trạm dừng xe; hoạt động điều hành bến xe, quản lý bãi đỗ...
 - Lữ hành nội địa và quốc tế,
 - Sửa xe, bảo dưỡng xe, lắp đặt phụ tùng, phương tiện vận tải,
 - Kinh doanh ngành gas: chế tạo, sửa chữa bình gas; chuyển đổi phương tiện vận tải sang sử dụng nhiên liệu khí hoá lỏng,
 - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh,
 - Vận chuyển hành khách bằng xe buýt,
 - Vận tải hành khách bằng xe taxi, xe buýt, vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô, vận tải hàng hóa bằng xe ô tô.
 - Kinh doanh bất động sản: đầu tư tạo lập, mua, nhận chuyển nhượng, thuê, thuê mua bất động sản để bán, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, cho thuê mua bất động sản,
 - Dịch vụ quảng cáo, quản lý, đấu giá và tư vấn về bất động sản (không bao gồm hoạt động về tư vấn giá đất),
 - Bán buôn: phân bón hoá học, phân vi sinh, thuốc trừ sâu, hóa chất khác, tơ, sợi dệt, xơ, phế liệu, phế thải kim loại...
 - Đại lý mua, bán, kỹ gửi hàng hoá,
 - Dịch vụ Quảng cáo thương mại,
 - Kinh doanh, buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (mã ngành 4659)
 - Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Bán buôn hóa chất công nghiệp như: Các loại hạt nhựa Polypropylene (PP), Polyethylene (PE); Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Bán buôn văn phòng phẩm, đồ lưu niệm; Bán lẻ sách, báo, tạp chí; mua bán phân bón hóa học, phân vi sinh.
 - Mua bán khí CNG, LPG, LNG và các loại khí hóa lỏng khác
 - Mua bán than,
 - Thuê và cho thuê phương tiện, thiết bị vận chuyển khí CNG,
 - Thuê và cho thuê phương tiện, thiết bị vận chuyển than,
 - Kinh doanh ngành gas: chế tạo, sửa chữa bình gas; chuyển đổi phương tiện vận tải sang sử dụng nhiên liệu khí hóa lỏng
 - Bốc xếp hàng hóa
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; Logistics; Môi giới thuê tàu biển, phương tiện vận tải bộ; Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; Kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)
 - Vận chuyển hàng hóa ven biển và viễn dương
 - Cho thuê tàu, thuyền và kết nối không kèm người điều khiển
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy
 - Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước
 - Cho thuê lại lao động
 - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
 - Bán buôn kim loại và quặng kim loại
 - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
- 4, Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:
Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng,
- 5, Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:

6, Cấu trúc doanh nghiệp:

6.1 Danh sách các công ty con:

6.2 Danh sách các công ty liên doanh, liên kết;

6.3 Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

II, Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1, Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc ngày 31/12

2, Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : Đồng Việt Nam

III, Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1, Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán doanh nghiệp

2, Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán: Công ty tuân thủ nghiêm túc Chuẩn mực kế toán căn cứ theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và tuân thủ kịp thời các Thông tư khác của Bộ tài chính ban hành;

IV, Các chính sách kế toán áp dụng

1, Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam

2, Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền;

3, Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền: Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị,

4, Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

5, Nguyên tắc kế toán nợ phải thu: Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác, Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi,

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự,

6, Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được, Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền, Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cũng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh,

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành, Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán,

7, Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế,

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng,

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính,

8, Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh,

9, Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại,

10, Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước: Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa và bảo dưỡng các phương tiện vận chuyển và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty, Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng hữu ích theo ước tính của Ban Giám đốc Công ty,

11, Nguyên tắc kế toán nợ phải trả: Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý

12, Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuế tài chính

13, Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay: Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

14, Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả trong kỳ này để đảm bảo khi các khoản chi trả phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

15, Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả: Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc và các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

16, Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

17, Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi

18, Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

19, Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu: Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

20, Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

21, Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

22, Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính: Lãi vay Ngân hàng được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính căn cứ trên cơ sở thời gian vay và lãi suất từng kỳ.

23, Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp: Phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ,...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng,...)

24, Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại, Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

- Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán, Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

- Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần,

25, Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

V, Các chính sách kế toán áp dụng:

- 1, Có tái phân loại tài sản dài hạn và nợ phải trả dài hạn thành ngắn hạn
- 2, Nguyên tắc xác định giá trị từng loại tài sản và nợ phải trả (theo giá trị thuần có thể thực hiện được, giá trị có thể thu hồi, giá trị hợp lý, giá trị hiện tại, giá trị hiện hành,...)
- 3, Nguyên tắc xử lý tài chính đối với:
 - Các khoản dự phòng;
 - Chênh lệch đánh giá lại tài sản và chênh lệch tỷ giá

VI, Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1 Tiền	30/09/2023	31/12/2022
- Tiền mặt	150.935.296	114.595.251
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.689.632.498	17.909.047.136
- Tiền gửi có kỳ hạn		
Cộng	12.840.567.794	18.023.642.387

2 Các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh

	30/09/2023			31/12/2022		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Tổng giá trị cổ phiếu						
- Tổng giá trị trái phiếu						
- Các khoản đầu tư khác						
	-	-	-	-	-	-

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	30/09/2023		31/12/2022	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
b1) Ngắn hạn	65.104.487.671	-	40.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	65.104.487.671		40.000.000.000	
- Trái phiếu				
- Các khoản đầu tư khác				
b2) Dài hạn	-	-	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn				
- Trái phiếu				
- Các khoản đầu tư khác				
	65.104.487.671	-	40.000.000.000	-

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	30/09/2023			31/12/2022		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con						
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết						
-						
-						
Đầu tư vào đơn vị khác						
	-	-	-	-	-	-

Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên doanh, liên kết trong kỳ

Các giao dịch trọng yếu giữa doanh nghiệp và công ty con, liên doanh, liên kết trong kỳ

3 Phải thu khác	30/09/2023		31/12/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
b1) Ngắn hạn	3.514.313.704	-	3.802.275.950	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia				
- Phải thu người lao động				
- Ký cược, ký quỹ	270.000.000		1.110.000.000	
- Các khoản chi hộ				
- Tạm ứng	1.261.223.343		768.423.807	
- Phải thu khác	1.983.090.361		1.923.852.143	
b2) Dài hạn	7.901.965.600	-	7.997.332.723	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia				
- Phải thu người lao động				
- Ký cược, ký quỹ	7.901.965.600		7.997.332.723	
- Các khoản chi hộ				
- Phải thu khác				
	11.416.279.304	-	11.799.608.673	-

4 Nợ xấu

	30/09/2023			31/12/2022		
	Giá trị nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng Nợ	Giá trị nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng Nợ
1, CTCP Đầu tư Nguyễn	63.133.180		CTCP Đầu tư Nguyễn	63.133.180		
2, DN Tư nhân Đập Thành	24.113.390		DN Tư nhân Đập Thành	24.113.390		
3, CT TNHH DV Giao thông và môi trường	84.509.620		CT TNHH DV Giao thông và môi trường	84.509.620		
4, Tổng Cty thăm dò khai thác Dầu khí	264.602.198		Tổng Cty thăm dò khai thác Dầu khí	264.602.198		
5, Âu Đình Chương	16.600.000		Âu Đình Chương	16.600.000		
6, Đào Tấn Kiên - 1123 568 97	22.873.000		Đào Tấn Kiên - 1123 568 97	22.873.000		
7, Lê Hồng Duy (Lái xe Taxi)	34.000.000		Lê Hồng Duy (Lái xe Taxi)	34.000.000		
8, Nguyễn Đình Trường	40.905.288		Nguyễn Đình Trường	40.905.288		
9, Công ty TNHH Thương mại và DV SX Kiệt Anh	871.647.245		Công ty TNHH Thương mại và DV SX Kiệt Anh	871.647.245		
Công ty CP Vận tải Dầu Khí Đông Dương	671.818.182		Công ty TNHH Thương mại và DV SX	671.818.182		

5 Hàng tồn kho

	30/09/2023		31/12/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi trên đường				
- Nguyên liệu, vật liệu	3.412.540.842		1.557.255.497	
- Công cụ, dụng cụ				
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang				
- Thành phẩm				
- Hàng hóa				
- Hàng gửi bán				
- Hàng hóa kho bảo thuế				
	3.412.540.842	-	1.557.255.497	-

6 Tài sản dở dang dài hạn

	30/09/2023		31/12/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a) Chi phí SX, KD dở dang dài hạn				
Cộng	-	-	-	-
b) Chi phí SX, KD dở dang dài hạn				
- Mua sắm				
- Xây dựng cơ bản	345.125.000		202.325.000	
- Sửa chữa				
	345.125.000	-	202.325.000	-

7 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm			264.077.176.797	33.636.364	-	264.110.813.161
- Mua trong kỳ						-
- Đầu tư XDCB hoàn thành						-
- Tăng khác						-
- Chuyển sang BDS đầu tư (-)						-
- Thanh lý, nhượng bán (-)			(5.140.293.037)			(5.140.293.037)
- Giảm khác (-)						-
Số dư cuối kỳ			258.936.883.760	33.636.364	-	258.970.520.124
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm			108.082.484.749	33.636.364	-	108.116.121.113
- Khấu hao trong kỳ			22.205.456.313			22.205.456.313
- Tăng khác						-
- Chuyển sang BDS đầu tư (-)						-
- Thanh lý, nhượng bán (-)			(3.354.478.695)			(3.354.478.695)
- Giảm khác (-)						-
Số dư cuối kỳ			126.933.462.367	33.636.364	-	126.967.098.731
Giá trị còn lại của TSCĐ HH						
- Tại ngày đầu kỳ	-	-	155.994.692.048	-	-	155.994.692.048
- Tại ngày cuối kỳ	-	-	132.003.421.393	-	-	132.003.421.393

8 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hoá	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình						
Số dư đầu năm					51.000.000	51.000.000
- Mua trong kỳ						-
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp						-
- Tăng khác						-
- Thanh lý, nhượng bán (-)						-
- Giảm khác (-)						-
Số dư cuối kỳ					51.000.000	51.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm					51.000.000	51.000.000
- Khấu hao trong kỳ						-
- Tăng khác						-
- Thanh lý, nhượng bán (-)						-
- Giảm khác (-)						-
Số dư cuối kỳ					51.000.000	51.000.000
Giá trị còn lại của TSCĐ VH						
- Tại ngày đầu kỳ	-	-	-	-	-	-
- Tại ngày cuối kỳ	-	-	-	-	-	-

9 Tăng, giảm tài sản cố định thuế tài chính:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ thuế tài chính						
Số dư đầu năm						-
- Thuế tài chính trong kỳ						-
- Mua lại TSCĐ thuế tài chính						-
- Tăng khác						-
- Trả lại TSCĐ thuế tài chính (-)						-
- Giảm khác (-)						-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm						-
- Khấu hao trong kỳ						-
- Mua lại TSCĐ thuế tài chính						-
- Tăng khác						-
- Trả lại TSCĐ thuế tài chính (-)						-
- Giảm khác (-)						-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	-	-	-
Giá trị còn lại của TSCĐ thuế TC						
- Tại ngày đầu kỳ	-	-	-	-	-	-
- Tại ngày cuối kỳ	-	-	-	-	-	-

10 Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm/kỳ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm/kỳ
Nguyên giá bất động sản đầu tư				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị hao mòn lũy kế				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị còn lại BĐS đầu tư				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				

11 Chi phí trả trước	30/09/2023	31/12/2022
a) Ngắn hạn	1.400.686.836	794.180.811
- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng		
- Các khoản khác (nếu chi tiết nếu có thể)	1.400.686.836	794.180.811
b) Dài hạn	1.611.604.174	1.521.825.995
- Chi phí thành lập doanh nghiệp		
- Chi phí mua bảo hiểm		
- Các khoản khác (nếu chi tiết nếu có thể)	1.611.604.174	1.521.825.995
	3.012.291.010	2.316.006.806

12 Vay và nợ thuê tài chính

	30/09/2023		Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	31/12/2022	
	Giá trị	Khả năng trả nợ			Giá trị	Khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	13.883.944.000	-	10.412.958.000	10.412.958.000	13.883.944.000	-
MSB - CNHCM	13.883.944.000		10.412.958.000	10.412.958.000	13.883.944.000	
b) Vay dài hạn (Chi tiết theo kỳ hạn)	65.948.722.000	-	-	10.412.958.000	76.361.680.000	-
MSB - CNHCM	65.948.722.000		-	10.412.958.000	76.361.680.000	
	79.832.666.000	-	10.412.958.000	20.825.916.000	90.245.624.000	-

13 Trái phiếu phát hành

14 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	31/12/2022	Số phải nộp/phải thu trong kỳ	Số đã thực nộp/bù trừ trong kỳ	30/09/2023
a) Phải nộp	765.594.713	5.985.465.014	4.631.517.679	2.119.542.048
Thuế GTGT đầu ra hàng bán nội địa	197.931.098	3.221.156.649	3.032.233.509	386.854.238
Thuế GTGT hàng nhập khẩu				
Thuế tiêu thụ đặc biệt				
Thuế xuất, nhập khẩu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	466.926.001	2.451.773.800	1.239.068.601	1.679.631.200
Thuế thu nhập cá nhân	100.737.614	307.534.565	355.215.569	53.056.610
Thuế nhà thầu nộp thay				
Thuế môn bài		5.000.000	5.000.000	
Các loại thuế khác				-
b) Phải thu	-	668.307.122	-	1.901.844.372
Thuế GTGT đầu vào	1.233.537.250	668.307.122		1.901.844.372
Thuế GTGT đầu ra				-
Thuế thu nhập doanh nghiệp				

	30/09/2023	31/12/2022
15 Chi phí phải trả		
a) Ngắn hạn		
- Chi phí lãi vay		
- Chi phí trích trước tạm tính giá vốn		
- Các khoản trích trước khác	3.583.731.616	1.711.494.767
Cộng	<u>3.583.731.616</u>	<u>1.711.494.767</u>
b) Dài hạn		
- Chi phí lãi vay		
- Chi phí trích trước tạm tính giá vốn		
- Các khoản trích trước khác		
Cộng	<u>-</u>	<u>-</u>
16 Phải trả khác	30/09/2023	31/12/2022
a) Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết		
- Kinh phí công đoàn	84.822.698	85.209.316
- Bảo hiểm xã hội		
- Bảo hiểm y tế		
- Bảo hiểm thất nghiệp		
- Phải trả về cổ phần hoá		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	459.980.000	641.480.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả		
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.098.525.114	971.255.268
Cộng	<u>1.643.327.812</u>	<u>1.697.944.584</u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	717.737.335	605.800.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác		
Cộng	<u>717.737.335</u>	<u>605.800.000</u>
17 Doanh thu chưa thực hiện	30/09/2023	31/12/2022
a) Ngắn hạn		
- Doanh thu nhận trước		
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	0	0
Cộng	<u>-</u>	<u>-</u>
b) Dài hạn		
- Khả năng không thực hiện được hợp đồng với khách hàng		
Cộng	<u>-</u>	<u>-</u>

18 Dự phòng phải trả	30/09/2023	31/12/2022
a) Ngắn hạn		
- Chi phí bảo hành		
- Chi phí sửa chữa TSCĐ định kỳ		
- Dự phòng phải trả khác		
Cộng		
b) Dài hạn		
- Chi phí bảo hành		
- Chi phí sửa chữa TSCĐ định kỳ	21.671.296.000	10.921.296.000
- Dự phòng phải trả khác		
Cộng	21.671.296.000	10.921.296.000

19 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả	30/09/2023	31/12/2022
a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ		
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng		
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng		
- Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	0	-
b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế		
- Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại		

20 Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	CỘNG
Số dư đầu năm trước	100.000.000.000	13.074.377.249		3.859.827.461	116.934.204.710
- Tăng vốn trong kỳ					
- Lãi trong kỳ				4.730.898.609	4.730.898.609
- Tăng khác		3.400.000.000			3.400.000.000
- Giảm vốn trong kỳ (-)				(400.000.000)	(400.000.000)
- Lỗ trong kỳ (-)					
- Giảm khác (-)				(3.400.000.000)	(3.400.000.000)
Số dư cuối năm trước	100.000.000.000	16.474.377.249	-	4.790.726.070	121.265.103.319
Số dư đầu kỳ này	100.000.000.000	16.474.377.249		4.790.726.070	121.265.103.319
- Tăng vốn trong kỳ					
- Lãi trong kỳ				8.886.415.389	8.886.415.389
- Tăng khác		4.300.000.000			4.300.000.000
- Giảm vốn trong kỳ (-)				(473.090.000)	(473.090.000)
- Lỗ trong kỳ (-)					
- Giảm khác (-)				(4.300.000.000)	(4.300.000.000)
Số dư cuối kỳ này	100.000.000.000	20.774.377.249	-	8.904.051.459	129.678.428.708

	30/09/2023	31/12/2022
b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu		
Tổng công ty CP Vận tải Dầu Khí	52.470.000.000	52.059.000.000
Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí Toàn Cầu	10.000.000.000	10.000.000.000
Tổng Công ty Dầu Việt Nam		
Nguyễn Hồng Hiệp	20.254.000.000	20.254.000.000
Công ty TNHH Vận tải biển Châu Á Thái Bình Dương	10.000.000.000	10.000.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	7.276.000.000	7.687.000.000
	100.000.000.000	100.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu
 - + Vốn góp đầu năm
 - + Vốn góp tăng trong năm
 - + Vốn góp giảm trong năm
 - + Vốn góp cuối năm

- Cổ tức, lợi nhuận đã chia

d) Cổ tức 30/09/2023 31/12/2022

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm
 - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:
 - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:

đ) Cổ phiếu 30/09/2023 31/12/2022

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng
 - + Cổ phiếu phổ thông
 - + Cổ phiếu ưu đãi
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành
 - + Cổ phiếu phổ thông
 - + Cổ phiếu ưu đãi

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10,000 VND/cổ phiếu

e) Các quỹ của doanh nghiệp:	30/09/2023	31/12/2022
- Quỹ đầu tư phát triển	20.774.377.249	16.474.377.249
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		

21 Nguồn kinh phí

22 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán 30/09/2023 31/12/2022

- a) Tài sản thuê ngoài
- b) Tài sản nhận giữ hộ
- c) Ngoại tệ các loại:
 - USD
 - EUR
 - JPY
 - SGD

d) Nợ khó đòi đã xử lý:

23 Các thông tin khác do doanh nghiệp tự thuyết minh, giải trình

...

VII, Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Quý III/2023	Quý III/2022
1 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu Vận tải biển	24.198.214.300	20.986.976.228
Doanh thu dịch vụ vận chuyển xe văn phòng	30.985.651.094	31.229.775.534
Doanh thu dịch vụ vận chuyển xe bồn CNG	2.922.753.325	4.023.866.278
Doanh thu thương mại + dịch vụ khác	5.290.452.500	18.541.390.000
Cộng	63.397.071.219	74.782.008.040
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	Quý III/2023	Quý III/2022
- Chiết khấu thương mại		
- Giảm giá hàng bán		
- Hàng bán bị trả lại		
Cộng	-	-
3 Giá vốn hàng bán	Quý III/2023	Quý III/2022
Giá vốn vận tải biển	17.210.005.685	16.311.783.550
Giá vốn dịch vụ vận chuyển xe VP	29.394.434.763	30.098.597.550
Giá vốn dịch vụ vận chuyển xe bồn CNG	2.771.294.398	3.757.855.283
Giá vốn thương mại + dịch vụ khác	5.289.725.000	18.539.275.000
Cộng	54.665.459.846	68.707.511.383
4 Doanh thu hoạt động tài chính	Quý III/2023	Quý III/2022
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	896.566.484	367.864.034
- Lãi bán các khoản đầu tư		
- Cổ tức, lợi nhuận được chia		
- Lãi chênh lệch tỷ giá	87.467.738	197.315.210
- Doanh thu hoạt động tài chính khác		
Cộng	984.034.222	565.179.244
5 Chi phí tài chính	Quý III/2023	Quý III/2022
- Lãi tiền vay	2.202.667.755	1.530.396.068
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính		
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	158.444.220	18.454.428
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư		
- Chi phí tài chính khác		
- Các khoản ghi giảm chi phí tài chính		
Cộng	2.361.111.975	1.548.850.496
6 Thu nhập khác	Quý III/2023	Quý III/2022
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ		
- Tiền phạt thu được		
- Các khoản khác		
Cộng	-	-
7 Chi phí khác	Quý III/2023	Quý III/2022
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ		
- Các khoản bị phạt		
- Chi phí khác	51.874.790	162.757
Cộng	51.874.790	162.757

8 Chi phí sản xuất kinh doanh**a) Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Quý III/2023	Quý III/2022
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.398.278.434	24.347.144.567
- Chi phí nhân công	7.953.333.723	8.409.848.507
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.063.180.947	7.435.583.093
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.901.599.751	27.064.051.667
- Chi phí khác bằng tiền	2.910.559.355	3.862.543.483
Cộng	57.226.952.210	71.119.171.317

b) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

- Hoàn nhập dự phòng báo hành sản phẩm, hàng hóa; tái cơ cấu, dự phòng khác
- Các khoản ghi giảm khác

Quý III/2023	Quý III/2022
--------------	--------------

9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

- Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ báo cáo:
- Điều chỉnh trong kỳ:
 - + Thu nhập không chịu thuế
 - + Các khoản chi phí không được khấu trừ
- Thu nhập chịu thuế trong kỳ báo cáo
- Lũy năm trước mang sang (-)
- Thuế suất trong kỳ báo cáo
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Quý III/2023	Quý III/2022
4.741.166.466	2.679.002.714
173.114.183	
173.114.183	
4.914.280.649	2.679.002.714
20%	20%
982.856.130	550.500.543

10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ (-)
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng;
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả;
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Quý III/2023	Quý III/2022
--------------	--------------

VIII, Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

- a) Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính;
- b) Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo
- c) Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện

Quý III/2023	Quý III/2022
--------------	--------------

IX, Những thông tin khác

1 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:

a) Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết:

- Chi phí thuế hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo KQKD trong kỳ:

b) Công cụ tài chính:

b.1 Hệ số đòn bẩy tài chính :

+ Các khoản vay

Trừ : Tiền và tương đương tiền

+ Nợ thuần

+ Vốn chủ sở hữu

Tỷ lệ nợ thuần trên Vốn chủ sở hữu

	Quý III/2023	Quý III/2022
	30/09/2023	31/12/2022
	79.832.666.000	90.245.624.000
	12.840.567.794	18.023.642.387
	66.992.098.206	72.221.981.613
	129.678.428.708	121.265.103.319
	0,52	0,60

b.2 Quản lý rủi ro thanh khoản :

Tài sản tài chính

+ Tiền và các khoản tương đương tiền

+ Phải thu khách hàng và phải thu khác

+ Đầu tư tài chính

Tổng cộng

Công nợ tài chính

+ Các khoản vay

+ Phải trả người bán và phải trả khác

+ Chi phí phải trả

Tổng cộng

Chênh lệch thanh khoản thuần

	30/09/2023	31/12/2022
	12.840.567.794	18.023.642.387
	35.627.692.809	25.910.577.658
	-	-
	48.468.260.603	43.934.220.045
	79.832.666.000	85.961.959.907
	16.544.105.563	11.917.574.674
	3.583.731.616	1.711.494.767
	99.960.503.179	99.591.029.348
	(51.492.242.576)	(55.656.809.303)

b.3 Quản lý rủi ro tỷ giá:

2 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

3 Thông tin về các bên liên quan:

Nghiệp vụ, số dư Tổng công ty với các đơn vị thành viên:

Quý III/2023	Doanh thu hoạt động	Doanh thu tài chính/khác	Phải thu thương mại	Phải thu khác	Phải trả thương mại	Phải trả khác
- TCT CP vận tải dầu khí	752.326.798		989.887.360			
CN TCT - Cty DVHH dầu khí	467.027.325		351.933.198			249.800.000
CN TCT - Cty Quản lý tàu	99.664.667		33.372.000	72.355.232		
- Cty CP vận tải dầu khí Thái Bình Dương	218.634.800		70.348.000			
- Cty CP vận tải xăng dầu Phương Nam	140.628.600		45.846.000			
Công ty CP Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	450.621.000		150.444.000			118.000.000
- Cty CP vận tải dầu khí Vũng Tàu	42.412.500		17.908.500			
- Cty CP Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt	110.680.000		49.928.400			
- Cty CP vận tải dầu khí Hà Nội	98.426.727		1.836.000			
- Cty CP vận tải dầu khí Đồng Dương						
- Cty CP vận tải dầu khí Quảng Ngãi	7.200.000					
- Cty CP Vận tải Nhật Việt	9.200.000					
	2.396.822.417	-	1.712.003.458	72.355.232	-	367.800.000

Nghiệp vụ, số dư Tổng công ty với các đơn vị của Tập đoàn dầu khí Việt nam Quý III/2023 Quý III/2022

- Doanh thu dịch vụ - thương mại
- Chi phí lãi vay
- Phải thu thương mại
- Phải thu khác
- Phải trả thương mại
- Phải trả khác

4 Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận:

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành 4 bộ phận hoạt động: a) Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải; b) Bộ phận kinh doanh dịch vụ cung cấp kho nổi; c) Bộ phận kinh doanh dịch vụ khác và d) Hoạt động thương mại,

a) Tài sản theo lĩnh vực kinh doanh

Tại ngày 30/9/2023	Dịch vụ vận tải	Dịch vụ OFS/FPSO	Dịch vụ khác	Thương mại	TỔNG
Tài sản bộ phận					-
Tài sản không phân bổ					-
Tổng tài sản					
Nợ phải trả bộ phận					-
Nợ phải trả không bộ phận					-
Tổng nợ phải trả					

b) Doanh thu theo lĩnh vực bộ phận

- + Dịch vụ vận tải
- + Dịch vụ OFS/FPSO
- + Dịch vụ khác
- + Thương mại - dịch vụ khác

Quý III/2023	Quý III/2022
58.106.618.719	56.240.618.040
5.290.452.500	18.541.390.000
<u>63.397.071.219</u>	<u>74.782.008.040</u>

c) Giá vốn theo lĩnh vực bộ phận

- + Dịch vụ vận tải
- + Dịch vụ OFS/FPSO
- + Dịch vụ khác
- + Thương mại-dịch vụ khác

Quý III/2023	Quý III/2022
49.375.734.846	50.168.236.383
5.289.725.000	18.539.275.000
<u>54.665.459.846</u>	<u>68.707.511.383</u>

d) Kết quả kinh doanh theo lĩnh vực bộ phận

- + Dịch vụ vận tải
- + Dịch vụ OFS/FPSO
- + Dịch vụ khác
- + Thương mại

Quý III/2023	Quý III/2022
8.730.883.873	6.072.381.657
.	.
.	.
727.500	2.115.000
<u>8.731.611.373</u>	<u>6.074.496.657</u>

5 Thông tin so sánh

	Quý III/2023	Quý III/2022	Chênh lệch
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	63.397.071.219	74.782.008.040	(11.384.936.821)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.741.166.466	2.679.002.714	2.062.163.752

6 Thông tin về hoạt động liên tục

7 Những thông tin khác

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Huyền

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Đình Chính



GIÁM ĐỐC

Lê Thanh Sơn

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 13 tháng 12 năm 2023

BẢN SAO
COPY

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/NQ-VTDKĐD-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 14 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG



GIÁM ĐỐC

Lê Thanh Sơn

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 của Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương số 02/BBH-VTDKĐD-ĐHĐCĐ ngày 21/8/2023.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Phương án phát hành thêm cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ Công ty từ 100 tỷ đồng lên 170 tỷ đồng. Cụ thể như sau:

I. Phương án phát hành thêm cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ và Phương án sử dụng vốn thu được từ chào bán với nội dung cụ thể như sau:

1. Tên tổ chức phát hành : Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương
2. Tên cổ phiếu chào bán : Cổ phiếu Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương
3. Mã cổ phiếu : PTT
4. Loại cổ phiếu chào bán : Cổ phiếu phổ thông
5. Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng/cổ phiếu.
6. Vốn điều lệ hiện tại : 100.000.000.000 đồng
7. Cổ phiếu quỹ : 0 cổ phiếu
8. Tổng số cổ phiếu đang lưu hành : 10.000.000 cổ phiếu
9. Số lượng cổ phiếu dự kiến chào : 7.000.000 cổ phiếu.

bán

10. Tổng giá trị chào bán (tính theo mệnh giá) : 70.000.000.000 đồng.
11. Vốn điều lệ dự kiến sau đợt chào bán : 170.000.000.000 đồng.
12. Đối tượng của đợt chào bán : cổ đông hiện hữu có tên trong Danh sách người sở hữu chứng khoán tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện phát hành do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) cung cấp.
13. Phương thức chào bán : Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua.
14. Giá chào bán : 10.000 đồng/cổ phiếu.
15. Tỷ lệ chào bán : 10:7 (Theo đó, cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền sẽ được quyền mua 07 cổ phiếu phát hành thêm).
Số cổ phiếu mỗi cổ đông được quyền mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.
Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu 455 cổ phiếu. Số cổ phiếu cổ đông A được quyền mua là:
 $(455/10) \times 7 = 318,5$ cổ phiếu. Như vậy, theo nguyên tắc làm tròn, cổ đông A sẽ được quyền mua 318 cổ phiếu.
16. Đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu của nước ngoài : ĐHCĐ chấp thuận, ủy quyền/giao cho Hội đồng quản trị thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quy định của pháp luật.
17. Nguyên tắc xác định giá chào bán :
 - Giá trị sổ sách 1 cổ phiếu của PTT (Book Value - sau đây gọi là BV):
 $BV = \frac{\text{Tổng Nguồn vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$
 - Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2022:

$BV = 121.265.103.319/10.000.000 = 12.126,5$
đồng/cp.

(Theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 của
CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương).

▪ **Thị giá cổ phiếu PTT:**

Giá cổ phiếu bình quân 30 phiên giao dịch gần nhất của cổ phiếu PTT tại Upcom từ ngày 13/06/2023 đến 24/07/2023 là 11.030 đồng/cổ phần.

Dựa trên giá trị sổ sách, giá trị thị trường của cổ phiếu PTT và căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 126 Luật Doanh nghiệp 2020; để đảm bảo đợt chào bán thành công, HĐQT đề xuất ĐHCĐ mức giá chào bán cổ phiếu là 10.000 đồng/cổ phiếu.

18. Hạn chế chuyển nhượng : Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng (trừ số cổ phiếu không chào bán hết được phân phối tiếp như quy định tại Mục 21).
19. Phương thức phân phối : Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền, sau khi nhận được Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chứng của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
20. Chuyển nhượng quyền mua : Cổ đông sở hữu quyền mua có thể chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác và chỉ chuyển nhượng 01 lần duy nhất, bên nhận chuyển nhượng quyền mua sẽ không được chuyển nhượng cho bên thứ ba.
21. Phương án xử lý cổ phiếu không chào bán hết : - Chấp thuận, ủy quyền/giao cho HĐQT toàn quyền quyết định phân phối số cổ phiếu không chào bán hết (do cổ phiếu lẻ phát sinh và/hoặc cổ đông hiện hữu không mua/không mua hết) cho các nhà đầu tư quan tâm với giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.
- Số cổ phiếu không chào bán hết khi phân phối tiếp sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành, trừ trường hợp số cổ phiếu này được tổ chức bảo lãnh phát hành mua

theo cam kết tại hợp đồng bảo lãnh phát hành (nếu có).

22. Thời gian thực hiện dự kiến : Dự kiến trong năm 2023 và 2024, sau khi có chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. ĐHĐCĐ chấp thuận, ủy quyền/giao cho HĐQT lựa chọn và quyết định thời điểm thực hiện phù hợp.
23. Đăng ký lưu ký và giao dịch bổ sung : Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được đăng ký bổ sung tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung trên tại hệ thống Upcom của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định của pháp luật.
24. Sửa đổi Điều lệ : Sửa đổi các điều khoản nội dung liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần tại mục Vốn điều lệ trong Điều lệ Công ty cập nhật theo vốn điều lệ thực tế sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu.

25. Phương án sử dụng vốn thu được từ chào bán:

- Tổng khối lượng vốn huy động dự kiến từ đợt chào bán là 70.000.000.000 đồng. Công ty dự kiến sử dụng toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán để bổ sung vốn cho phương án mua 01 tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 10.000 DWT – 25.000DWT.

- Căn cứ tình hình cụ thể của Công ty và số tiền thực tế thu được từ đợt phát hành, ĐHĐCĐ chấp thuận, ủy quyền/ giao cho HĐQT xây dựng kế hoạch sử dụng vốn cụ thể, quyết định cụ thể việc phân bổ sử dụng tiền thu được từ việc chào bán cổ phiếu và/hoặc sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung chi tiết phương án sử dụng vốn trên cơ sở đảm bảo lợi ích cho Công ty và các cổ đông. Việc thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán phải phù hợp với các quy định pháp luật liên quan.

26. Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu: 70% số cổ phiếu đăng ký phát hành.

27. Tỷ lệ chào bán thành công dự kiến và phương án xử lý trường hợp chào bán không thu đủ số tiền như dự kiến:

Tỷ lệ chào bán thành công của đợt chào bán dự kiến là 100%, số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán là 70.000.000.000 đồng. Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định, Công ty không chào bán hết số cổ phần như đăng ký, số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ theo dự kiến nhưng vẫn đảm bảo tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu, Hội đồng Quản trị chủ động tìm kiếm các nguồn tài trợ bổ sung khác để đảm bảo huy động đủ vốn phục vụ kế hoạch kinh doanh và phù hợp với quy định pháp luật.

28. Mức độ pha loãng cổ phiếu dự kiến phát hành

Việc chào bán cổ phiếu mới ra công chúng để tăng vốn điều lệ cho Công ty sẽ làm pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phiếu (EPS), pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu và pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu (nếu cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua).

- **Pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS):** Sau khi hoàn thành đợt chào bán, thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS) sẽ bị pha loãng do tăng tổng số lượng cổ phiếu lưu hành và việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phần mới chưa tạo ra doanh thu và lợi nhuận đáng kể. Rủi ro từ việc EPS bị pha loãng sẽ được hạn chế nếu như Công ty sử dụng tối ưu nguồn vốn huy động được, duy trì tốt hoạt động và tăng cường, phát huy thế mạnh của mình để bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục tăng trưởng tốt sau đợt chào bán.
- **Pha loãng giá trị sổ sách:** Sau khi hoàn thành đợt chào bán, giá trị sổ sách của mỗi cổ phần sẽ có thể bị thay đổi phụ thuộc vào tốc độ tăng của giá trị nguồn vốn chủ sở hữu và tốc độ tăng của số lượng cổ phiếu lưu hành của Công ty.
- **Về tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết:** Công ty thực hiện chào bán thêm cổ phần ra công chúng cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu; do đó, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu sẽ bị không bị giảm xuống sau đợt chào bán (trừ trường hợp cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm).

II. Nội dung Đại hội Đồng cổ đông chấp thuận, uỷ quyền/ giao cho Hội đồng quản trị xử lý những phần công việc sau:

ĐHĐCĐ chấp thuận, uỷ quyền/ giao cho HĐQT Công ty thực hiện các công việc sau đây:

1. Quyết định sửa đổi, bổ sung, chỉnh sửa hoặc thay đổi phương án phát hành đã được ĐHĐCĐ thông qua (nếu thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền) nhằm triển khai phương án phát hành cổ phiếu được hiệu quả cao nhất, tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan, điều lệ và đảm bảo quyền lợi cổ đông Công ty. Báo cáo lại với ĐHĐCĐ trong kỳ họp gần nhất.
2. Chủ động xây dựng và giải trình hồ sơ xin phép chào bán cổ phiếu gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền có liên quan.
3. Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
4. Quyết định chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, thời điểm và tiến độ phát hành

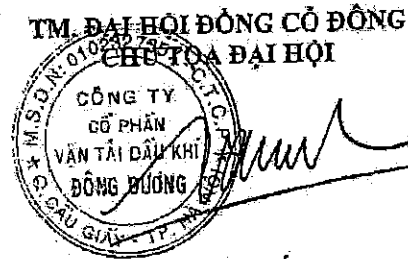
- cổ phiếu, thời điểm lưu ký bổ sung và giao dịch bổ sung cổ phiếu, bảo đảm lợi ích của cổ đông và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.
5. Thực hiện thủ tục hủy bỏ đợt chào bán và quyết định mức lãi suất phải trả cho nhà đầu tư đã tham gia nộp tiền mua cổ phần (nếu có) trong trường hợp phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu không đảm bảo tỷ lệ chào bán tối thiểu là 70%, Công ty tiến hành thủ tục trả lại tiền mua cổ phiếu cho các nhà đầu tư và hủy bỏ kết quả chào bán theo quy định của pháp luật.
 6. Chủ động thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan sau khi hoàn thành tăng vốn: Thực hiện đăng ký tăng vốn điều lệ Công ty với cơ quan nhà nước có thẩm quyền; sửa đổi khoản mục về vốn điều lệ trong Điều lệ Công ty và các giấy tờ pháp lý khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của công ty.
 7. Quyết định phương án xử lý đối với cổ phiếu không chào bán hết cho các tổ chức/cá nhân khác (bao gồm cả trường hợp phân phối tại Khoản 3, Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP).
 8. Lựa chọn và ký Hợp đồng với đơn vị bảo lãnh phát hành. Lựa chọn phương thức bảo lãnh phát hành và tổ chức thực hiện bảo lãnh phát hành cổ phiếu của đợt phát hành theo đúng quy định pháp luật (nếu cần).
 9. Phê chuẩn các (dự thảo) hợp đồng, tài liệu, giao dịch khác liên quan đến việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, việc thực hiện phương án sử dụng vốn nêu tại Mục 25 Phần I, bao gồm các giao dịch, hợp đồng giữa Công ty và Bên có liên quan theo Điều 167 - Luật Doanh nghiệp 2020 đối với các nội dung thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị (nếu có).
 10. Toàn quyền quyết định việc điều chỉnh, thay đổi, bổ sung phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành với giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số tiền thu được; lựa chọn phương án triển khai, thời điểm giải ngân phù hợp với kế hoạch của Công ty nhằm đảm bảo lợi ích cao nhất cho cổ đông và Công ty. Việc thay đổi phương án sử dụng vốn phải được báo cáo ĐHCĐ tại kỳ họp gần nhất.
 11. Xây dựng hồ sơ và các tài liệu cần thiết để thực hiện đăng ký lưu ký bổ sung cổ phiếu Công ty tại VSD và đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) theo quy định pháp luật.
 12. Thực hiện các công việc, thủ tục khác mà HĐQT thấy cần thiết để hoàn tất việc phát hành cổ phiếu theo phương án phát hành và phương án sử dụng vốn sau khi phát hành mà đã được ĐHCĐ thông qua và phê duyệt theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Hội đồng quản trị Công ty có trách nhiệm chỉ đạo, triển khai thực hiện các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 thông qua trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương thông qua. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- HĐQT, BKS;
- Ban GD;
- Lưu: VT, HĐQT.



Lê Mạnh Tuấn



SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 13 tháng 12 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

Số: 01/NQ-VTDKĐD-ĐHĐCĐ

BẢN SAO
COPY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 4 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG



Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.

GIÁM ĐỐC Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019.

Căn cứ Điều lệ Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương.

Lê Thanh Sơn Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty CP
Vận tải Dầu khí Đông Dương số 01/BBH-VTDKĐD-ĐHĐCĐ ngày 21/4/2023.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo hoạt động năm 2022 và Kế hoạch hoạt động năm 2023 của Hội đồng Quản trị (Phụ lục 1).
2. Báo cáo hoạt động năm 2022 và Kế hoạch, phương hướng hoạt động năm 2023 của Ban Kiểm soát (Phụ lục 2).
3. Ghi nhận Báo cáo quyết toán Dự án đầu tư 1 tàu chở dầu/hoá chất trọng tải khoảng 13.000DWT được ĐHĐCĐ giao tại Nghị quyết số 01/NQ-VTDKĐD-ĐHĐCĐ ngày 24/6/2022 (Phụ lục 3).
4. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam (Phụ lục 4).
5. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023, giao cho HĐQT phê duyệt việc điều chỉnh kế hoạch SXKD và kế hoạch đầu tư (nếu cần) cho phù hợp với tình hình thực tế của Công ty (Phụ lục 5).
6. Phương án mua tàu chở dầu/hoá chất trọng tải khoảng 13.000DWT (Phụ lục 6).
7. Báo cáo thực hiện thù lao năm 2022 và Kế hoạch thù lao, phụ cấp năm 2023 của thành viên HĐQT và BKS (Phụ lục 7).
8. Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2022 (Phụ lục 8).
9. Danh sách các đơn vị kiểm toán độc lập và giao cho HĐQT quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 (Phụ lục 9).
10. Miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với ông Trần Hải Đăng do có đơn xin từ nhiệm.
11. Bầu bổ sung 01 (một) thành viên HĐQT độc lập nhiệm kỳ 2023-2028 thay ông Trần Hải Đăng.
12. Kết quả bầu bổ sung 01 (một) thành viên Hội đồng Quản trị độc lập nhiệm kỳ 2023-2028: ông Phạm Anh Hùng.
13. Miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát đối với bà Lê Hải Yến do hết nhiệm kỳ 2018-2023.
14. Miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát đối với ông Lê Trọng An do có đơn từ nhiệm.
15. Kết quả bầu 02 (hai) thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028: ông Lê Thiện Nhật và bà Lê Hải Yến.



Điều 2. Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm chỉ đạo, triển khai thực hiện các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 quyết nghị trên cơ sở tuân thủ pháp luật của Nhà nước và Điều lệ Công ty.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- HĐQT, BKS;
- Ban GP;
- Lưu: VT, HĐQT.

T.M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG



Lê Mạnh Tuấn



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



PHỤ LỤC 6:
(Đính kèm Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023
Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương số 01/NQ-VTDKĐD-ĐHĐCĐ ngày 21/4/2023)

PHƯƠNG ÁN MUA TÀU CHỖ DẦU/HÓA CHẤT TRỌNG TẢI KHOẢNG 13.000 DWT

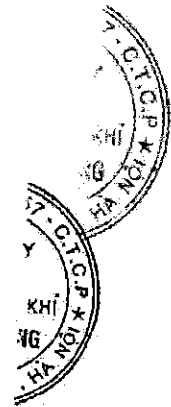
M
C
T

1/3

PHƯƠNG ÁN MUA TÀU CHỜ DẦU/HÓA CHẤT TRỌNG TÀI KHOẢNG 13.000 DWT

1. Các chỉ tiêu chính của Phương án mua tàu chờ dầu/hóa chất trọng tài khoảng 13.000DWT:
 - Tên Phương án: Phương án mua tàu chờ dầu/hóa chất trọng tài khoảng 13.000DWT.
 - Chủ đầu tư: Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương.
 - Mục tiêu: Góp phần tăng doanh thu và lợi nhuận, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty Đông Dương
 - Tổng mức mua tàu: không vượt quá 10.535.000 USD đã bao gồm các loại thuế, lệ phí, chi phí khảo sát/giám định/giao nhận tàu, chi phí kiểm toán, quyết toán phương án mua và chi phí dự phòng khác (nếu có).
 - Cơ cấu nguồn vốn: Vốn vay chiếm tối đa 65% giá mua tàu, còn lại là vốn chủ sở hữu.
 - Hình thức mua: Trực tiếp mua tàu đã qua sử dụng
 - Loại tàu: Tàu chờ dầu/hóa chất trọng tài khoảng 13.000DWT.
 - Tuổi tàu: Công ty Đông Dương mua tàu và sẽ treo cờ nước ngoài, không nhập khẩu tàu về Việt Nam, Công ty Đông Dương mua tàu phù hợp với nghị định 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ quy định về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán đóng mới tàu biển.
 - Nơi đóng tàu: Nhật Bản/Hàn Quốc.
 - Các chỉ tiêu hiệu quả kinh tế chính của Dự án: Không thấp hơn mức tối thiểu như sau:
 - + Tỷ suất hoàn vốn nội bộ (IRR) : 9,93%
 - + Tỷ suất sinh lợi của chủ đầu tư (ROE) : 10,53%
 - + Giá trị hiện tại thuần (NPV) dự án : 52.856 USD
 - + Giá trị hiện tại thuần (NPV) chủ đầu tư : 180.674 USD
 - + Thời gian hoàn vốn của Phương án không quá :12 năm
 - Thời điểm mua tàu dự kiến: Năm 2023 hoặc năm 2024.
2. Đại hội đồng Cổ đông giao cho Hội đồng Quản trị Công ty Đông Dương phê duyệt/quyết định các bước tiếp theo để triển khai thực hiện phương án trên cơ sở quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ và các quy định của Công ty Đông Dương.

- Đại hội đồng Cổ đông giao cho Hội đồng quản trị Công ty Đông Dương phê duyệt điều chỉnh phương án (nếu có), phê duyệt kế hoạch mua tàu, phê duyệt kết quả lựa chọn mua tàu, phê duyệt quyết toán phương án, lựa chọn hình thức khai thác tàu đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế trên nguyên tắc hiệu quả kinh tế của phương án không thấp hơn hiệu quả của phương án đã được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.



SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 13 tháng 12 năm 2023

**BẢN SAO
COPY**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 46/NQ-VTDKĐD-HĐQT

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

V/v: Điều chỉnh Phương án mua tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 13.000 DWT

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG**



Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020.

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-VTDKĐD-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số 14/BBH-VTDKĐD-HĐQT ngày 21/8/2023 của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương,

QUYẾT NGHỊ:

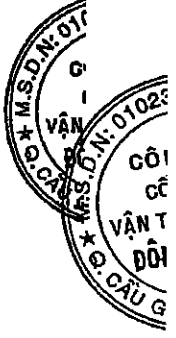
Điều 1. Thông qua điều chỉnh nội dung tên của Phương án mua 01 tàu chở dầu/hóa chất trong tài liệu để báo cáo trực tiếp tại ĐHĐCĐ bất thường năm 2023 về phương án tăng vốn.

Phương án 01 mua tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 13.000 DWT được điều chỉnh thành Phương án mua 01 tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 10.000 DWT – 25.000 DWT.

Điều 2. Thông qua việc điều chỉnh Phương án mua tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 13.000 DWT.

Để đảm bảo sự phù hợp giữa Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023, phương án mua tàu và phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty, Hội đồng quản trị thông qua việc điều chỉnh một số nội dung của Phương án mua tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 13.000 DWT. Chi tiết các nội dung điều chỉnh như sau:

STT	Nội dung trước điều chỉnh (theo Phương án đã được ĐHĐCĐ thường niên và HĐQT thông qua ngày 21/04/2023)	Nội dung sau điều chỉnh	Lý do
1	Tên phương án: Phương án mua tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 13.000 DWT.	Tên phương án: Phương án mua tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 10.000 DWT – 25.000 DWT.	Đảm bảo tương đồng và nhất quán với nhau.



GIÁM ĐỐC
Lê Khanh Sơn

STT	Nội dung trước điều chỉnh (theo Phương án đã được ĐHĐCĐ thường niên và HĐQT thông qua ngày 21/04/2023)	Nội dung sau điều chỉnh	Lý do
2	Các chỉ tiêu tài chính của Phương án mua tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 13.000 DWT.	Các chỉ tiêu tài chính của Phương án mua tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 10.000 DWT – 25.000 DWT.	Điều chỉnh theo tên phương án.
3	Loại tàu: tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 13.000 DWT.	Loại tàu: tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 10.000 DWT – 25.000 DWT.	Điều chỉnh theo tên phương án.

Các nội dung khác của phương án mua tàu chở dầu/hóa chất mà ĐHĐCĐ thường niên và HĐQT thông qua ngày 21/04/2023 được giữ nguyên.

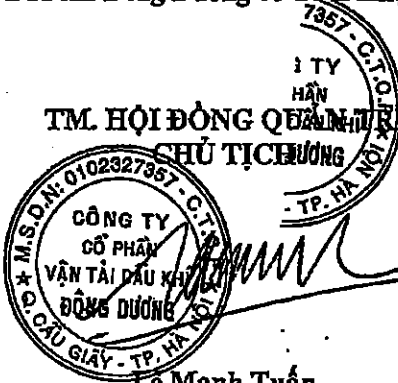
Điều 3: Giao cho Giám đốc và các Phòng/Ban có liên quan tiến hành thực hiện các nội dung nêu trên theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 4: Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương có trách nhiệm thực hiện và kiểm tra việc thực hiện nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HĐQT, BKS; BGD;
- Lưu: VT, HĐQT.


 TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
 CHỦ TỊCH ĐƯƠNG
 CÔNG TY CỔ PHẦN
 VẬN TẢI DẦU KHÍ
 ĐÔNG DƯƠNG
 M.S.Q.N: 0102327357 - C.T.P.K
 TP. HÀ NỘI
 G TY
 HÂN
 DẦU KHÍ
 DƯƠNG
 Y - TP. HÀ NỘI

Le Mạnh Tuấn

SAO Y BẢN CHÍNH

BẢN SAO
COPY

Ngày 13 tháng 12 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 17/NQ-VTDKĐD-HĐQT

Hà Nội, ngày 09 tháng 9 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

V/v: Triển khai phương án phát hành thêm cổ phiếu chào bán cho cổ đông
hiện hữu để tăng vốn điều lệ Công ty từ 100 tỷ đồng lên 170 tỷ đồng

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG**



GIÁM ĐỐC

Thanh Sơn số điều của Luật Chứng khoán;

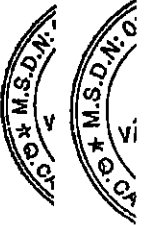
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài-chính về hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương;
Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-VTDKĐD-ĐHĐCĐ ngày 21/08/2023 của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương;
Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số 15/BBH-VTDKĐD-HĐQT ngày 08/9/2023 của Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua việc triển khai phương án phát hành thêm cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 21 tháng 08 năm 2023 với các nội dung cụ thể như sau:

- Tên tổ chức phát hành : Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương
- Tên cổ phiếu chào bán : Cổ phiếu Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương
- Mã cổ phiếu : PTT
- Loại cổ phiếu chào bán : Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Vốn điều lệ hiện tại : 100.000.000.000 đồng
- Cổ phiếu quỹ : 0 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành : 10.000.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu dự kiến chào : 7.000.000 cổ phiếu.

Trang 1/5



bán

10. Tổng giá trị chào bán (tính theo mệnh giá) : 70.000.000.000 đồng.
11. Vốn điều lệ dự kiến sau đợt chào bán : 170.000.000.000 đồng.
12. Đối tượng của đợt chào bán : cổ đông hiện hữu có tên trong Danh sách người sở hữu chứng khoán tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện phát hành do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) (tên gọi trước đây là "Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD)") cung cấp.
13. Phương thức chào bán : Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua.
14. Giá chào bán : 10.000 đồng/cổ phiếu.
15. Tỷ lệ chào bán : 10:7 (Theo đó, cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền sẽ được quyền mua 07 cổ phiếu phát hành thêm).
Số cổ phiếu mỗi cổ đông được quyền mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.
Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu 455 cổ phiếu. Số cổ phiếu cổ đông A được quyền mua là:
 $(455/10) \times 7 = 318,5$ cổ phiếu. Như vậy, theo nguyên tắc làm tròn, cổ đông A sẽ được quyền mua 318 cổ phiếu.
16. Đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu của nước ngoài : ĐHDCĐ chấp thuận, uỷ quyền/giao cho Hội đồng quản trị thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quy định của pháp luật.
17. Nguyên tắc xác định giá chào bán :
▪ Giá trị sổ sách 1 cổ phiếu của PTT (Book Value - sau đây gọi là BV):
 $BV = \text{Tổng Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành}$
- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2022:
 $BV = 121.265.103.319/10.000.000 =$

12.126,5 đồng/cp.

(Theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 của CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương).

▪ **Thị giá cổ phiếu PTT:**

Giá cổ phiếu bình quân 30 phiên giao dịch gần nhất của cổ phiếu PTT tại Upcom từ ngày 13/06/2023 đến 24/07/2023 là 11.030 đồng/cổ phần.

Dựa trên giá trị sổ sách, giá trị thị trường của cổ phiếu PTT và căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 126 Luật Doanh nghiệp 2020, để đảm bảo đợt chào bán thành công, HĐQT đề xuất ĐHCĐ mức giá chào bán cổ phiếu là 10.000 đồng/cổ phiếu.

18. Hạn chế chuyển nhượng : Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng (trừ số cổ phiếu không chào bán hết được phân phối tiếp như quy định tại Mục 21).
19. Phương thức phân phối : Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền, sau khi nhận được Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
20. Chuyển nhượng quyền mua : Cổ đông sở hữu quyền mua có thể chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác và chỉ chuyển nhượng 01 lần duy nhất, bên nhận chuyển nhượng quyền mua sẽ không được chuyển nhượng cho bên thứ ba.
21. Phương án xử lý cổ phiếu không chào bán hết : - Chấp thuận, ủy quyền/giao cho HĐQT toàn quyền quyết định phân phối số cổ phiếu không chào bán hết (do cổ phiếu là phát sinh và/hoặc cổ đông hiện hữu không mua/không mua hết) cho các nhà đầu tư quan tâm với giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.
- Số cổ phiếu không chào bán hết khi phân phối tiếp sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành, trừ trường hợp số cổ phiếu này được tổ chức bảo lãnh phát hành mua theo cam kết tại hợp đồng bảo lãnh phát hành (nếu có).

22. Thời gian thực hiện dự kiến : Dự kiến trong năm 2023 và 2024, sau khi có chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. ĐHĐCĐ chấp thuận, uỷ quyền/giao cho HĐQT lựa chọn và quyết định thời điểm thực hiện phù hợp.
23. Đăng ký lưu ký và giao dịch bổ sung : Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được đăng ký bổ sung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (tên gọi trước đây là “Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam”) và đăng ký giao dịch bổ sung trên tại hệ thống Upcom của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định của pháp luật.
24. Sửa đổi Điều lệ : Sửa đổi các điều khoản nội dung liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần tại mục Vốn điều lệ trong Điều lệ Công ty cập nhật theo vốn điều lệ thực tế sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu.
25. Phương án sử dụng vốn thu được từ chào bán:
- Tổng khối lượng vốn huy động dự kiến từ đợt chào bán là 70.000.000.000 đồng. Công ty dự kiến sử dụng toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán để bổ sung vốn cho phương án mua 01 tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 10.000 DWT – 25.000 DWT.
- Căn cứ tình hình cụ thể của Công ty và số tiền thực tế thu được từ đợt phát hành, ĐHĐCĐ chấp thuận, uỷ quyền/ giao cho HĐQT xây dựng kế hoạch sử dụng vốn cụ thể, quyết định cụ thể việc phân bổ sử dụng tiền thu được từ việc chào bán cổ phiếu và/hoặc sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung chi tiết phương án sử dụng vốn trên cơ sở đảm bảo lợi ích cho Công ty và các cổ đông. Việc thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán phải phù hợp với các quy định pháp luật liên quan.
26. Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu: 70% số cổ phiếu đăng ký phát hành.
27. Tỷ lệ chào bán thành công dự kiến và phương án xử lý trường hợp chào bán không thu đủ số tiền như dự kiến:
Tỷ lệ chào bán thành công của đợt chào bán dự kiến là 100%, số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán là 70.000.000.000 đồng. Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định, Công ty không chào bán hết số cổ phần như đăng ký, số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ theo dự kiến nhưng vẫn đảm bảo tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu, Hội đồng Quản trị chủ động tìm kiếm các nguồn tài trợ bổ sung khác để đảm bảo huy động đủ vốn phục vụ kế hoạch kinh doanh và phù hợp với quy định pháp luật.
28. Mức độ pha loãng cổ phiếu dự kiến phát hành
Việc chào bán cổ phiếu mới ra công chúng để tăng vốn điều lệ cho Công ty sẽ làm pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phiếu (EPS), pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu và pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu (nếu cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua).

- **Pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS):** Sau khi hoàn thành đợt chào bán, thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS) sẽ bị pha loãng do tăng tổng số lượng cổ phiếu lưu hành và việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phần mới chưa tạo ra doanh thu và lợi nhuận đáng kể. Rủi ro từ việc EPS bị pha loãng sẽ được hạn chế nếu như Công ty sử dụng tối ưu nguồn vốn huy động được, duy trì tốt hoạt động và tăng cường, phát huy thế mạnh của mình để bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục tăng trưởng tốt sau đợt chào bán.
- **Pha loãng giá trị sổ sách:** Sau khi hoàn thành đợt chào bán, giá trị sổ sách của mỗi cổ phần sẽ có thể bị thay đổi phụ thuộc vào tốc độ tăng của giá trị nguồn vốn chủ sở hữu và tốc độ tăng của số lượng cổ phiếu lưu hành của Công ty.
- **Về tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết:** Công ty thực hiện chào bán thêm cổ phần ra công chúng cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu; do đó, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu sẽ bị không bị giảm xuống sau đợt chào bán (trừ trường hợp cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm).

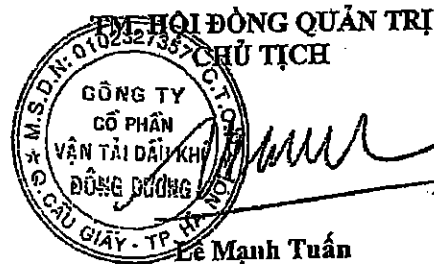
Điều 2. Giao cho Giám đốc, các Phòng và các cá nhân có liên quan tiến hành thực hiện các nội dung nêu trên theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Điều khoản thi thành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương có trách nhiệm thực hiện và kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- HĐQT, BKS, BGĐ;
- Lưu: VT, HĐQT.



Lê Mạnh Tuấn

SAO Y BẢN CHÍNH

BẢN SAO COPY

Ngày 13 tháng 12 năm 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 18/NQ-VTDKĐD-HĐQT

Hà Nội, ngày 08 tháng 9 năm 2023



NGHỊ QUYẾT

V/v: Phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu
đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

GIÁM ĐỐC
Lê Thanh Sơn

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương;
Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-VTDKĐD-ĐHĐCĐ ngày 21/08/2023 của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương;
Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số 15/BBH-VTDKĐD-HĐQT ngày 08/9/2023 của Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương.

QUYẾT NGHỊ:

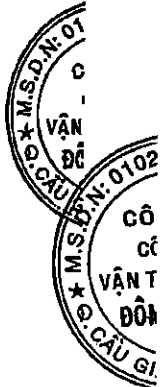
Điều 1. Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài của Công ty.

1. Xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty:

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương theo quy định pháp luật: Công ty đã báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và được Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước chấp thuận tại Công văn số 1132/UBCK-PTTT ngày 09/03/2022, tỷ lệ sở hữu tối đa theo quy định của pháp luật của PTT hiện nay là 0%.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ Công ty: Không có.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài của PTT tại ngày 24/07/2023 là 0% (theo danh sách cổ đông chốt ngày 24/07/2023 do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (nay gọi là "Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam") cung cấp).

2. Phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài:

Theo phương án phát hành cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương thông



qua, cổ phiếu mới được chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua theo tỷ lệ để tăng vốn điều lệ. Cổ đông được phân bổ quyền mua theo danh sách người sở hữu chứng khoán tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện phát hành cổ phiếu do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp. Để đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, HĐQT Công ty thông qua phương án cụ thể như sau:

- Các cổ đông của Công ty được hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm không thực hiện chuyển nhượng quyền mua cho nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ;

- Trong trường hợp khi thực hiện Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ có phát sinh cổ phiếu lẻ, cổ phiếu do cổ đông không thực hiện quyền, HĐQT Công ty không phân phối số cổ phiếu này cho nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ.

HĐQT Công ty cam kết sẽ tuân thủ đúng quy định về tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài theo quy định.



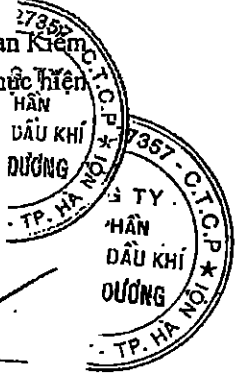
Điều 2. Giao cho Giám đốc, các Phòng và các cá nhân có liên quan tiến hành thực hiện các nội dung nêu trên theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Điều khoản thi thành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương có trách nhiệm thực hiện và kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- HĐQT, BKS, BGD;
- Lưu: VT, HĐQT.




Lê Mạnh Tuấn

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 15 tháng 08 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN SAO
COPY

Số: 19/NQ-VTDKĐD-HĐQT

Hà Nội, ngày 08 tháng 9 năm 2023



NGHỊ QUYẾT
V/v: Cam kết lưu ký, đăng ký giao dịch bổ sung
cổ phiếu PTT phát hành thêm

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

GIÁM ĐỐC

Lê Thanh Sơn

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương;
Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-VTDKĐD-ĐHĐCĐ ngày 21/08/2023 của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 của Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương;
Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số 15/BBH-VTDKĐD-HĐQT ngày 08/9/2023 của Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương



QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua cam kết lưu ký, giao dịch bổ sung cổ phần phát hành thêm.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán thêm cổ phiếu, Hội đồng quản trị cam kết thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký lưu ký bổ sung số cổ phiếu phát hành thêm tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) (tên gọi trước đây là "Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD)") và đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương tại hệ thống giao dịch Upcom của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).

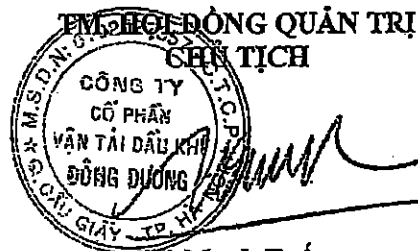
Điều 2. Giao cho Giám đốc, các Phòng và các cá nhân có liên quan tiến hành thực hiện các nội dung nêu trên theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Điều khoản thi thành

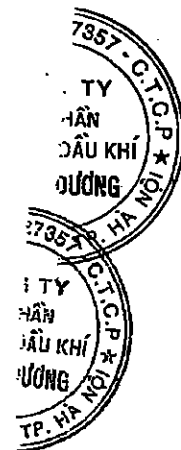
Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương có trách nhiệm thực hiện và kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- HĐQT, BKS, BGD;
- Lưu: VT, HĐQT.



Lê Mạnh Tuấn



SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 15 tháng 08 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN SAO
COPY

Số: 20/NQ-VTDKĐD-HĐQT

Hà Nội, ngày 08 tháng 9 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

V/v: Phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán để thực hiện Phương án mua 01 tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 10.000 DWT – 25.000 DWT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG



GIÁM ĐỐC

Lê Thanh Sơn

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-VTDKĐD-ĐHĐCĐ ngày 21/08/2023 của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số 15/BBH-VTDKĐD-HĐQT ngày 08/9/2023 của Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương.

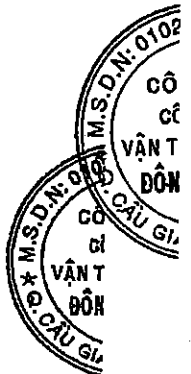
QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán để thực hiện Phương án mua 01 tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 10.000 DWT – 25.000 DWT.

Triển khai thực hiện phương án phát hành thêm cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ Công ty và phương án sử dụng số vốn thu được từ đợt chào bán tại Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 02/NQ-VTDKĐD-ĐHĐCĐ ngày 21/08/2023, HĐQT Công ty thông qua phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán để thực hiện Phương án mua 01 tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 10.000 DWT – 25.000 DWT như sau:

- Trong trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ theo dự kiến, Công ty sẽ sử dụng các công cụ tài chính hợp pháp khác, bao gồm và không giới hạn ở các công cụ vốn chủ hoặc vốn nợ để thu xếp đủ nguồn vốn thực hiện mua 01 tàu chở dầu/hóa chất như đã được ĐHĐCĐ thông qua.

- Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương cam kết lựa chọn phương án phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và đảm bảo lợi ích cao nhất



cho Công ty và các cổ đông.

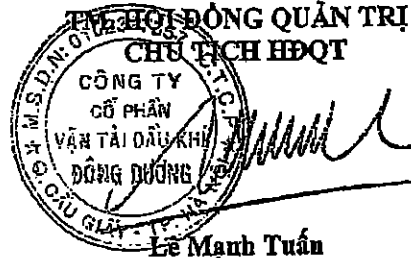
Điều 2. Giao cho Giám đốc, các Phòng và các cá nhân có liên quan tiến hành thực hiện các nội dung nêu trên theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương có trách nhiệm thực hiện và kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- HĐQT, BKS, BGD;
- Lưu: VT, HĐQT.



SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày: 13 tháng 12 năm 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

BẢN SAO

COPY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 25/NQ-VTDKĐD-HĐQT

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2023



NGHỊ QUYẾT

V/v: Phương án xử lý cổ phiếu không chào bán hết

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG**

GIÁM ĐỐC Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Lê Thanh Sơn

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 02/NQ-VTDKĐD-ĐHĐCĐ ngày 21/08/2023 của Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số 20/BBH-VTDKĐD-HĐQT ngày 26/10/2023 của Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương,

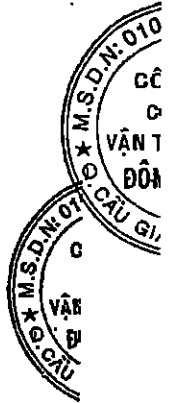
QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua phương án xử lý cổ phiếu không chào bán hết

Theo Phương án phát hành thêm cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ Công ty từ 100 tỷ đồng lên 170 tỷ đồng đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương thông qua, trường hợp cổ phiếu không chào bán hết do cổ phiếu lẻ phát sinh và/hoặc cổ đông hiện hữu không mua/không mua hết, ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị phân phối tiếp cho các nhà đầu tư quan tâm với giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu. Số cổ phiếu không chào bán hết khi phân phối tiếp sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành.

Hội đồng quản trị Công ty cam kết: khi thực hiện phân phối cổ phiếu không chào bán hết cho các cổ đông hiện hữu sẽ tuân thủ đúng quy định tại Khoản 3 Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ, các văn bản pháp luật có liên quan khác và Điều lệ Công ty.

Điều 2. Giao cho Giám đốc, các Phòng và các cá nhân có liên quan tiến hành thực hiện các nội dung nêu trên theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.



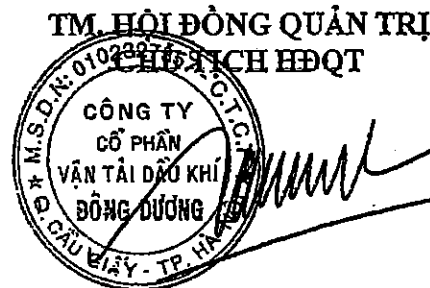
Điều 3. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương có trách nhiệm thực hiện và kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này.

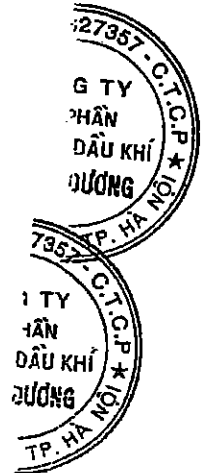
Hội đồng quản trị Công ty có trách nhiệm báo cáo lại với Đại hội đồng cổ đông gần nhất về nội dung phương án xử lý cổ phiếu không chào bán hết theo Điều 1 Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- HĐQT, BKS, BGD;
- Lưu: VT, HĐQT.



Lê Mạnh Tuấn



SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 13 tháng 12 năm 2023

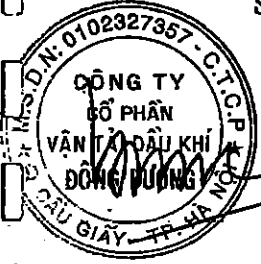
BẢN SAO
COPY

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 26 /NQ-VTDKĐD-HĐQT

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2023



NGHỊ QUYẾT

Vấn đề: Phương án sử dụng vốn chi tiết thu được từ đợt chào bán

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG**

GIÁM ĐỐC

Lê Thanh Sơn

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-VTDKĐD-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương;

Căn cứ Nghị quyết HĐQT số 11/NQ-VTDKĐD-HĐQT ngày 21/04/2023 về việc Phê duyệt Phương án mua tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 13.000 DWT;

Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 16/NQ-VTDKĐD-HĐQT ngày 21/08/2023 về việc điều chỉnh Phương án mua tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 13.000 DWT;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 02/NQ-VTDKĐD-ĐHĐCĐ ngày 21/08/2023 của Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số 20/BBH-VTDKĐD-HĐQT ngày 26/10/2023 của Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua phương án sử dụng vốn chi tiết thu được từ đợt chào bán

➤ Phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán:

Tổng khối lượng vốn huy động dự kiến từ đợt chào bán là 70.000.000.000 đồng. Công ty dự kiến sử dụng toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán để bổ sung vốn cho phương án mua 01 tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 10.000 DWT – 25.000 DWT. Cụ thể như sau:

Nhu cầu sử dụng vốn	Số tiền	Thời điểm giải ngân dự kiến	Nguồn vốn tài trợ	Số tiền dự kiến (VNĐ)
Mua 01 tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng	10.535.000 USD, trong đó khoảng	Quý I-II/2024	1. Nguồn vốn thu được từ chào bán thêm cổ phiếu	70.000.000.000



Nhu cầu sử dụng vốn	Số tiền	Thời điểm giải ngân dự kiến	Nguồn vốn tài trợ	Số tiền dự kiến (VNĐ)
10.000 DWT - 25.000 DWT.	253 tỷ đồng (*)		2. Nguồn vốn khác (Vốn vay ngân hàng, vốn chủ sở hữu...)	183.000.000.000
TỔNG CỘNG				253.000.000.000

(*) Tỷ giá lựa chọn để tính toán: 24.000 VNĐ/USD, được xác định trên cơ sở tỷ giá bán USD của Ngân hàng Vietcombank cập nhật tại ngày 20/03/2023 (23.750 VNĐ/USD) và biến động tỷ giá là khoảng +1%. Số tiền bằng VNĐ (đồng) có thể thay đổi tùy theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm giải ngân, tuy nhiên vẫn đảm bảo tổng mức đầu tư mua tàu tính theo đồng USD không vượt quá 10.535.000 USD.

➤ Thông tin cơ bản về Phương án mua tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 10.000 DWT – 25.000 DWT:

- Tên Phương án: Phương án mua tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 10.000 DWT – 25.000 DWT.
- Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương.
- Mục tiêu: Góp phần tăng doanh thu và lợi nhuận, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương.
- Tổng mức mua tàu: không vượt quá 10.535.000 USD, đã bao gồm các loại thuế, lệ phí, chi phí khảo sát/giám định/giao nhận tàu, chi phí kiểm toán, quyết toán phương án mua và chi phí dự phòng khác (nếu có).
- Cơ cấu nguồn vốn: Vốn vay chiếm tối đa 65% giá mua tàu, còn lại là vốn chủ sở hữu.
- Hình thức mua: Trực tiếp mua tàu đã qua sử dụng.
- Loại tàu: Tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 10.000 DWT – 25.000 DWT.
- Tuổi tàu: Công ty mua tàu và sẽ treo cờ nước ngoài, không nhập khẩu tàu về Việt Nam. Công ty mua tàu phù hợp với nghị định 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ quy định về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán đóng mới tàu biển.
- Nơi đóng tàu: Nhật Bản/Hàn Quốc.
- Kế hoạch khai thác
 - Thị trường mục tiêu chính của phương án: Thị trường quốc tế tại các tuyến gần khu vực nhận giao tàu hoặc các tuyến Vịnh/ Đông Nam Á/Trung Đông/Biển Đỏ/Châu Âu.
 - Phương án khai thác: Linh hoạt theo hướng ưu tiên cho thuê định hạn quốc tế hoặc tham gia POOL để đảm bảo ổn định hoạt động kinh doanh của phương án.

- Thời điểm mua tàu dự kiến: Quý I - II năm 2024.

Thông tin chi tiết về Phương án mua 01 tàu chở dầu/hóa chất đã được phê duyệt tại Nghị quyết HĐQT số 11/NQ-VTDKĐD-HĐQT ngày 21/04/2023 về việc Phê duyệt Phương án mua tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 13.000 DWT và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 16/NQ-VTDKĐD-HĐQT ngày 21/08/2023 về việc điều chỉnh Phương án mua tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 13.000 DWT.

Điều 2. Giao cho Giám đốc, các Phòng và các cá nhân có liên quan tiến hành thực hiện các nội dung nêu trên theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

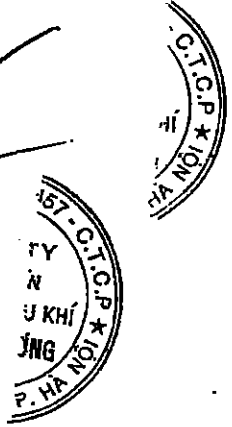
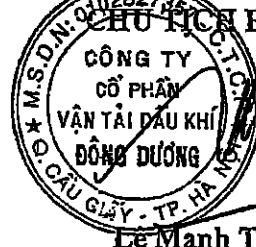
Điều 3. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương có trách nhiệm thực hiện và kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- HĐQT, BKS, BGD;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT
CÔNG TY
CỔ PHẦN
VẬN TẢI DẦU KHÍ
ĐÔNG DƯƠNG
Lê Mạnh Tuấn



SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 11 tháng 12 năm 2023

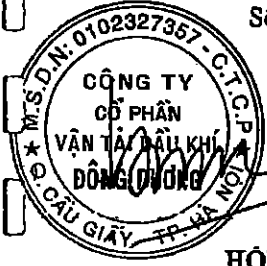
BẢN SAO
COPY

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 27/NQ-VTDKĐD-HĐQT

Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2023



NGHỊ QUYẾT

V/v: Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

GIÁM ĐỐC Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Lê Thanh Sơn

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-VTDKĐD-ĐHĐCĐ ngày 21/08/2023 của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số 21/BBH-VTDKĐD-HĐQT ngày 06/11/2023 của Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương,

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương, bao gồm:

- 1.1. Giấy đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương;
- 1.2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương;
- 1.3. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương số 01/NQ-VTDKĐD-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023;
- 1.4. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng vốn, việc đăng ký giao dịch cổ phiếu số 02/NQ-VTDKĐD-ĐHĐCĐ ngày 21/08/2023;
- 1.5. Bản cáo bạch của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương;
- 1.6. Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương;
- 1.7. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021, 2022 và Báo cáo tài chính quý 3 năm 2023 của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương;
- 1.8. Hợp đồng tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán số 59/2023/BVSC-PTT/TV-PH.CP ngày 28 tháng 06 năm 2023 ký giữa Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương và Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt;



- 1.9. Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương số 17/NQ-VTDKĐD-HĐQT ngày 08/09/2023 thông qua việc triển khai phương án phát hành thêm cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ Công ty từ 100 tỷ đồng lên 170 tỷ đồng;
- 1.10. Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương số 18/NQ-VTDKĐD-HĐQT ngày 08/09/2023 thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài;
- 1.11. Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương số 19/NQ-VTDKĐD-HĐQT ngày 08/09/2023 về việc thông qua cam kết lưu ký, giao dịch bổ sung cổ phiếu phát hành thêm;
- 1.12. Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương số số 20/NQ-VTDKĐD-HĐQT ngày 08/09/2023 về việc thông qua phương án bù đắp phần thiếu hụt dự kiến huy động từ đợt chào bán để thực hiện phương án mua 01 tàu chở dầu/hoá chất trọng tải khoảng 10.000 DWT – 25.000 DWT;
- 1.13. Văn bản số 18919/PVB-K.KHDNL ngày 25/08/2023 của Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVCComBank) về việc mở tài khoản phong tỏa;
- 1.14. Văn bản số 139/VTDKĐD-TCKTKH ngày 12/09/2023 của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương về việc cam kết đáp ứng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 15 của Luật Chứng khoán;
- 1.15. Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương số 11/NQ-VTDKĐD-HĐQT ngày 21/04/2023 về việc Phê duyệt Phương án mua tài chõ dầu/hoá chất trọng tải khoảng 13.000 DWT (có kèm theo Phương án mua tàu chỉ tiết);
- 1.16. Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương số 16/NQ-VTDKĐD-HĐQT ngày 21/08/2023 về việc điều chỉnh Phương án mua tàu chõ dầu/hoá chất trọng tải khoảng 13.000 DWT;
- 1.17. Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương số 25/NQ-VTDKĐD-HĐQT ngày 26/10/2023 về việc phương án xử lý cổ phiếu không chào bán hết;
- 1.18. Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương số 26/NQ-VTDKĐD-HĐQT ngày 26/10/2023 về việc phương án sử dụng vốn chi tiết thu được từ đợt chào bán.

Điều 2. Ủy quyền cho đơn vị tư vấn là Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt thay mặt cho Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương nộp và giải trình hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Điều 3. Giao cho Giám đốc, các Phòng và các cá nhân có liên quan tiến hành thực hiện các nội dung nêu trên theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 4. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Nghị quyết số 21/NQ-VTDKĐD-HĐQT ngày 18/09/2023 của HĐQT về việc thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra

232
 Ô NG
 CỔ PI
 TÀI I
 NG I
 3273
 14Y
 NG T
 Ồ PHẢI
 TÀI DÃI
 NG DƯ
 14Y - 1

công chúng. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương có trách nhiệm thực hiện và kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- HĐQT, BKS, BGD;
- Lưu: VT, HĐQT.

